



**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *1461*/KH-UBND

Cần Giờ, ngày 18 tháng 4 năm 2019

KẾ HOẠCH

**Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (khỏi Nhà nước)
của huyện Cần Giờ năm 2019**

Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Quyết định số 5190/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch đẩy mạnh thực hiện Chương trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2018 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho hệ thống chính trị của thành phố Hồ Chí Minh năm 2019 (khỏi Nhà nước);

Căn cứ Kế hoạch số 2977/KH-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ về thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ X về Chương trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của huyện Cần Giờ giai đoạn 2016 - 2020;

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức là một trong những nội dung quan trọng trong công tác quản lý cán bộ của huyện; nhằm nâng cao kiến thức, năng lực quản lý, điều hành và thực thi công vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức là hướng đến mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức chuyên nghiệp, có phẩm chất tốt và đủ năng lực thực thi công vụ, tận tụy phục vụ đất nước, phục vụ nhân dân. Đặc biệt là chú trọng đào tạo, bồi dưỡng về kỹ năng quản lý nhà nước, chuyên môn nghiệp vụ, tin học và ngoại ngữ để cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy Nhà nước.

Nhằm từng bước chuẩn hóa và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn huyện; cũng như đáp ứng nguồn nhân lực kịp thời trong công tác quản lý nhà nước, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của huyện trong năm 2019 và những năm tiếp theo, Ủy ban nhân dân huyện xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức (khỏi Nhà nước) năm 2019 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Quyết liệt thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, các giải pháp chủ yếu, phấn đấu đến năm 2020 đạt các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra về chất lượng nguồn nhân lực của huyện.

Tiếp tục nâng cao kiến thức, năng lực quản lý, điều hành và thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức hiện nay nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện có hiệu quả chương trình nâng cao chất lượng nguồn

nhân lực, chương trình cải cách hành chính của huyện trong năm 2019 và những năm tiếp theo.

Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, vững vàng về chính trị, tinh thông nghiệp vụ, có đủ năng lực trong xây dựng hệ thống chính trị, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa tiên tiến hiện đại.

2. Yêu cầu

Bảo đảm công tác đào tạo, bồi dưỡng thực sự nâng cao được năng lực, kỹ năng thực thi công vụ được giao; nâng cao ý thức trách nhiệm, đạo đức trong thực thi công vụ.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng phải gắn với công tác quy hoạch cán bộ, sát với yêu cầu, nhiệm vụ và tình hình thực tế của mỗi đơn vị, tránh đào tạo tràn lan.

Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức và bản thân cán bộ, công chức, viên chức tham gia tích cực và hiệu quả vào công tác đào tạo, bồi dưỡng.

Thủ trưởng các cơ quan đơn vị khi cử cán bộ công chức, viên chức tham dự các lớp học phải sắp xếp phân công công việc hợp lý đảm bảo thời gian, chất lượng công tác là làm việc đạt yêu cầu, số lượng cán bộ công chức, viên chức đi học không vượt quá 30% biên chế của đơn vị đang thực hiện.

II. NỘI DUNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

1. Về chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ:

Chương trình đào tạo sau đại học (đính kèm danh sách):

- Đối tượng: Cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo các điều kiện quy định tại Điều 6 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ.

- Số lượng: 09 người (cán bộ, công chức: 04 người, viên chức: 05 người).

- Hình thức đào tạo: Vừa làm vừa học, không tập trung.

- Thời gian: 02 năm.

- Dự kiến kinh phí đào tạo sau đại học (Thạc sĩ, Chuyên khoa I, II):

+ Cán bộ, công chức: Ngân sách Nhà nước do huyện chi (học phí, tài liệu, tàu xe, tiền ăn).

+ Viên chức: Nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp chi.

Trong đó:

- Bác sĩ Chuyên khoa II (Bác sĩ Gia đình): 01 người.

- Bác sĩ Chuyên khoa I (Y học Cổ truyền, Ngoại khoa): 02 người.

- Bác sĩ Chuyên khoa I (Hồi sức cấp cứu – Chống độc): 01 người.

- Thạc sĩ Quản lý Giáo dục: 02 người.

- Thạc sĩ Luật: 01 người.

- Thạc sĩ Quản lý tài chính công: 01 người.

- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh: 01 người.

Chương trình đào tạo đại học, cao đẳng

- Đối tượng: Cán bộ viên chức khối các đơn vị sự nghiệp.
- Số lượng: 38 người.
- Hình thức đào tạo: Vừa học vừa làm.
- Thời gian: 02 - 03 năm.
- Kinh phí: Tự túc.

Trong đó:

- Đại học chuyên ngành (Dược sĩ, Xét nghiệm, Sư phạm, Kỹ sư...): 34 người.
- Đại học văn bằng 2 (Chuyên ngành Tiếng anh): 01 người.
- Cao đẳng (Chuyên ngành Điều dưỡng): 03 người.

b) Các lớp bồi dưỡng do huyện tổ chức:

Năm 2019, Ủy ban nhân dân huyện dự kiến mở các lớp bồi dưỡng cho khoảng **562** học viên, cụ thể như sau:

- Lớp tập huấn Luật Tín ngưỡng Tôn giáo và các văn bản hướng dẫn thi hành: dự kiến **120** học viên.
- Lớp tập huấn Luật Thi đua - Khen thưởng và Nghị định, văn bản hướng dẫn: dự kiến **150** học viên.
- Lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác giám sát, thẩm tra cho thành viên các ban Hội đồng nhân dân huyện, xã - thị trấn: dự kiến **212** học viên.
- Lớp bồi dưỡng cán bộ Trưởng ấp, Trưởng khu phố: dự kiến **80** học viên.

Kinh phí: Ngân sách huyện chi theo Kế hoạch mở lớp.

c) Các lớp bồi dưỡng do thành phố tổ chức:

Dự kiến cử **207** cán bộ, công chức, viên chức của huyện tham dự các lớp bồi dưỡng do thành phố tổ chức theo thông báo chiêu sinh (*đính kèm bảng tổng hợp nhu cầu đăng ký bồi dưỡng năm 2019 của các cơ quan, đơn vị*).

Kinh phí:

- Kinh phí tổ chức các lớp bồi dưỡng do thành phố chiêu sinh: từ nguồn kinh phí Nhà nước do ngân sách Thành phố chi khi được Thành phố phê duyệt.
- Kinh phí hỗ trợ học viên (hỗ trợ tiền ăn, đi lại...): Cơ quan, đơn vị cử cán bộ, công chức, viên chức bồi dưỡng, tập huấn sử dụng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và nguồn kinh phí khác của mình để các nội dung hỗ trợ một phần cho học viên (theo quy định tại điểm c khoản 3 điều 4 Thông tư số 36/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính), được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

2. Về lý luận chính trị

- Cao cấp lý luận chính trị:
 - + Đối tượng: Phối hợp Ban Tổ chức Huyện ủy đề xuất cử cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý đương nhiệm và quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý khối Nhà nước thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý.
 - + Số lượng: 22 người.
 - + Hình thức đào tạo: Tập trung (10 người), tại chức (12 người).

- + Thời gian đào tạo: 09 tháng (tập trung), 18 tháng (tại chức).
- + Nguồn kinh phí hỗ trợ (tài liệu, tàu xe, tiền ăn): Ngân sách Nhà nước do huyện chi.
- Trung cấp lý luận chính trị:
- + Đối tượng: Công chức các cơ quan hành chính, cán bộ chủ chốt xã, thị trấn, viên chức lãnh đạo, quản lý chưa đạt chuẩn về trình độ lý luận chính trị (đính kèm danh sách).
- + Số lượng: 54 người.
- + Hình thức đào tạo: Vừa làm vừa học (tuần học 02 ngày).
- + Thời gian đào tạo: 16,5 tháng.
- + Nguồn kinh phí hỗ trợ (tài liệu, tàu xe, tiền ăn): Ngân sách Nhà nước do huyện chi.

3. Các nội dung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tự chuẩn hóa

Trong năm 2019, huyện sẽ tập trung đẩy mạnh việc chuẩn hóa trình độ, đảm bảo đến năm 2020 đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đạt chuẩn 100%, nâng cao mặt bằng chung về nguồn nhân lực.

a) Về ngoại ngữ

- Nội dung đào tạo, bồi dưỡng: Bồi dưỡng theo Khung tham chiếu trình độ ngoại ngữ chung Châu Âu (CEFR) 6 cấp độ được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2008 cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn huyện. Bồi dưỡng ngoại ngữ nâng cao theo tiêu chuẩn quốc tế (TOEFL, IELTS,...) cho cán bộ, công chức, viên chức có năng lực, trình độ phù hợp với yêu cầu.

- Đối tượng: Cán bộ, công chức, viên chức chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định về trình độ ngoại ngữ đối với từng loại chức danh, từng ngạch và từng chức danh nghề nghiệp.

- Chỉ tiêu cụ thể: Dự kiến trong năm 2019, huyện Cần Giờ phải chuẩn hóa trình độ ngoại ngữ cho **209/418** cán bộ, công chức, viên chức chưa đạt chuẩn (đính kèm danh sách các trường hợp chưa đạt chuẩn tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2018).

b) Về tin học

- Nội dung đào tạo, bồi dưỡng: Đào tạo, bồi dưỡng về trình độ tin học đảm bảo đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông (cơ bản và nâng cao) đáp ứng tiêu chuẩn của từng loại chức danh, từng ngạch công chức và chức danh nghề nghiệp viên chức.

- Đối tượng: Cán bộ, công chức, viên chức chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định về trình độ tin học đối với từng loại chức danh, từng ngạch và từng chức danh nghề nghiệp.

- Chỉ tiêu cụ thể: Dự kiến trong năm 2019, huyện Cần Giờ phải chuẩn hóa trình độ tin học cho **85/169** cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn huyện (đính kèm danh sách các trường hợp chưa đạt chuẩn tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2018).

c) Giải pháp thực hiện

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị tổ chức rà soát trình độ tin học của cán bộ, công chức, viên chức thuộc đơn vị mình, theo dõi, đôn đốc và kiểm tra, giám sát việc

tự túc chuẩn hóa trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học và báo cáo kết quả về Ủy ban nhân dân huyện (thông qua Phòng Nội vụ) để quản lý, cập nhật hồ sơ quản lý cán bộ, công chức, viên chức. Đồng thời tạo điều kiện, bố trí, sắp xếp thời gian làm việc nhằm hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức được học tập chuẩn hóa hoặc nâng cao trình độ. Tập trung đào tạo, bồi dưỡng đảm bảo đến năm 2020, 100% cán bộ, công chức, viên chức đạt chuẩn. Cá nhân cán bộ, công chức, viên chức có trách nhiệm về việc đảm bảo đạt tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng đến năm 2020, các trường hợp không đạt tiêu chuẩn sẽ xem xét giải quyết theo quy định.

Kinh phí thực hiện: Cá nhân cán bộ, công chức, viên chức tham gia chuẩn hóa trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học tự túc về kinh phí.

4. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng

Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành; kinh phí của cơ quan quản lý, sử dụng cán bộ, công chức; đóng góp của cán bộ, công chức; tài trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng viên chức được đảm bảo từ nguồn tài chính (nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên) của đơn vị sự nghiệp công lập, đóng góp của viên chức và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

III. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

1. Phòng Nội vụ

- Phối hợp cùng với Ban Tổ chức Huyện ủy có trách nhiệm tham mưu cho Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện ban hành các quyết định về công tác đào tạo, bồi dưỡng; liên hệ chặt chẽ với Ban Tổ chức Thành ủy, Sở Nội vụ thành phố, các Trường Đại học thành phố để tổ chức mở lớp và cử cán bộ công chức, viên chức huyện tham dự.

- Theo dõi, kiểm tra đôn đốc các cơ quan đơn vị thực hiện tốt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đã được phê duyệt và báo cáo kết quả đào tạo theo định kỳ.

- Phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch thực hiện thủ tục cấp phát kinh phí và thanh quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng theo quy định.

2. Các trung tâm đào tạo, bồi dưỡng trên địa bàn huyện (Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện)

- Chủ trì phối hợp với các ngành có liên quan nghiên cứu đề xuất Ủy ban nhân dân huyện tổ chức mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn theo chức danh cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân huyện và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

- Đảm bảo cơ sở vật chất cho công tác giảng dạy, học tập, ăn ở của giảng viên, học viên. Kết thúc các lớp học, Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện có trách nhiệm tổng hợp báo cáo kết quả học tập gửi cho Ban Tổ chức Huyện ủy, Ban Tuyên giáo Huyện ủy và Phòng Nội vụ huyện.

3. Các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn:

- Nâng cao nhận thức về công tác đào tạo, bồi dưỡng và quản lý chặt chẽ cán bộ, công chức, viên chức được cử đi học; đồng thời tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức tự học tập.

- Khảo sát, thống kê trình độ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo chức danh, vị trí công tác, làm cơ sở xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm gửi về Ủy ban nhân dân huyện (qua Phòng Nội vụ).

- Đề ra lộ trình đào tạo, bồi dưỡng nhằm chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tại đơn vị; đảm bảo đến năm 2020, 100% cán bộ, công chức, viên chức tại đơn vị đạt chuẩn về trình độ theo vị trí việc làm. Các trường hợp không đạt chuẩn sẽ xử lý, thực hiện tinh giản theo quy định.

- Có trách nhiệm phối hợp với Ban Tổ chức Huyện ủy, Phòng Nội vụ cử cán bộ công chức tham dự, theo dõi, quản lý chặt chẽ thời gian, kết quả học tập của cán bộ công chức và cùng với Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện lập tờ trình mở lớp bồi dưỡng tại huyện trình Thường trực Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt.

- Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc và chịu trách nhiệm về các trường hợp cán bộ, công chức, viên chức được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng nhưng không đạt kết quả theo yêu cầu để có biện pháp nhắc nhở, xử lý và bồi hoàn kinh phí theo quy định.

4. Phòng Tài chính - Kế hoạch

Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn việc sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, hỗ trợ kinh phí kịp thời cho cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng, hướng dẫn các đơn vị quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng theo quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, khó khăn, các đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn kịp thời phản ánh về Phòng Nội vụ tổng hợp để báo cáo Ủy ban nhân dân huyện xem xét giải quyết.

Trên đây là Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của huyện Cần Giờ năm 2019./

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Thường trực Huyện ủy;
- TTUB: CT, các PCT;
- Ban Tổ chức Huyện ủy;
- Phòng Nội vụ;
- Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện;
- Trung tâm GDNN-GDTX huyện;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc huyện;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn;
- VP: CVP, PCVP/TH;
- Lưu: VT, NV_H, Thg.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đoàn Thị Ngọc Cẩm

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢNG PHÂN TÍCH CHỈ TIÊU ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC
CỦA HUYỆN CẦN GIỜ GIAI ĐOẠN 2018 - 2020**

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 116/KH-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ)

STT	NỘI DUNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG	ĐỐI TƯỢNG	TỔNG SỐ	CHỈ TIÊU ĐÀO TẠO,			GHI CHÚ
				NĂM 2018	NĂM 2019	NĂM 2020	
1	Chuyên môn, nghiệp vụ		2354	1397	570	387	
	Đào tạo Đại học, Cao đẳng, Trung cấp,...)	Cán bộ, công chức, viên chức chưa đạt tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ hoặc theo nhu cầu công tác.	50	10	38	2	Theo Điều 5 tại Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ quy định thì cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn huyện Cần Giờ không thuộc đối tượng được hưởng chế độ, chính sách hỗ trợ

STT	NỘI DUNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG	ĐỐI TƯỢNG	TỔNG SỐ	CHỈ TIÊU ĐÀO TẠO,			GHI CHÚ
				NĂM 2018	NĂM 2019	NĂM 2020	
	Đào tạo Sau Đại học	Cán bộ, công chức, viên chức chủ chốt, quy hoạch nguồn nhân sự lãnh đạo, quản lý hoặc đảm bảo các điều kiện tại Điều 6 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP	15	5	8	2	Điều chỉnh tùy thuộc vào nhu cầu
	Đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn về kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ trên các lĩnh vực	Cán bộ, công chức, viên chức làm công tác chuyên môn, nghiệp vụ trên địa bàn huyện được bồi dưỡng bắt buộc hàng năm nhằm đáp ứng nhu cầu công vụ.	2329	1382	562	385	Khoản 4, Điều 15 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 và Điều 3 Thông tư số 01/2018/TT-BNV ngày 09/01/2018 về thực hiện bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên ngành bắt buộc hàng năm
2	Lý luận chính trị		155	74	76	5	

STT	NỘI DUNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG	ĐỐI TƯỢNG	TỔNG SỐ	CHỈ TIÊU ĐÀO TẠO,			GHI CHÚ
				NĂM 2018	NĂM 2019	NĂM 2020	
	Cử nhân/Cao cấp	Cán bộ, công chức, viên chức là cán bộ lãnh đạo, quản lý đương nhiệm và dự bị, nguồn quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý chưa đạt chuẩn về trình độ lý luận chính trị theo yêu cầu từng chức danh, chức vụ, vị trí việc làm.	31	4	22	5	Theo chỉ tiêu, nhu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công tác tại huyện
	Trung cấp	Công chức hành chính từ ngạch chuyên viên trở lên; cán bộ chủ chốt các xã, thị trấn; viên chức đương nhiệm và dự bị, nguồn quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý trong các đơn vị sự nghiệp công lập chưa đạt trình độ trung cấp lý luận chính trị.	124	70	54	-	Theo thống kê tính đến ngày 31/12/2018 thì hiện còn 54 trường hợp chưa đạt chuẩn về trình độ trung cấp chính trị. Do vậy, ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng cho 54 trường hợp này chuẩn hóa vào năm 2019, nhằm đạt chỉ tiêu 100% vào năm 2020.
3	Kiến thức Quản lý nhà nước						

STT	NỘI DUNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG	ĐỐI TƯỢNG	TỔNG SỐ	CHỈ TIÊU ĐÀO TẠO,			GHI CHÚ
				NĂM 2018	NĂM 2019	NĂM 2020	
	Kiến thức QLNN theo tiêu chuẩn ngạch công chức	Công chức các cơ quan hành chính chưa có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước theo ngạch.	Theo Thông báo chiêu sinh của Thành phố				Theo thống kê tính đến ngày 31/12/2018 thì hiện còn 690 trường hợp chưa đạt chuẩn về ngạch/chức danh nghề nghiệp
	Kiến thức chuyên ngành theo chức danh nghề nghiệp viên chức	Viên chức đang công tác tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện chưa có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức chuyên ngành.					
4	Ngoại ngữ	Cán bộ, công chức, viên chức chưa đạt tiêu chuẩn về trình độ ngoại ngữ và có nhu cầu nâng cao trình độ ngoại ngữ.	553	135	209	209	Theo thống kê tính đến ngày 31/12/2018 thì hiện còn 418 trường hợp chưa đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ

STT	NỘI DUNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG	ĐỐI TƯỢNG	TỔNG SỐ	CHỈ TIÊU ĐÀO TẠO,			GHI CHÚ
				NĂM 2018	NĂM 2019	NĂM 2020	
5	Tin học	Cán bộ, công chức, viên chức chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định về trình độ tin học đối với từng loại chức danh, từng ngạch và từng chức danh nghề nghiệp.	226	57	85	84	Theo thống kê tính đến ngày 31/12/2018 thì hiện còn 169 trường hợp chưa đạt chuẩn về trình độ tin học
TỔNG CỘNG			3288	1663	940	685	

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG HỢP CHƯA ĐẠT CHUẨN VỀ TRÌNH ĐỘ TIN HỌC

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 1461 /KH-UBND ngày 18 tháng 1 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
1	Trương Tiến Triển	07/10/1972		Kỹ sư	13.095	Phó Chủ tịch	Ủy ban nhân dân huyện	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
2	Võ Hoàng Kiệt	30/05/1965		Chuyên viên	01.003	Chánh Văn phòng	Văn phòng HĐND và UBND huyện	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
3	Huỳnh Văn Truyền	25/02/1968		Chuyên viên	01.003	Chuyên viên	Phòng Nội vụ	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
4	Nguyễn Văn Tiếp	17/02/1969		Chuyên viên	01.003	Chuyên viên	Phòng Kinh tế	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
5	Nguyễn Tấn Thụy	28/01/1963		Cán sự	01.004	Cán sự	Phòng Kinh tế	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
6	Phùng Gia Hùng	01/05/1963		Cán sự	01.004	Cán sự	Phòng Tư pháp	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
7	Lê Hồng Hiếu	17/09/1979		Chuyên viên	01.003	Chuyên viên	Phòng Quản lý đô thị	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
8	Nguyễn Thị Kim Xoan	20/08/1983	x	Cán sự	01.004	Cán sự	Phòng Y tế	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
9	Nguyễn Thanh Tùng	20/05/1964		Cán sự	01.004	Cán sự	Phòng Quản lý đô thị	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
10	Huỳnh Trung Đông	08/08/1974		Cán sự	01.004	Cán sự	Đội Quản lý trật tự đô thị thuộc Phòng Quản lý đô thị	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
11	Nguyễn Văn Tinh	12/01/1981		Cán sự	01.004	Cán sự	Đội Quản lý trật tự đô thị thuộc Phòng Quản lý đô thị	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
12	Nguyễn Thanh Tùng	24/03/1974		Cán sự	01.004	Cán sự	Đội Quản lý trật tự đô thị thuộc Phòng Quản lý đô thị	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
13	Hồ Thanh Xuân	12/05/1983	x	Cán sự	01.004	Cán sự	Đội Quản lý trật tự đô thị thuộc Phòng Quản lý đô thị	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
14	Nguyễn Mạnh Hùng	01/08/1966		Huấn luyện viên (hạng III)	V.10.01.03	Phó Giám đốc	Trung tâm Thể dục Thể thao	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
15	Nguyễn Hoàng Anh Vũ	11/05/1980		Huấn luyện viên (hạng III)	V.10.01.03	Trưởng bộ môn Bóng đá	Trung tâm Thể dục Thể thao	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
16	Mai Ngọc Thạch	17/09/1978		Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	Giám đốc	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
17	Lưu Văn Vự	04/05/1977		Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	Phó Giám đốc	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
18	Phạm Hồng Giang	01/10/1971		Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	Phó Giám đốc	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
19	Phan Việt Hùng	01/12/1980		Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	Phó Giám đốc	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
20	Bùi Trọng Toàn	20/03/1984		Kế toán viên cao đẳng	06a.031	Tổ phó	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
21	Nguyễn Văn Kính	01/05/1985		Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	Tổ trưởng	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
22	Nguyễn Thanh Hợp	06/10/1973		Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	Tổ trưởng	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
23	Nguyễn Vũ Khắc Chân	09/02/1974		Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	Tổ phó	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
24	Vũ Quốc Kỳ	22/05/1976		Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	Tổ trưởng	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
25	Trịnh Đình Chiến	10/06/1983		Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	Kỹ sư	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
26	Huỳnh Đức Dũng	07/04/1976		Cán sự	01.004	Cán sự	Ban Bồi thường Giải phóng Mặt bằng	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
27	Nguyễn Đức Duy	26/12/1985		Cán sự	01.004	Cán sự	Ban Bồi thường Giải phóng Mặt bằng	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
28	Lâm Quảng Sơn	13/06/1987		Chuyên viên cao đẳng	01a.003	Chuyên viên cao đẳng	Ban Bồi thường Giải phóng Mặt bằng	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
29	Nguyễn Mạnh Tân	17/08/1958		Kiểm lâm viên trung cấp	10.228	Trưởng trạm	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
30	Đỗ Như Phước	04/06/1959		Thanh tra viên (cấp I)	04.025	Chuyên viên	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
31	Trần Trung Dũng	29/05/1961		Cán sự	01.004	Bảo vệ rừng	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
32	Phùng Xuân Toàn	15/10/1962		Cán sự	01.004	Trưởng phân khu	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
33	Đặng Minh Cảnh	30/11/1966		Chuyên viên	01.003	Giám đốc	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
34	Nguyễn Minh Tâm	22/04/1969		Giáo viên trung học phổ thông hạng III	V.07.05.15	Giáo viên	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
35	Nguyễn Thị Thanh Xuân	16/02/1991	x	Giáo viên trung học phổ thông hạng III	V.07.05.15	Giáo viên	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
36	Huỳnh Thị Ngọc Quyên	13/12/1979	x	Giáo viên trung học cơ sở hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
37	Trương Ngọc Bình	27/10/1960		Giáo viên trung học	15.113	Giáo viên	Trường Bồi dưỡng giáo dục	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
38	Nguyễn Thị Thuận	13/01/1979	x	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.04	Giáo viên	Trường Mầm non An Thái Đông	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
39	Võ Thị Hoàng Oanh	27/11/1981	x	Kế toán viên trung cấp	06.032	Kế toán	Trường Mầm non An Thới Đông	-	Chứng chỉ tin học cơ bản		
40	Trần Thị Thanh Tâm	14/12/1980	x	Dược tá	16.136	Y tế	Trường Mầm non An Thới Đông	-	Chứng chỉ tin học cơ bản		
41	Nguyễn Thị Quế Hồng	08/03/1986	x	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.04	Giáo viên	Trường Mầm non An Thới Đông	-	Chứng chỉ tin học cơ bản		
42	Huỳnh Thị Ngọc Giàu	23/06/1981	x	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.04	Giáo viên	Trường Mầm non An Thới Đông	-	Chứng chỉ tin học cơ bản		
43	Trần Thị Chúc An	07/03/1985	x	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.04	Giáo viên	Trường Mầm non An Thới Đông	-	Chứng chỉ tin học cơ bản		
44	Phan Thị Thanh Thảo	29/06/1983	x	Văn thư trung cấp	02.008	Văn thư	Trường Mầm non An Thới Đông	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
45	Lê Thị Kim Hương	20/09/1982	x	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.04	Giáo viên	Trường Mầm non An Thới Đông		Chứng chỉ tin học cơ bản		
46	Lê Thị Thanh Hường	20/10/1982	x	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.04	Giáo viên	Trường Mầm non An Thới Đông		Chứng chỉ tin học cơ bản		
47	Trần Thị Thanh Trang	10/05/1985	x	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Giáo viên	Trường Mầm non An Thới Đông	-	Chứng chỉ tin học cơ bản		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
48	Trần Thị Thanh Tâm	24/12/1980	x	Dược tá	16.136	Y tế	Trường Mầm non An Thới Đông	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
49	Trịnh Lê Hồng Diễm	15/01/1985	x	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Giáo viên	Trường Mầm non Đồng Tranh	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
50	Bùi Thị Mỹ	24/11/1980	x	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.05	Giáo viên	Trường Mầm non Long Hòa	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
51	Đặng Hoàng Nhi	28/10/1976		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học An Nghĩa	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
52	Lê Xuân Tú	30/08/1984		Giáo viên tiểu học hạng IV	V.07.03.09	Giáo viên	Trường Tiểu học An Nghĩa	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
53	Phạm Thị Thúy Hằng	20/03/1981	x	Thư viện viên hạng IV	V.10.02.07	Thư viện	Trường Tiểu học An Nghĩa	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
54	Lê Văn Giác	26/07/1968		Cán sự	01.004	Thư viện	Trường Tiểu học Bình Thạnh	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
55	Nguyễn Thế Nhanh	23/06/1988		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Thạnh	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
56	Đinh Ngọc Việt	06/05/1982		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh 2	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
57	Nguyễn Thị Thơm	08/01/1990	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
58	Nguyễn Thúy An	20/03/1989	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh 2	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
59	Nguyễn Văn Hoàng	18/12/1966		Giáo viên tiểu học hạng IV	V.07.03.09	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh 2	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
60	Trần Minh Phương	21/01/1975		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
61	Trương Ngọc Hùng	01/04/1965		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
62	Vũ Thị Duyên	04/06/1989	x	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Y tế	Trường Tiểu học Cần Thạnh	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
63	Lê Thị Mỹ Hạnh	01/01/1987	x	Giáo viên tiểu học hạng IV	V.07.03.09	Giáo viên	Trường Tiểu học Dơi Lầu	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
64	Nguyễn Quốc Trinh	17/08/1981		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	TPT Đội	Trường Tiểu học Doi Lầu	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
65	Nguyễn Thị Hiền	02/06/1992	x	Giáo viên tiểu học hạng IV	V.07.03.09	Giáo viên	Trường Tiểu học Doi Lầu	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
66	Trần Văn Tư	12/03/1971		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Doi Lầu	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
67	Bùi Thị Mỹ Hà	01/07/1981	x	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Y tế	Trường Tiểu học Đồng Hòa	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
68	Nguyễn Văn Chí	26/03/1970		Kế toán viên trung cấp	06.032	Kế toán	Trường Tiểu học Long Thạnh	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
69	Đặng Thanh Hóa	13/04/1987		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Tam Thôn Hiệp	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
70	Lê Mai Mộng Mơ	04/04/1975	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Tam Thôn Hiệp	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
71	Lê Thị Dung	16/10/1992	x	Giáo viên tiểu học hạng IV	V.07.03.09	Giáo viên	Trường Tiểu học Tam Thôn Hiệp	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
72	Lê Công Hóa	07/08/1973		Giáo viên tiểu học hạng IV	V.07.03.09	Giáo viên	Trường Tiểu học Long Thạnh	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
73	Lê Quốc Thịnh	15/12/1972	x	Giáo viên tiểu học hạng IV	V.07.03.09	Giáo viên	Trường Tiểu học Thạnh An	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
74	Trần Thị Ngọc Giàu	06/05/1989	x	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Y tế	Trường Tiểu học Thạnh An	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
75	Lê Thị Ngọc Yến	29/05/1966	x	Giáo viên trung học cơ sở hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS An Thới Đông	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
76	Nguyễn Ngọc Nhân	11/12/1975		Giáo viên trung học cơ sở hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS An Thới Đông	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
77	Nguyễn Thị Hồng Diệp	19/06/1977	x	Giáo viên trung học cơ sở hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS An Thới Đông	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
78	Phạm Văn Tâm	10/05/1974		Giáo viên trung học cơ sở hạng III	15a.202	Giáo viên	Trường THCS An Thới Đông	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
79	Trần Thanh Lợi	20/04/1982		Giáo viên trung học cơ sở hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS An Thới Đông	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
80	Trần Thanh Phong	18/03/1977		Giáo viên trung học cơ sở hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS An Thới Đông	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
81	Trần Thanh Vũ	29/11/1973		Giáo viên trung học cơ sở hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS An Thới Đông	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
82	Hồ Thanh Hùng	16/03/1978		Giáo viên trung học cơ sở hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Bình Khánh	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
83	Lê Quốc Việt	16/10/1977		Giáo viên trung học cơ sở hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Bình Khánh	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
84	Nguyễn Anh Tiếp	09/09/1975		Giáo viên trung học cơ sở hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Bình Khánh	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
85	Nguyễn Thị Minh Châu	02/11/1984	x	Điều dưỡng sơ cấp	16b.122	Y tế	Trường THCS Bình Khánh	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
86	Nguyễn Thị Nhân	26/03/1979	x	Giáo viên trung học cơ sở hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Bình Khánh	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
87	Nguyễn Thị Thanh Tâm	05/08/1982	x	Giáo viên trung học cơ sở hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Bình Khánh	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
88	Nguyễn Văn Thống	01/03/1967		Giáo viên trung học cơ sở hạng III	15a.202	Giáo viên	Trường THCS Bình Khánh	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
89	Võ Thanh Bình	16/03/1979		Giáo viên trung học cơ sở hạng III	15a.202	Giáo viên	Trường THCS Bình Khánh	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
90	Võ Thị Ngọc Lan	23/12/1977	x	Giáo viên trung học cơ sở hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Bình Khánh	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
91	Hồ Văn Trắng	25/11/1976		Giáo viên trung học cơ sở hạng III	15a.202	Giáo viên	Trường THCS Cần Thạnh	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
92	Nguyễn Phúc Lợi	01/02/1967		Giáo viên trung học cơ sở hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Cần Thạnh	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
93	Nguyễn Thị Bạch Lan	15/02/1971	x	Giáo viên trung học cơ sở hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Cần Thạnh	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
94	Nguyễn Thị Chính	23/07/1965	x	Giáo viên trung học cơ sở hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Cần Thạnh	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
95	Nguyễn Thị Thanh	14/10/1969	x	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	15a.202	Giáo viên thực hành thí nghiệm	Trường THCS Cần Thạnh	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
96	Nguyễn Trọng Tâm	20/07/1981		Giáo viên trung học cơ sở hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Cần Thạnh	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
97	Uông Huy Kiên	24/08/1975		Giáo viên trung học cơ sở hạng III	15a.202	Giáo viên	Trường THCS Cần Thạnh	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
98	Nguyễn Thế Kỹ	10/11/1989		Giáo viên trung học cơ sở hạng III	15a.202	Giáo viên	Trường THCS Dơi Lầu	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
99	Võ Minh Luân	24/08/1984		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo	Trường THCS Dơi Lầu	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
100	Đinh Xuân Lâm	05/09/1988		Giáo viên trung học cơ sở hạng III	15a.202	Giáo viên	Trường THCS Long Hòa	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
101	Đoàn Thị Thu Hồng	16/10/1978	x	Giáo viên trung học cơ sở hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Long Hòa	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
102	Nguyễn Thanh Nhen	02/09/1975		Giáo viên trung học cơ sở hạng III	15a.202	Giáo viên	Trường THCS Long Hòa	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
103	Phạm Kim Nhu	28/06/1980	x	Giáo viên trung học cơ sở hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Long Hòa	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
104	Châu Thái Phúc	17/08/1976		Giáo viên trung học cơ sở hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Lý Nhơn	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
105	Huỳnh Thới Sơn	02/10/1969		Giáo viên trung học cơ sở hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Lý Nhơn	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
106	Mai Thị Thanh Hương	14/12/1971	x	Giáo viên trung học cơ sở hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Lý Nhơn	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
107	Trần Đức Lâm	15/08/1978		Giáo viên trung học cơ sở hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Lý Nhơn	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
108	Trần Thị Thu Vân	26/08/1989	x	Y sĩ hạng IV	16b.121	Y tế	Trường THCS Lý Nhơn	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
109	Lê Hữu Hải	04/04/1967		Giáo viên trung học cơ sở hạng III	15a.202	Giáo viên	Trường THCS Tam Thôn Hiệp	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
110	Trần Thị Hồng Lai	10/06/1982	x	Giáo viên trung học cơ sở hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Tam Thôn Hiệp	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
111	Đoàn Văn Thắm	02/03/1963		Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Trưởng phòng	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
112	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	02/11/1970	x	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Trưởng phòng	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
113	Đỗ Thị Kim Phụng	31/12/1966		Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Trưởng khoa	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
114	Đặng Văn Dũng	25/01/1973		Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Trưởng khoa	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
115	Nguyễn Văn Biền	01/01/1962		Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Phó Trưởng khoa	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
116	Trần Văn Tin	04/08/1965		Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Phó Trưởng khoa	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
117	Nguyễn Thành Nguyên	22/08/1973		Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Trưởng khoa	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
118	Trần Thị Thùy Dương	01/02/1990	x	Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	Trưởng khoa	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
119	Nguyễn Trường Giang	23/07/1994		Kỹ thuật viên cao đẳng y	16.286	Kỹ thuật viên cao đẳng y	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
120	Trịnh Thị Thu Nhuận	17/10/1976	x	Dược hạng IV	V.08.08.23	Dược hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
121	Nguyễn Thị Thu Hồng	29/05/1974	x	Kế toán viên trung cấp	06.032	Kế toán viên trung cấp	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
122	Nguyễn Thanh Tuyền	23/06/1987	x	Kế toán viên trung cấp	06.032	Kế toán viên trung cấp	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
123	Nguyễn Long Hồ	10/08/1992	x	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Y sĩ hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
124	Nguyễn Hữu Chánh	30/08/1989		Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Y sĩ hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
125	Nguyễn Lê Thiên Hương	14/09/1984	x	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng trưởng	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
126	Trần Tuấn Minh	18/12/1990		Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
127	Nguyễn Thị Kim Hồng	16/06/1988	x	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
128	Lê Văn Sang	06/01/1990		Dược hạng IV	V.08.08.23	Dược hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
129	Trần Thị Ngọc Thanh	29/12/1976	x	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Hộ sinh hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
130	Võ Thị Âm	10/03/1982	x	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
131	Dương Tấn Khoa	20/08/1982		Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Bác sĩ hạng III	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
132	Trịnh Thế Anh	15/08/1961		Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Y sĩ hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
133	Võ Ngọc Thảo	16/07/1993	x	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Y sĩ hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
134	Mai Văn Dẫn	10/10/1967		Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
135	Nguyễn Thị Lệ Đào	24/04/1968	x	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng trưởng	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
136	Nguyễn Phan Công Toại	16/02/1991		Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Bác sĩ hạng III	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
137	Dương Văn An	12/03/1969		Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
138	Trần Tấn Thị Lộc	13/07/1982	x	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
139	Huỳnh Hồng Nhung	03/11/1989	x	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
140	Trần Tấn Lợi	06/12/1992		Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Kỹ thuật y hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
141	Nguyễn Thị Ngọc Trang	01/08/1985	x	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
142	Phạm Quốc Cường	27/02/1966		Điều dưỡng sơ cấp	16b.122	Điều dưỡng sơ cấp	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
143	Nguyễn Thị Kiều	23/10/1985	x	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Kỹ thuật viên trưởng khoa	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
144	Huỳnh Đức Thành	13/01/1968		Điều dưỡng sơ cấp	16b.122	Điều dưỡng sơ cấp	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
145	Hồ Thanh Phong	18/01/1989		Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Kỹ thuật y hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
146	Lê Long Định	10/06/1984		Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Y sĩ hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
147	Trần Tấn Đạt	02/03/1992		Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Kỹ thuật y hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
148	Trần Thị Bạch Tuyết	18/11/1983	x	Kỹ thuật viên sơ cấp y	16.288	Kỹ thuật viên y	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
149	Nguyễn Thị Diễm Hồng	22/10/1985	x	Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	Hộ sinh trưởng	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
150	Phan Thị Nga	05/10/1974	x	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Hộ sinh hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
151	Trần Thị Hồng Minh	25/10/1972	x	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Hộ sinh hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
152	Phạm Thị Bích Huyền	25/04/1987	x	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Hộ sinh hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
153	Nguyễn Thị Thu Cúc	15/06/1967	x	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Hộ sinh hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
154	Nguyễn Thị Tuyết Loan	06/01/1994	x	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Hộ sinh hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
155	Huỳnh Anh Thư	29/06/1989	x	Dược hạng IV	V.08.08.23	Dược hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
156	Nguyễn Thị Mắt	16/10/1968	x	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
157	Nguyễn Văn Lợi	27/02/1965		Điều dưỡng sơ cấp	16b.122	Điều dưỡng sơ cấp	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
158	Nguyễn Thị Hiền	04/11/1965	x	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Y sĩ hạng IV	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
159	Võ Văn Dũng	17/11/1964		Điều dưỡng sơ cấp	16b.122	Điều dưỡng sơ cấp	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
160	Trương Văn Phao	15/11/1974		Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Trưởng khoa	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
161	Luân Thanh Trường	10/11/1966		Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Trưởng trạm	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
162	Phan Thanh Vũ	30/10/1959		Hướng dẫn viên văn hóa hạng IV	V.10.07.24	Tổ phó	Trung tâm Văn hóa	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
163	Trương Hoàng Dũng	28/10/1965		Kỹ thuật viên (hạng IV)	V.05.02.08	Kỹ thuật viên	Đài Truyền thanh	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
164	Nguyễn Lê Phương Thảo	01/10/1981	x	Chuyên viên	01.003	Bí thư Đảng ủy	UBND xã Long Hòa	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
165	Lê Phú Thanh	02/04/1964		Chuyên viên	01.003	Bí thư Đảng ủy - Chủ tịch HĐND	UBND xã Tam Thôn Hiệp	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
166	Lê Minh Thiện	01/01/1990		Chuyên viên	01.003	Bí thư Đoàn TNCS	UBND xã Lý Nhơn	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
167	Phạm Văn Thuận	01/01/1968		Cán sự	01.004	Chủ tịch Hội Nông dân	UBND xã Lý Nhơn	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
168	Lê Xuân Lan	15/08/1952		Chủ tịch Hội CCB	CT. Hội CCB	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	UBND xã Lý Nhơn	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	
169	Lê Thành Hưng	20/06/1967		Cán sự	01.004	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	UBND xã An Thới Đông	-	Chứng chỉ tin học cơ bản	-	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DANH SÁCH CÁC TRƯỞNG HỢP CHƯA ĐẠT CHUẨN VỀ TRÌNH ĐỘ LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 1461/KH-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
1	Hồ Minh Truyền	28/11/1982	x	Cán sự	01004	Cán sự	Văn phòng HĐND và UBND huyện		Trung cấp lý luận chính trị		
2	Lâm Anh Thương	12/06/1988	x	Chuyên viên	01.003	Chuyên viên	Văn phòng HĐND và UBND huyện	Sơ cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị		
3	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	04/08/1994	x	Chuyên viên	01.003	Chuyên viên	Văn phòng HĐND và UBND huyện		Trung cấp lý luận chính trị		
4	Đỗ Văn Tâm	01/04/1967		Kế toán viên	06.031	Kế toán trưởng	Văn phòng HĐND và UBND huyện		Trung cấp lý luận chính trị		
5	Nguyễn Thị Kim Thoa	25/05/1994	X	Chuyên viên	01.003	Chuyên viên	Phòng Nội vụ		Trung cấp lý luận chính trị		
6	Huỳnh Thị Thu Hằng	06/05/1993	x	Chuyên viên	01.003	Chuyên viên	Phòng Tư pháp		Trung cấp lý luận chính trị		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
7	Nguyễn Thị Thanh Huyền	24/11/1982	x	Kế toán viên	01.004	Kế toán viên	Phòng Tư pháp		Trung cấp lý luận chính trị		
8	Đỗ Thị Phụng Trang	02/01/1986	x	Chuyên viên	01.003	Chuyên viên	Phòng Kinh tế		Trung cấp lý luận chính trị		
9	Võ Thanh Phương	15/04/1983		Chuyên viên cao đẳng	01a.003	Chuyên viên cao đẳng	Phòng Kinh tế		Trung cấp lý luận chính trị		
10	Nguyễn Thị Diễm Chi	04/12/1992	x	Chuyên viên	01.003	Chuyên viên	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Trung cấp lý luận chính trị		
11	Nguyễn Hoàng Minh	02/12/1986		Chuyên viên	01.003	Chuyên viên	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Trung cấp lý luận chính trị		
12	Nguyễn Thanh Tuyền	07/10/1987	x	Chuyên viên	01.003	Chuyên viên	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Trung cấp lý luận chính trị		
13	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	19/06/1966	x	Chuyên viên	01.003	Chuyên viên	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Sơ cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị		
14	Nguyễn Văn Lâm	28/03/1970		Chuyên viên	01.003	Chuyên viên	Phòng Giáo dục và Đào tạo		Trung cấp lý luận chính trị		
15	Lê Thị Thanh Trúc	11/04/1988	x	Kế toán viên	06.031	Kế toán viên	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Sơ cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị		
16	Nguyễn Thị Kim Ngân	21/09/1987	x	Chuyên viên	01.003	Chuyên viên	Phòng Tài nguyên và Môi trường		Trung cấp lý luận chính trị		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
17	Lê Hồng Hiếu	17/09/1979		Chuyên viên	01.003	Chuyên viên	Phòng Quản lý đô thị	Sơ cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị		
18	Lê Thị Ngọc Hằng	30/03/1981	x	Chuyên viên	01.003	Chuyên viên	Phòng Quản lý đô thị		Trung cấp lý luận chính trị		
19	Phạm Thị Kim Cương	01/01/1993	x	Chuyên viên	01.003	Chuyên viên	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội		Trung cấp lý luận chính trị		
20	Nguyễn Xuân Bình	09/03/1989		Chuyên viên	01.003	Chuyên viên	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội		Trung cấp lý luận chính trị		
21	Phan Huỳnh Hương	01/10/1988		Kế toán viên	06.031	Kế toán viên	Phòng Y tế		Trung cấp lý luận chính trị		
22	Trần Thanh Hậu	20/10/1991		Thanh tra viên (cấp I)	04.025	Chuyên viên	Thanh tra huyện		Trung cấp lý luận chính trị		
23	Trần Thị Ánh Vân	12/10/1987	x	Kế toán viên	06.031	Kế toán viên	Thanh tra huyện		Trung cấp lý luận chính trị		
24	Nguyễn Kim Quang	14/09/1964		Giáo viên tiểu học hạng IV	V.07.03.09	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Bình Phước		Trung cấp lý luận chính trị		
25	Đinh Thị Liễu	14/04/1987	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Thạnh An		Trung cấp lý luận chính trị		
26	Trần Thị Thùy Dương	01/02/1990	x	Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	Trưởng khoa	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ		Trung cấp lý luận chính trị		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
27	Đỗ Thị Kim Phượng	31/12/1966		Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Trưởng khoa	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	Sơ cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị		
28	Đặng Văn Dũng	25/01/1973		Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Trưởng khoa	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	Sơ cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị		
29	Nguyễn Văn Biền	01/01/1962		Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Phó Trưởng khoa	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ		Trung cấp lý luận chính trị		
30	Trần Văn Tin	04/08/1965		Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Phó Trưởng khoa	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	Sơ cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị		
31	Nguyễn Thành Nguyên	22/08/1973		Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Trưởng khoa	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	Sơ cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị		
32	Nguyễn Ngọc Thanh	10/01/1962	x	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trưởng phòng	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ		Trung cấp lý luận chính trị		
33	Lê Hữu Phước	27/08/1960		Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Trưởng phòng	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ		Trung cấp lý luận chính trị		
34	Lâm Ngọc Hường	08/03/1965	x	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Phó khoa	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ		Trung cấp lý luận chính trị		
35	Nguyễn Thị Yến Linh	09/06/1981	x	Dược hạng IV	V.08.08.23	Phó Trưởng khoa	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ		Trung cấp lý luận chính trị		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
36	Huỳnh Văn Đức	30/06/1962		Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Trưởng trạm	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ		Trung cấp lý luận chính trị		
37	Lê Thị Kim Xuyên	12/02/1970	x	Dược hạng IV	V.08.08.23	Phó Trưởng trạm	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ		Trung cấp lý luận chính trị		
38	Phạm Thị Ngọc Thu	02/06/1972	x	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Phó Trưởng trạm	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ		Trung cấp lý luận chính trị		
39	Đặng Thị Út	08/06/1970	x	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Phó Trưởng trạm	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ		Trung cấp lý luận chính trị		
40	Võ Thị Ngọc Hương	06/08/1975	x	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Phó Trưởng trạm	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ		Trung cấp lý luận chính trị		
41	Dương Tấn Cường	12/12/1982		Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Trưởng trạm	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ		Trung cấp lý luận chính trị		
42	Võ Thị Ngọc Hương	01/11/1968	x	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Phó Trưởng trạm	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ		Trung cấp lý luận chính trị		
43	Trần Nguyễn Như Mai	28/10/1984	x	Kế toán viên cao đẳng	06a.031	Trưởng phòng	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ		Trung cấp lý luận chính trị		
44	Phạm Văn Quy	06/07/1970		Kỹ sư	13.095	Đội trưởng	Ban Quản lý Rừng phòng hộ		Trung cấp lý luận chính trị		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
45	Võ Thanh Hiền	21/02/1980		Kiểm lâm viên trung cấp	10.228	Phó Đội trưởng kiêm Lái xe	Ban Quản lý Rừng phòng hộ		Trung cấp lý luận chính trị		
46	Lê Văn San	01/07/1974		Kiểm lâm viên trung cấp	10.228	Trưởng phân khu	Ban Quản lý Rừng phòng hộ		Trung cấp lý luận chính trị		
47	Bùi Thanh Đạo	12/05/1970		Kiểm lâm viên trung cấp	10.228	Phó Trưởng phân khu	Ban Quản lý Rừng phòng hộ		Trung cấp lý luận chính trị		
48	Phan Văn Tuấn	01/01/1972		Chuyên viên	01.003	Phó Trưởng phân khu	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	Sơ cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị		
49	Lê Minh Hải	05/02/1977		Kiểm lâm viên trung cấp	10.228	Phó Trưởng Phân khu	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	Sơ cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị		
50	Nguyễn Văn Sỹ	17/07/1970		Kiểm lâm viên trung cấp	10.228	Phó Trưởng Phân khu	Ban Quản lý Rừng phòng hộ		Trung cấp lý luận chính trị		
51	Vũ Đình Lưu	24/02/1963		Kiểm lâm viên trung cấp	10.228	Phân khu trưởng	Ban Quản lý Rừng phòng hộ		Trung cấp lý luận chính trị		
52	Nguyễn Đình Sơn	18/07/1968		Kiểm lâm viên trung cấp	10.228	Phó Trưởng Phân khu	Ban Quản lý Rừng phòng hộ		Trung cấp lý luận chính trị		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
53	Nguyễn Tiến Hưng	08/02/1979		Chuyên viên	01.003	Chủ tịch UBND	UBND Thị trấn Cần Thạnh	Sơ cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị		
54	Lê Minh Thiện	01/01/1990		Chuyên viên	1.003	Bí thư Đoàn TNCS	UBND xã Lý Nhơn	Sơ cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị		



ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH ĐĂNG KÝ NHU CẦU ĐÀO TẠO,
BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC DO THÀNH PHỐ TỔ CHỨC NĂM 2019**
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 1461 /KH-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giuộc)

STT	Họ tên	Chức vụ	Lớp đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng	Nữ (X)	Ghi chú
1	Văn phòng HĐND và UBND				
1	Huỳnh Thị Mỹ Linh	Phó Chánh VP HĐND và UBND	* Lớp bồi dưỡng chức danh lãnh đạo, quản lý (chương trình lãnh đạo cấp phòng) * Bồi dưỡng chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	X	
2	Hồ Minh Truyền	Cán sự	* Bồi dưỡng chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam * Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình Chuyên viên * Lớp Trung cấp lý luận Chính trị - hành chính		
3	Phạm Thùy Đoàn Thanh	Chuyên viên	* Bồi dưỡng chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam * Lớp bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp, ứng xử nơi công sở	X	
4	Lâm Anh Thương	Chuyên viên	* Lớp bồi dưỡng kiến thức hoạt động đối ngoại * Bồi dưỡng chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam * Lớp Trung cấp lý luận Chính trị - hành chính * Đào tạo Thạc sĩ	X	
5	Đoàn Minh Thư	Chuyên viên	Bồi dưỡng chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	X	

STT	Họ tên	Chức vụ	Lớp đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng	Nữ (X)	Ghi chú
6	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	Chuyên viên	Lớp Trung cấp lý luận Chính trị - hành chính	X	
2	Phòng Giáo dục và Đào tạo				
7	Lê Long Hậu	Chuyên viên	Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình Chuyên viên chính		
3	Thanh tra huyện				
8	Nguyễn Hoàng Huy	Phó Trưởng phòng	Lớp bồi dưỡng chức danh lãnh đạo, quản lý (chương trình lãnh đạo cấp phòng)		
9	Lê Thị Ngọc Hiền	Chuyên viên	Lớp bồi dưỡng về nội dung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất	X	
10	Trần Thị Ánh Vân	Chuyên viên	Lớp Trung cấp lý luận Chính trị - hành chính	X	
4	Phòng Y tế				
11	Nguyễn Thị Kim Xoan	Cán sự	* Lớp bồi dưỡng kiến thức nhà nước chương trình cán sự	X	
5	Phòng Lao động Thương binh và Xã hội				
12	Nguyễn Thị Mai Vân	Phó Trưởng phòng	Lớp bồi dưỡng kiến thức hội nhập quốc tế	X	
13	Dương Thái Dương	Phó Trưởng phòng	* Lớp bồi dưỡng chức danh lãnh đạo, quản lý (chương trình lãnh đạo cấp phòng) * Lớp bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu cơ bản * Lớp bồi dưỡng về nội dung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất		
14	Phạm Lê	Chuyên viên	Lớp bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp, ứng xử nơi công sở		

STT	Họ tên	Chức vụ	Lớp đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng	Nữ (X)	Ghi chú
15	Nguyễn Thị Hòa	Chuyên viên	Lớp bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp, ứng xử nơi công sở	X	
16	Hồ Thị Tuyết Trang	Chuyên viên	* Lớp bồi dưỡng kiến thức hoạt động đối ngoại * Lớp bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp, ứng xử nơi công sở	X	
17	Nguyễn Xuân Bình	Chuyên viên	* Trung cấp lý luận chính trị - hành chính * Lớp bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp, ứng xử nơi công sở		
18	Phạm Thị Kim Cương	Chuyên viên	Lớp bồi dưỡng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	X	
6	Phòng Văn hóa và Thông tin				
19	Nguyễn Văn Tốt	Trưởng phòng	Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình Chuyên viên		
20	Phạm Quốc Kiệt	Phó Trưởng phòng	Lớp bồi dưỡng chức danh lãnh đạo, quản lý (chương trình lãnh đạo cấp phòng)		
21	Trương Văn Lộc	Chuyên viên	* Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình Chuyên viên * Bồi dưỡng chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam		
7	Phòng Tài chính - Kế hoạch				
22	Huỳnh Minh Quang	Trưởng phòng	Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình Chuyên viên chính		
23	Trần Văn Sáu	Phó Trưởng phòng	Lớp bồi dưỡng chức danh lãnh đạo, quản lý (chương trình lãnh đạo cấp phòng)		
24	Nguyễn Ngọc Phú	Chuyên viên	Bồi dưỡng chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam		
8	Phòng Kinh tế				
25	Võ Thanh Phương	Công chức	Lớp trung cấp lý luận Chính trị - hành chính		
9	Phòng Quản lý Đô thị				

STT	Họ tên	Chức vụ	Lớp đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng	Nữ (X)	Ghi chú
26	Hồ Phạm Hiếu Trung	Đội phó	Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình Chuyên viên		
27	Nguyễn Duy Hào	Cán sự	Lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình Cán sự		
28	Nguyễn Văn Tình	Cán sự	Lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình Cán sự		
29	Đoàn Thị Mỹ Xuyên	Chuyên viên	Lớp bồi dưỡng ngạch Kế toán viên	X	
10	Phòng Tài nguyên và Môi trường				
30	Kha Văn Phước	Trưởng phòng	* Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình Chuyên viên chính * Bồi dưỡng chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam		
31	Lê Ngọc Đặng	Chuyên viên	* Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình Chuyên viên chính * Bồi dưỡng chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam * Lớp bồi dưỡng chức danh lãnh đạo, quản lý (chương trình lãnh đạo cấp phòng) * Lớp bồi dưỡng nghiệp vụ giám sát, đánh giá, đầu tư * Lớp bồi dưỡng nghiệp vụ Đấu thầu cơ bản		
32	Nguyễn Văn Nhung	Chuyên viên	* Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình Chuyên viên chính * Bồi dưỡng chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam * Lớp bồi dưỡng chức danh lãnh đạo, quản lý (chương trình lãnh đạo cấp phòng)		

STT	Họ tên	Chức vụ	Lớp đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng	Nữ (X)	Ghi chú
33	Lương Hoàng Lan	Chuyên viên	* Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình Chuyên viên chính * Bồi dưỡng chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam * Lớp bồi dưỡng chức danh lãnh đạo, quản lý (chương trình lãnh đạo cấp phòng) * Lớp bồi dưỡng nghiệp vụ Đầu thầu cơ bản		
34	Hồ Xuân Hương	Chuyên viên	* Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình Chuyên viên chính * Bồi dưỡng chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam * Lớp bồi dưỡng chức danh lãnh đạo, quản lý (chương trình lãnh đạo cấp phòng) * Lớp tập huấn Luật Thi đua – Khen thưởng và Nghị định, văn bản hướng dẫn	X	
35	Lê Thị Kim Hạnh	Kế toán viên	* Lớp bồi dưỡng ngạch Kế toán viên chính * Bồi dưỡng chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	X	
36	Nguyễn Thị Linh Phương	Chuyên viên	Lớp bồi dưỡng chức danh lãnh đạo, quản lý (chương trình lãnh đạo cấp phòng)	X	
37	Nguyễn Phước Luận	Chuyên viên	Lớp bồi dưỡng chức danh lãnh đạo, quản lý (chương trình lãnh đạo cấp phòng)		
38	Trần Thị Mộng Duyên		Lớp bồi dưỡng chức danh lãnh đạo, quản lý (chương trình lãnh đạo cấp phòng)	X	
39	Dương Duy Khởi	Cán sự	* Lớp bồi dưỡng chức danh lãnh đạo, quản lý (chương trình lãnh đạo cấp phòng) * Lớp bồi dưỡng về nội dung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất		
40	Nguyễn Thị Mai	Cán sự	* Lớp bồi dưỡng chức danh lãnh đạo, quản lý (chương trình lãnh đạo cấp phòng) * Lớp trung cấp lý luận Chính trị - hành chính	X	

STT	Họ tên	Chức vụ	Lớp đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng	Nữ (X)	Ghi chú
41	Lê Thanh Phước	Cán sự	Lớp trung cấp lý luận Chính trị - hành chính		
11	Trường THCS Bình Khánh				
42	Lê Thị Hồng Cúc	Tổ trưởng chuyên môn	Lớp Trung cấp lý luận Chính trị - hành chính	X	
43	Nguyễn Thanh Quốc	Tổ trưởng chuyên môn	Lớp Trung cấp lý luận Chính trị - hành chính		
12	Trường THCS Lý Nhơn				
44	Dương Thị Huyền	Tổ trưởng chuyên môn	Lớp Trung cấp lý luận Chính trị - hành chính	X	
45	Đặng Thị Lam	Tổ trưởng chuyên môn	* Bồi dưỡng Giáo viên THCS hạng II * Bồi dưỡng chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	X	
14	Trường Tiểu học Cần Thạnh				
46	Huỳnh Thị Nguyệt	Giáo viên	Bồi dưỡng Giáo viên tiểu học hạng II	X	
47	Nguyễn Thị Hiền	Giáo viên	Bồi dưỡng Giáo viên tiểu học hạng II	X	
48	Trần Thị Mộng Lê	Giáo viên	Bồi dưỡng Giáo viên tiểu học hạng II	X	
49	Cao Thị Hường	Giáo viên	Bồi dưỡng Giáo viên tiểu học hạng II	X	
50	Nguyễn Kim Hồng	Giáo viên	Bồi dưỡng Giáo viên tiểu học hạng II	X	
51	Nguyễn Thị Minh Tiến	Giáo viên	Bồi dưỡng Giáo viên tiểu học hạng III	X	
52	Đỗ Hữu Trí	Giáo viên	Bồi dưỡng Giáo viên tiểu học hạng III		

STT	Họ tên	Chức vụ	Lớp đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng	Nữ (X)	Ghi chú
15	Trường Tiểu học Long Thạnh				
53	Phạm Hoàng Tôn Nữ	Giáo viên	Bồi dưỡng Giáo viên tiểu học hạng II	X	
16	Trường Tiểu học Hòa Hiệp				
54	Trương Hồ Dân Ca	Giáo viên	Bồi dưỡng Giáo viên tiểu học hạng II	X	
55	Nguyễn Thanh Bình	Giáo viên	Bồi dưỡng Giáo viên tiểu học hạng II		
56	Nguyễn Thị Quang	Giáo viên	Bồi dưỡng Giáo viên tiểu học hạng II	X	
57	Hồ Thị Bích Kiều	Giáo viên	Bồi dưỡng Giáo viên tiểu học hạng II	X	
58	Võ Thị Mai Trinh	Giáo viên	Bồi dưỡng Giáo viên tiểu học hạng III	X	
17	Trường Tiểu học Cần Thạnh 2				
59	Lê Thị Hương	Giáo viên	Bồi dưỡng Giáo viên tiểu học hạng II	X	
60	Nguyễn Thị Toan	Giáo viên	Bồi dưỡng Giáo viên tiểu học hạng II	X	
61	Nguyễn Thúy An	Giáo viên	Bồi dưỡng Giáo viên tiểu học hạng II	X	
18	Trường Tiểu học Đồng Hòa				
62	Nguyễn Minh Huệ	Hiệu trưởng	Bồi dưỡng Giáo viên tiểu học hạng II	X	

STT	Họ tên	Chức vụ	Lớp đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng	Nữ (X)	Ghi chú
63	Trần Thị Kim Hương	Phó hiệu trưởng	Bồi dưỡng Giáo viên tiểu học hạng II	X	
64	Võ Thị Hận	Giáo viên	Bồi dưỡng Giáo viên tiểu học hạng II	X	
65	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	Giáo viên	Bồi dưỡng Giáo viên tiểu học hạng II	X	
66	Phan Thị Lệ Thương	Giáo viên	Bồi dưỡng Giáo viên tiểu học hạng II	X	
67	Trương Minh Hiền	Giáo viên	Bồi dưỡng Giáo viên tiểu học hạng II	X	
68	Nguyễn Thị Thanh Hoa	Giáo viên	Bồi dưỡng Giáo viên tiểu học hạng II	X	
69	Hồ Quang Đạo	Giáo viên	Bồi dưỡng Giáo viên tiểu học hạng II	X	
70	Võ Thị Kim Anh	Giáo viên	Bồi dưỡng Giáo viên tiểu học hạng II	X	
19	Trường Tiểu học Thạnh An				
71	Lê Hữu Bình	Hiệu trưởng	* Bồi dưỡng Giáo viên tiểu học hạng II * Bồi dưỡng chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam * Lớp bồi dưỡng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản		
72	Đinh Thị Liễu	Phó Hiệu trưởng	Bồi dưỡng Giáo viên tiểu học hạng II	X	
73	Lê Văn Phụng	Giáo viên	Bồi dưỡng Giáo viên tiểu học hạng II		

STT	Họ tên	Chức vụ	Lớp đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng	Nữ (X)	Ghi chú
74	Mai Ngọc Giàu	Giáo viên	* Bồi dưỡng Giáo viên tiểu học hạng III * Bồi dưỡng chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam * Lớp bồi dưỡng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	X	
75	Lê Thị Hồng Linh	Giáo viên	* Bồi dưỡng Giáo viên tiểu học hạng III * Bồi dưỡng chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam * Lớp bồi dưỡng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	X	
76	Đinh Thị Huyền Mơ	Giáo viên	* Bồi dưỡng Giáo viên tiểu học hạng III * Bồi dưỡng chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam * Lớp bồi dưỡng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	X	
77	Nguyễn Thanh Trí	Giáo viên	* Bồi dưỡng Giáo viên tiểu học hạng III * Bồi dưỡng chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam * Lớp bồi dưỡng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản		
78	Dương Thị Thu Hằng	Giáo viên	* Bồi dưỡng Giáo viên tiểu học hạng III * Bồi dưỡng chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam * Lớp bồi dưỡng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	X	
79	Đinh Thị Vân Anh	Giáo viên	Bồi dưỡng Giáo viên tiểu học hạng IV	X	
80	Nguyễn Thị Bạch Liên	Giáo viên	Bồi dưỡng Giáo viên tiểu học hạng III	X	
81	Nguyễn Lâm Thế Bảo	Giáo viên	Bồi dưỡng Giáo viên tiểu học hạng III		
82	Đỗ Trần Thanh Thi	Giáo viên	* Bồi dưỡng Giáo viên tiểu học hạng IV * Bồi dưỡng chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam * Lớp bồi dưỡng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	X	

STT	Họ tên	Chức vụ	Lớp đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng	Nữ (X)	Ghi chú
83	Trần Thị Nhung	Giáo viên	Bồi dưỡng Giáo viên tiểu học hạng III	X	
84	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Giáo viên	Bồi dưỡng Giáo viên tiểu học hạng III	X	
85	Lê Quốc Thịnh	Giáo viên	* Bồi dưỡng Giáo viên tiểu học hạng IV * Bồi dưỡng chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam * Lớp bồi dưỡng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản		
86	Nguyễn Thị Hồ Diệp	Giáo viên	* Bồi dưỡng Giáo viên tiểu học hạng III * Bồi dưỡng chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam * Lớp bồi dưỡng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	X	
87	Trần Thị Ngọc Quyên	Giáo viên	Bồi dưỡng Giáo viên tiểu học hạng IV	X	
88	Đỗ Thị Lệ	Giáo viên	* Bồi dưỡng Giáo viên tiểu học hạng III * Bồi dưỡng chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam * Lớp bồi dưỡng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	X	
89	Trần Thị Ngọc Giàu	YTHĐ	* Bồi dưỡng chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam * Lớp bồi dưỡng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	X	
20	Trường Mầm non Lý Nhơn				
90	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Hiệu trưởng	Bồi dưỡng Giáo viên mầm non hạng II	X	
91	Nguyễn Thị Ngọc Cẩm	Giáo viên	Lớp Trung cấp lý luận Chính trị - hành chính	X	
21	Trường Mầm non Đồng Tranh				
92	Trần Thị Mỹ Tiên	Hiệu trưởng	Bồi dưỡng Giáo viên mầm non hạng II	X	

STT	Họ tên	Chức vụ	Lớp đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng	Nữ (X)	Ghi chú
93	Nguyễn Thị Chung	Phó Hiệu trưởng	Lớp Trung cấp lý luận Chính trị - hành chính	X	
94	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	Giáo viên	Lớp Trung cấp lý luận Chính trị - hành chính	X	
95	Lê Thị Cẩm Hạnh	Giáo viên	Lớp bồi dưỡng ngạch Kế toán viên	X	
96	Nguyễn Thu Thủy	Giáo viên	Bồi dưỡng Giáo viên mầm non hạng II; III	X	
97	Trần Thị Lệ Anh	Giáo viên	Bồi dưỡng Giáo viên mầm non hạng II; III	X	
98	Huỳnh Thúy Ngân	Giáo viên	Bồi dưỡng Giáo viên mầm non hạng II	X	
22	Trường Mầm non Bình Khánh				
99	Lê Uyên Phương	Kế toán	Lớp bồi dưỡng ngạch Kế toán viên	X	
100	Nguyễn Thị Bích Hạnh	Giáo viên	Lớp Trung cấp lý luận Chính trị - hành chính	X	
101	Nguyễn Thị Ngân Hà	Giáo viên	Lớp Trung cấp lý luận Chính trị - hành chính	X	
23	Trường Mầm non Bình An				
102	Nguyễn Thị Gái	Hiệu trưởng	Lớp bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp, ứng xử nơi công sở	X	
103	Lê Thị Kim Thảo	Kế toán	Lớp bồi dưỡng ngạch Kế toán viên	X	
104	Trần Thị Thanh Loan	Giáo viên	Bồi dưỡng Giáo viên mầm non hạng II	X	
24	Trường Mầm non Long Hòa				
105	Nguyễn Thị Hằng	Kế Toán	Lớp bồi dưỡng ngạch Kế toán viên	X	

STT	Họ tên	Chức vụ	Lớp đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng	Nữ (X)	Ghi chú
106	Hà Thị Kim Loan	Phó Hiệu trưởng	* Bồi dưỡng Giáo viên mầm non hạng II * Lớp bồi dưỡng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	X	
107	Lê Thị Thanh Thúy	Giáo viên	Bồi dưỡng Giáo viên mầm non hạng II	X	
108	Lê Thị Yến Tuyết	Hiệu trưởng	* Lớp bồi dưỡng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	X	
109	Nguyễn Vũ Thúy Uyên	Giáo viên	* Lớp bồi dưỡng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản * Lớp Trung cấp lý luận Chính trị - hành chính	X	
110	Võ Ngọc Thảo	Giáo viên	Lớp bồi dưỡng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	X	
111	Lê Thị Thơ	Giáo viên	Lớp bồi dưỡng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	X	
25	Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp				
112	Nguyễn Thị Ngọc Tâm	Giáo viên	Bồi dưỡng Giáo viên mầm non hạng II	X	
113	Trương Thị Ngọc Dung	Giáo viên	Bồi dưỡng Giáo viên mầm non hạng II	X	
114	Thái Thị Thanh Thúy	Giáo viên	Bồi dưỡng Giáo viên mầm non hạng II	X	
115	Nguyễn Thị Tố Trinh	Giáo viên	Bồi dưỡng Giáo viên mầm non hạng II	X	
116	Nguyễn Huỳnh Ngọc Mai	Giáo viên	Bồi dưỡng Giáo viên mầm non hạng II	X	
117	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Giáo viên	Bồi dưỡng Giáo viên mầm non hạng II	X	
118	Phạm Ngọc Lan Vi	Giáo viên	Lớp trung cấp lý luận Chính trị - hành chính	X	
26	Trường Mầm non Thạnh An				
119	Tạ Thanh Loan	Giáo viên	Bồi dưỡng Giáo viên mầm non hạng III	X	
120	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Giáo viên	Bồi dưỡng Giáo viên mầm non hạng III	X	

STT	Họ tên	Chức vụ	Lớp đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng	Nữ (X)	Ghi chú
121	Mai Thị Bích Ngọc	Giáo viên	Bồi dưỡng Giáo viên mầm non hạng III	X	
27	Trường Chuyên biệt Cần Thạnh				
122	Nguyễn Thị Hoài Thu	Hiệu trưởng	Bồi dưỡng Giáo viên tiểu học hạng II	X	
123	Vũ Thanh Bạch	Giáo viên	Bồi dưỡng Giáo viên tiểu học hạng II	X	
124	Vũ Thị Mỹ Thơ	Giáo viên	Bồi dưỡng Giáo viên tiểu học hạng II	X	
125	Nguyễn Thị Kim Phượng	Giáo viên	* Bồi dưỡng Giáo viên tiểu học hạng II * Lớp Trung cấp lý luận Chính trị - hành chính	X	
126	Nguyễn Thị Thanh Loan	Giáo viên	* Bồi dưỡng Giáo viên tiểu học hạng III * Lớp Trung cấp lý luận Chính trị - hành chính	X	
127	Trần Thị Lệ Xuân	Giáo viên	Bồi dưỡng Giáo viên tiểu học hạng IV	X	
128	Vũ Thị Phượng	Giáo viên	Bồi dưỡng Giáo viên mầm non hạng IV	X	
129	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	Giáo viên	Bồi dưỡng Giáo viên mầm non hạng IV	X	
130	Lê Thị Diễm	Giáo viên	Bồi dưỡng Giáo viên mầm non hạng IV	X	
28	Bệnh viện huyện				
131	Võ Thị Tuyết Anh	Kế toán viên	Lớp bồi dưỡng ngạch Kế toán viên	X	
132	Nguyễn Thị Ngọc Yến	Kế toán viên	Lớp bồi dưỡng ngạch Kế toán viên	X	
133	Đoàn Thị Gái Em	Kế toán viên	Lớp bồi dưỡng ngạch Kế toán viên	X	
134	Nguyễn Thị Thu Hồng	Kế toán viên	Lớp bồi dưỡng ngạch Kế toán viên	X	

STT	Họ tên	Chức vụ	Lớp đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng	Nữ (X)	Ghi chú
135	Nguyễn Lê Thiên Hương	Điều dưỡng trưởng	Lớp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính	X	
136	Trần Thị Thu Liêm	Điều dưỡng trưởng	Lớp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính	X	
137	Nguyễn Hữu Đoàn	Điều dưỡng trưởng	Lớp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính		
138	Trần Văn Tín	Phó khoa Nội -Nhi	Lớp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính		
29	Đài truyền thanh huyện				
139	Nguyễn Thị Kim Linh	Phóng viên	Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình Chuyên viên	X	
140	Nguyễn Thị Hoàng Hoa	Kỹ thuật viên	Bồi dưỡng Kỹ thuật viên hạng IV	X	
141	Trương Hoàng Dũng	Kỹ thuật viên	Bồi dưỡng Kỹ thuật viên hạng IV		
142	Phan Thị Thanh Nga	Phó Trưởng đài	Lớp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính	X	
143	Lương Thị Hồng Nga	Phóng viên	Lớp bồi dưỡng chức danh lãnh đạo, quản lý (chương trình lãnh đạo cấp phòng)	X	
30	Ban Bồi thường Giải phóng mặt bằng				
144	Đoàn Thị Thu Hà	Chuyên viên	* Lớp bồi dưỡng kiến thức nhà nước ngạch Chuyên viên *Lớp bồi dưỡng về nội dung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất	X	
145	Huỳnh Anh Tuấn	Tổ Trưởng tổ Kế toán - Hành chính	Lớp bồi dưỡng ngạch Kế toán viên		
146	Bùi Thị Thu Thủy	Tổ Phó tổ Kế toán - Hành chính	Lớp bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp, ứng xử nơi công sở	X	

STT	Họ tên	Chức vụ	Lớp đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng	Nữ (X)	Ghi chú
147	Lâm Quảng Sơn	Chuyên viên	Lớp bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp, ứng xử nơi công sở	X	
148	Nguyễn Thị Vân	Chuyên viên	Lớp bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp, ứng xử nơi công sở	X	
149	Trần Quốc Sang	Cán sự	Lớp bồi dưỡng về nội dung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất		
150	Võ Văn Tính	Cán sự	Lớp bồi dưỡng về nội dung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất		
151	Hoàng Thị Kim Dung	Chuyên viên	Lớp bồi dưỡng về nội dung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất	X	
152	Huỳnh Đức Dũng	Cán sự	Lớp bồi dưỡng về nội dung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất		
153	Trần Thị Kim Diệu	Chuyên viên	* Lớp bồi dưỡng kiến thức nhà nước ngạch Chuyên viên * Lớp trung cấp lý luận Chính trị - hành chính	X	
31	Trung tâm Văn hóa huyện				
154	Nguyễn Thanh Thảo	Phó Giám đốc	* Lớp bồi dưỡng kiến thức nhà nước ngạch Chuyên viên * Lớp bồi dưỡng chức danh lãnh đạo, quản lý (chương trình lãnh đạo cấp phòng)	X	
155	Lê Thị Tĩnh	Viên chức Kế toán	Lớp Trung cấp lý luận Chính trị - hành chính	X	
32	Trung tâm y tế				
156	Trần Nguyễn Như Mai	Trưởng phòng	Lớp bồi dưỡng ngạch Kế toán viên	X	Phòng Tài chính - Kế toán
157	Trần Văn Hai	Trưởng phòng	Lớp bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp, ứng xử nơi công sở		Phòng Tổ chức - Hành chính
158	Ngô Thị Minh Huệ	Nhân viên	Lớp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính	X	Phòng Tổ chức - Hành chính

STT	Họ tên	Chức vụ	Lớp đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng	Nữ (X)	Ghi chú
159	Phạm Thị Thanh Nhã	Nhân viên	Lớp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính	X	Khoa Liên chuyên khoa Lao, tâm thần, da liễu
33	Ban Quản lý Rừng phòng hộ huyện				
160	Huỳnh Đức Hoàn	Phó Trưởng Ban	* Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình Chuyên viên * Bồi dưỡng nghiệp vụ Đấu thầu cơ bản * Bồi dưỡng nghiệp vụ giám sát, đánh giá đầu tư * Lớp bồi dưỡng chức danh lãnh đạo, quản lý (chương trình lãnh đạo cấp phòng)		
161	Cao Huy Bình	Phó Trưởng Ban	* Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình Chuyên viên * Bồi dưỡng nghiệp vụ Đấu thầu cơ bản * Bồi dưỡng nghiệp vụ giám sát, đánh giá đầu tư		
162	Nguyễn Phạm Thuận	Trưởng phòng	Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình chuyên viên.		
163	Nguyễn Thu Hiền	Phó Trưởng Phòng	Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình Chuyên viên.		
164	Bùi Nguyễn Thế Kiệt	Phó Trưởng Phòng	Lớp trung cấp lý luận Chính trị - hành chính		
165	Ngô Tương Tự	Viên chức	Kỹ sư Quản lý tài nguyên rừng		
166	Vũ Ngọc Tiến	Trưởng phòng	* Bồi dưỡng nghiệp vụ Đấu thầu cơ bản * Bồi dưỡng nghiệp vụ giám sát, đánh giá đầu tư		
167	Lê Quang Thái	Phó Trưởng Phòng	* Bồi dưỡng nghiệp vụ Đấu thầu cơ bản * Bồi dưỡng nghiệp vụ giám sát, đánh giá đầu tư		

STT	Họ tên	Chức vụ	Lớp đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng	Nữ (X)	Ghi chú
168	Nguyễn Công Bách	Viên chức	* Bồi dưỡng nghiệp vụ Đấu thầu cơ bản * Bồi dưỡng nghiệp vụ giám sát, đánh giá đầu tư		
169	Phan Văn Tuấn	Phó Trưởng Phân khu VI	Lớp trung cấp lý luận Chính trị - hành chính		
34	Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình				
170	Nguyễn Hồ Chí Trung	Kế toán	Lớp trung cấp lý luận Chính trị - hành chính		
171	Mai Thị Ngọc Trung	Cán bộ kỹ thuật	Lớp trung cấp lý luận Chính trị - hành chính	X	
172	Nguyễn Văn Kính	Tổ trưởng Tổ Xây dựng dân dụng – Quy hoạch	Lớp bồi dưỡng nghiệp vụ giám sát, đánh giá đầu tư		
173	Nguyễn Tấn Diện	Tổ trưởng Tổ Giao thông	Lớp bồi dưỡng nghiệp vụ giám sát, đánh giá đầu tư		
174	Nguyễn Thanh Hợp	Tổ trưởng Tổ Thủy lợi	Lớp bồi dưỡng nghiệp vụ giám sát, đánh giá đầu tư		
175	Nguyễn Vũ Khắc Chân	Tổ phó Tổ Thủy lợi	Lớp bồi dưỡng nghiệp vụ giám sát, đánh giá đầu tư		
35	Ủy ban nhân dân thị trấn Cần Thạnh				
176	Bùi Minh Lý	Chủ tịch HĐND	Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình Chuyên viên chính		
177	Nguyễn Tiến Hưng	Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn	* Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình Chuyên viên chính * Lớp bồi dưỡng chức danh lãnh đạo, quản lý (chương trình lãnh đạo xã - thị trấn)		
178	Phạm Lâm Sơn	Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn	Lớp bồi dưỡng chức danh lãnh đạo, quản lý (chương trình lãnh đạo xã - thị trấn)		
179	Lê Thị Hồng Anh	Cán bộ Văn phòng	Lớp bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp, ứng xử nơi công sở	X	

STT	Họ tên	Chức vụ	Lớp đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng	Nữ (X)	Ghi chú
180	Ngô Thị Tuyết	Công chức Hộ tịch	Lớp bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp, ứng xử nơi công sở	X	
181	Nguyễn Thị Kim Đào	Cán bộ Văn thư	Lớp bồi dưỡng về cung cấp thông tin theo Luật Tiếp cận thông tin	X	
182	Nguyễn Huỳnh Hồ Anh	PCT Hội Phụ nữ	Lớp trung cấp lý luận Chính trị - hành chính	X	
36	Ủy ban nhân dân xã Lý Nhơn				
183	Lưu Hoàng Giang	Chỉ huy trưởng Quân sự xã	Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình Chuyên viên		
184	Lê Minh Thiện	Bí thư Đoàn xã	Lớp bồi dưỡng chức danh lãnh đạo, quản lý (chương trình lãnh đạo xã - thị trấn)		
37	Ủy ban nhân dân xã Long Hòa				
185	Nguyễn Thị Phương Kiều	Phó Bí thư TT Đảng ủy - Chủ tịch HĐND	Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình Chuyên viên chính	X	
186	Nguyễn Thị Thanh Hằng	CC. TQ - VTVL	Lớp trung cấp lý luận Chính trị - hành chính	X	
187	Châu Thanh Phúc	Phó Chủ tịch Hội Nông dân	Lớp trung cấp lý luận Chính trị - hành chính		
188	Phạm Ngọc Yến Nhi	VH TT - TDTT - GD	Bồi dưỡng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	X	
189	Phan Thanh Bình	Chỉ huy trưởng Quân sự xã	Lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình Cán sự		
38	Ủy ban nhân dân xã An Thới Đông				
190	Phan Thị Ngọc Mỹ	CC Tư pháp - Hộ tịch	Lớp bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp, ứng xử nơi công sở	X	

STT	Họ tên	Chức vụ	Lớp đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng	Nữ (X)	Ghi chú
191	Huỳnh Minh Đại	CC. ĐC-NN- XD&MT	* Lớp bồi dưỡng về nội dung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất * Lớp bồi dưỡng về cung cấp thông tin theo Luật tiếp cận thông tin		
192	Trương Phước An	Bí thư Xã đoàn	Lớp Trung cấp lý luận Chính trị - hành chính		
193	Nguyễn Văn Thắm	Chủ tịch UNMTTQ	Lớp bồi dưỡng kiến thức hoạt động đối ngoại		
194	Nguyễn Thị Thanh Thúy	CC. Văn hóa - Xã hội	Lớp bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp, ứng xử nơi công sở	X	
39	Ủy ban nhân dân xã Tam Thôn Hiệp				
195	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Bí thư Xã đoàn	Lớp Trung cấp lý luận Chính trị - hành chính	X	
196	Đoàn Thúy Vy	CC Tài chính - Kế toán	Lớp Trung cấp lý luận Chính trị - hành chính	X	
197	Võ Thị Bích Tuyền	CC Tư pháp - Hộ tịch	Lớp Trung cấp lý luận Chính trị - hành chính	X	
198	Nguyễn Văn Út	CC Văn phòng - Thống kê	Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình Chuyên viên		
199	Mai Thị Oanh	CC. ĐC-NN- XD&MT	Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình Chuyên viên	X	
200	Nguyễn Anh Ngô	Phó Bí thư Xã đoàn	Lớp Trung cấp lý luận Chính trị - hành chính		
201	Trần Thị Minh Hà	CB Ủy ban kiểm tra Đảng	Lớp Trung cấp lý luận Chính trị - hành chính	X	
202	Trần Thị Ngọc Lan	CB Văn phòng Đảng ủy xã	Lớp Trung cấp lý luận Chính trị - hành chính	X	
203	Phạm Thị Tuyết Mỹ	Phó Chủ tịch Hội ND xã	Lớp Trung cấp lý luận Chính trị - hành chính	X	

STT	Họ tên	Chức vụ	Lớp đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng	Nữ (X)	Ghi chú
204	Nguyễn Thanh Tòng	Phó Chủ tịch Hội CCB xã	Lớp Trung cấp lý luận Chính trị - hành chính		
205	Trần Thị Thu Thảo	CB Kinh tế	Lớp Trung cấp lý luận Chính trị - hành chính	X	
206	Phạm Huỳnh Ngọc Sương	CB DS.KHHGD	Lớp Trung cấp lý luận Chính trị - hành chính	X	
207	Đoàn Thị Kim Bích Tuyền	CB Văn Thư - Lưu trữ	Lớp Trung cấp lý luận Chính trị - hành chính	X	
TỔNG	207			140	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐÀO TẠO, ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2019

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 1461 /KH-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giuờ)

STT	Họ tên	Chức vụ	Lớp đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng	Nữ (X)	Ghi chú
1	Trường THCS Lý Nhơn				
1	Nguyễn Thị Lan	Giáo viên	Đào tạo Đại học chuyên ngành Toán học	X	
2	Nguyễn Văn Oanh	Giáo viên	Đào tạo Đại học chuyên ngành Mỹ thuật		
3	Đặng Thị Lam	Tổ trưởng chuyên môn	Đại học văn bằng 2 chuyên ngành Tiếng anh	X	
4	Lê Thị Kim	Giáo viên	Đào tạo Đại học chuyên ngành GD&ĐT	X	
5	Tô Văn Thạnh	Giáo viên	Đào tạo Đại học chuyên ngành GD&ĐT		
6	Thạch Ngọc Thảo	Giáo viên	Đào tạo Đại học chuyên ngành Tiếng anh	X	
2	Trường THCS Tam Thôn Hiệp				
7	Nguyễn Văn Tuấn	Giáo viên	Đào tạo Đại học chuyên ngành Giáo dục thể chất		
3	Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp				
8	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	Giáo viên	Đào tạo Đại học chuyên ngành Sư phạm Mầm non	X	
9	Phạm Ngọc Lan Vi	Giáo viên	Đào tạo Đại học chuyên ngành Sư phạm Mầm non	X	

4	Trung tâm y tế				
10	Đặng Thị Út	Phó Trưởng trạm	Bác sĩ đa khoa	X	Trạm y tế xã Tam Thôn Hiệp
11	Trần Đình Quế Chi	Nhân viên	Bác sĩ đa khoa	X	Khoa Tham vấn hỗ trợ cộng đồng
12	Nguyễn Phương Duy	Nhân viên	Bác sĩ Y học cổ truyền		Phòng Truyền thông GDSK
13	Lê Minh Hải	Nhân viên	Bác sĩ Y học cổ truyền		Trạm y tế xã Lý Nhơn
14	Nguyễn Võ Lê Kim Hường	Nhân viên	Bác sĩ Y học cổ truyền		Trạm y tế thị trấn Cần Thạnh
15	Nguyễn Thị Ánh Hồng	Nhân viên	Cao đẳng điều dưỡng	X	Khoa Kiểm soát bệnh tật
16	Phạm Minh Phương	Nhân viên	Cao đẳng điều dưỡng		Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ
17	Lê Thủy Tiên	Nhân viên	Cao đẳng điều dưỡng	X	Khoa Tham vấn hỗ trợ cộng đồng
18	Nguyễn Thị Thu Ngân	Nhân viên	Cử nhân Dược	X	Trạm y tế xã Bình Khánh
19	Lê Thị Kim Kha	Nhân viên	Cử nhân Dược	X	Trạm y tế xã Tam Thôn Hiệp
20	Nguyễn Thị Hồng Huyền	Nhân viên	Cử nhân Dược	X	Khoa Tham vấn hỗ trợ cộng đồng
21	Châu Thị Bích My	Nhân viên	Cử nhân Dược	X	Khoa Tham vấn hỗ trợ cộng đồng
22	Trần Hoàng Khang	Nhân viên	Cử nhân Xét nghiệm		Khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh
5	Ban Quản lý Rừng phòng hộ huyện				
23	Ngô Tương Tự	Viên chức	Kỹ sư Quản lý tài nguyên rừng		

24	Võ Thanh Hiền	Phó Đội Trưởng	Kỹ sư Quản lý tài nguyên rừng		
25	Nguyễn Hoàng Phi	Viên chức	Kỹ sư Quản lý tài nguyên rừng		
26	Phạm Văn Minh	Viên chức	Kỹ sư Quản lý tài nguyên rừng		
27	Trần Quốc Tuấn	Trưởng Phân khu I	Kỹ sư Quản lý tài nguyên rừng		
28	Trần Văn Hồ	Phó Trưởng Phân khu I	Kỹ sư Quản lý tài nguyên rừng		
29	Lê Văn San	Trưởng Phân khu II	Kỹ sư Quản lý tài nguyên rừng		
30	Lê Văn Châu Út	Phó Trưởng Phân khu II	Kỹ sư Quản lý tài nguyên rừng		
31	Trần Văn Hiếu	Viên chức Phân khu II	Kỹ sư Quản lý tài nguyên rừng		
32	Nguyễn Văn Tuấn	Viên chức Phân khu II	Kỹ sư Quản lý tài nguyên rừng		
33	Bùi Thanh Đạo	Phó Trưởng Phân khu III	Kỹ sư Quản lý tài nguyên rừng		
34	Lê Minh Hải	Phó Trưởng Phân khu IV	Kỹ sư Quản lý tài nguyên rừng		
35	Nguyễn Văn Sỹ	Phó Trưởng Phân khu V	Kỹ sư Quản lý tài nguyên rừng		
36	Võ Minh Tân	Viên chức Phân khu V	Kỹ sư Quản lý tài nguyên rừng		
37	Nguyễn Đình Sơn	Phó Trưởng Phân khu VII	Kỹ sư Quản lý tài nguyên rừng		
6	Ủy ban nhân dân xã An Thới Đông				
38	Nguyễn Văn Minh Tiến	CC. ĐC-NN-XD&MT	Đào tạo Đại học chuyên ngành Xây dựng, dân dụng và công nghiệp		
TỔNG	38			14	



ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC NĂM 2019

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 1461 /KH-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giø)

STT	Họ tên	Chức vụ	Đơn vị	Trình độ chuyên môn	Lớp đăng ký nhu cầu đào tạo	Nguồn chi	Nữ
1	Nguyễn Thị Hoàng Bích Thắm	Hiệu trưởng	Trường Mầm non Thanh An	Đại học	Thạc sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục	Nguồn tài chính đơn vị sự nghiệp, cá nhân	x
2	Nguyễn Phi Long	Chuyên viên	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Đại học	Thạc sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục	Ngân sách Nhà nước do huyện chi	
3	Huỳnh Minh Quang	Trưởng phòng	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Thạc sĩ	Thạc sĩ Quản lý tài chính công		
4	Nguyễn Trọng Trí	Phó Trưởng phòng		Đại học	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Quản lý Kinh tế		
5	Nguyễn Ngọc Thảo	Phó khoa	Bệnh viện huyện	Đại học	Chuyên khoa I - Y học cổ truyền	Nguồn tài chính đơn vị sự nghiệp, cá nhân	x
6	Nguyễn Phan Công Toại	Bác sĩ hạng III		Đại học	Chuyên khoa I - Ngoại khoa		
7	Phạm Thị Kim Dung	Bác sĩ hạng III		Đại học	Chuyên khoa I - Hồi sức cấp cứu - Chống độc		x
8	Võ Thị Minh Thùy	Trưởng khoa	Trung tâm y tế huyện	Chuyên khoa I	Chuyên khoa II - Bác sĩ gia đình		x
9	Nguyễn Mạnh Cường	Cán bộ phụ trách kinh tế	UBND xã Long Hòa	Đại học	Thạc sĩ Luật	Ngân sách Nhà nước do huyện chi	
Tổng	9						4

**KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC,
VIÊN CHỨC (KHỎI NHÀ NƯỚC) CỦA HUYỆN CẦN GIỜ NĂM 2019**

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 1461 /KH-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ)

Số TT	TÊN LỚP HỌC	CHỈ TIÊU ĐÀO TẠO NĂM 2019			GHI CHÚ
		ĐỐI TƯỢNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG	TỔNG SỐ HỌC VIÊN	THỜI GIAN HỌC DỰ KIẾN	
A	ĐÀO TẠO		47		
I.	Đại học - Đại học văn bằng 2 - Cao đẳng		38	2 - 3 năm	
1.	Đại học	Cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn huyện đảm bảo các điều kiện quy định tại Điều 6 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ	34		
2.	Đại học văn bằng 2		1		
3.	Cao đẳng	Cán bộ, công chức, viên chức có nhu cầu tự chuẩn hóa trình độ để đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	3		
II	Sau Đại học		9	2 - 3 năm	
1.	Chuyên khoa II	Cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn huyện đảm bảo các điều kiện quy định tại Điều 6 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ	1		
2.	Thạc sĩ		5		
3.	Chuyên khoa I		3		

Số TT	TÊN LỚP HỌC	CHỈ TIÊU ĐÀO TẠO NĂM 2019			GHI CHÚ
		ĐỐI TƯỢNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG	TỔNG SỐ HỌC VIÊN	THỜI GIAN HỌC DỰ KIẾN	
B	BỒI DƯỠNG		856		
I.	CÁC LỚP DO THÀNH PHỐ TỔ CHỨC		294		
1	Bồi dưỡng kiến thức theo tiêu chuẩn ngạch		40		
1.1	Lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình Cán sự	Cán bộ, công chức, viên chức ngạch Cán sự và tương đương ở các cơ quan khối Chính quyền; các cơ quan khối Đảng, Đoàn thể của huyện	4	3,5 tháng	
1.2	Lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình Chuyên viên	Cán bộ, công chức, viên chức ngạch Chuyên viên và tương đương ở các cơ quan khối Chính quyền, các cơ quan khối Đảng, Đoàn thể của huyện; ngạch Cán sự đủ điều kiện thi nâng ngạch lên Chuyên viên, các cơ quan khối Đảng, Đoàn thể của huyện; công chức lãnh đạo, quản lý các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định	14	3,5 tháng	

Số TT	TÊN LỚP HỌC	CHỈ TIÊU ĐÀO TẠO NĂM 2019			GHI CHÚ
		ĐỐI TƯỢNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG	TỔNG SỐ HỌC VIÊN	THỜI GIAN HỌC DỰ KIẾN	
1.3	Lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình Chuyên viên chính	Cán bộ, công chức, viên chức giữ ngạch Chuyên viên đủ điều kiện thi nâng ngạch lên Chuyên viên chính của các cơ quan khối Chính quyền và cơ quan khối Đảng, Đoàn thể huyện	10	3 tháng	
1.4	Lớp bồi dưỡng ngạch Kế toán viên	Công chức, viên chức đang giữ ngạch Kế toán viên hoặc Kế toán viên Trung cấp đủ điều kiện thi nâng ngạch lên Kế toán viên (Khối chính quyền và Khối Đảng, Đoàn thể)	11	3,5 tháng	
1.5	Lớp bồi dưỡng ngạch Kế toán viên chính	Công chức, viên chức giữ ngạch Kế toán viên chính hoặc ngạch Kế toán viên có đủ điều kiện thi nâng ngạch lên Kế toán viên chính (Khối chính quyền và Khối Đảng, Đoàn thể)	1	3,5 tháng	
2	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức		71		

Số TT	TÊN LỚP HỌC	CHỈ TIÊU ĐÀO TẠO NĂM 2019			GHI CHÚ
		ĐỐI TƯỢNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG	TỔNG SỐ HỌC VIÊN	THỜI GIAN HỌC DỰ KIẾN	
2.1	Kỹ thuật viên hạng IV (V.05.02.08)	Viên chức giữ chức danh Kỹ thuật viên hạng IV (Khối chính quyền và Khối Đảng, Đoàn thể)	2	6-8 tuần	
2.2	Giáo viên mầm non hạng II	Viên chức giữ chức danh Giáo viên mầm non hạng II; viên chức đủ điều kiện thi thăng hạng lên Giáo viên mầm non hạng II (Khối chính quyền và Khối Đảng, Đoàn thể)	14	6-8 tuần	
2.3	Giáo viên mầm non hạng III	Viên chức giữ chức danh Giáo viên mầm non hạng III; viên chức đủ điều kiện thi thăng hạng lên Giáo viên mầm non hạng III (Khối chính quyền và Khối Đảng, Đoàn thể)	5	6-8 tuần	
2.4	Giáo viên mầm non hạng IV	Viên chức giữ chức danh Giáo viên mầm non hạng IV (Khối chính quyền và Khối Đảng, Đoàn thể)	3	6-8 tuần	

Số TT	TÊN LỚP HỌC	CHỈ TIÊU ĐÀO TẠO NĂM 2019			GHI CHÚ
		ĐỐI TƯỢNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG	TỔNG SỐ HỌC VIÊN	THỜI GIAN HỌC DỰ KIẾN	
2.5	Giáo viên tiểu học hạng II	Viên chức giữ chức danh Giáo viên tiểu học hạng II; viên chức đủ điều kiện thi thăng hạng lên Giáo viên tiểu học hạng II (Khối chính quyền và Khối Đảng, Đoàn thể)	27	6-8 tuần	
2.6	Giáo viên tiểu học hạng III	Viên chức giữ chức danh Giáo viên tiểu học hạng III; viên chức đủ điều kiện thi thăng hạng lên Giáo viên tiểu học hạng III (Khối chính quyền và Khối Đảng, Đoàn thể)	14	6-8 tuần	
2.7	Giáo viên tiểu học hạng IV	Viên chức giữ chức danh Giáo viên tiểu học hạng IV (Khối chính quyền và Khối Đảng, Đoàn thể)	5	6-8 tuần	
2.8	Giáo viên Trung học cơ sở hạng II	Viên chức giữ chức danh Giáo viên THCS hạng II; viên chức đủ điều kiện thi thăng hạng lên Giáo viên THCS hạng II (Khối chính quyền và Khối Đảng, Đoàn thể)	1	6-8 tuần	
3	Ngoại ngữ, tin học		44		

Số TT	TÊN LỚP HỌC	CHỈ TIÊU ĐÀO TẠO NĂM 2019			GHI CHÚ
		ĐỐI TƯỢNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG	TỔNG SỐ HỌC VIÊN	THỜI GIAN HỌC DỰ KIẾN	
3.1	Bồi dưỡng chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (tiếng Anh)	Cán bộ, công chức, viên chức của huyện (Khối Chính quyền và Khối Đảng, Đoàn thể)	1		
3.2	Bồi dưỡng chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (tiếng Anh)	Cán bộ, công chức, viên chức của huyện (Khối Chính quyền và Khối Đảng, Đoàn thể)	23	5-6 tháng	
3.3	Bồi dưỡng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	Cán bộ, công chức, viên chức của huyện (Khối Chính quyền và Khối Đảng, Đoàn thể)	20	2 - 3 tuần	
4	Các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ		69		
4.1	Lớp bồi dưỡng chức danh lãnh đạo, quản lý	Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND huyện; Trưởng phòng, Phó phòng và tương đương tại UBND huyện; Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND và UBND xã - thị trấn và công chức, viên chức quy hoạch các chức danh trên	21	15 tuần	

Số TT	TÊN LỚP HỌC	CHỈ TIÊU ĐÀO TẠO NĂM 2019			GHI CHÚ
		ĐỐI TƯỢNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG	TỔNG SỐ HỌC VIÊN	THỜI GIAN HỌC DỰ KIẾN	
	-Chương trình lãnh đạo cấp phòng		18		
	-Chương trình lãnh đạo xã - thị trấn		3		
4.2	Lớp bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp, ứng xử nơi công sở	Cán bộ, công chức, viên chức làm công tác tổ chức, tiếp nhận hồ sơ, tiếp dân tại các cơ quan, đơn vị	15	2 ngày	
4.3	Lớp bồi dưỡng bồi dưỡng kiến thức Hội nhập quốc tế	Cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị và cán bộ lãnh đạo chủ chốt các doanh nghiệp nhà nước thuộc huyện	1	5 ngày	
4.4	Lớp bồi dưỡng nghịệp vụ Đấu thầu cơ bản	Cán bộ, công chức, viên chức làm công tác đấu thầu, quản lý dự án, đầu tư, xây dựng công trình tại huyện, xã - thị trấn và các Ban QLDA huyện	8	3 ngày	

Số TT	TÊN LỚP HỌC	CHỈ TIÊU ĐÀO TẠO NĂM 2019			GHI CHÚ
		ĐỐI TƯỢNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG	TỔNG SỐ HỌC VIÊN	THỜI GIAN HỌC DỰ KIẾN	
4.5	Lớp bồi dưỡng nghiệp vụ giám sát, đánh giá đầu tư	Cán bộ, công chức, viên chức có trách nhiệm thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư hoặc có liên quan đến hoạt động đầu tư và giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định tại Nghị định số 84/2015/NĐ-CP	10	3 ngày	
4.6	Lớp bồi dưỡng kiến thức hoạt động đối ngoại	Cán bộ, công chức, viên chức làm công tác đối ngoại ở Ủy ban nhân dân huyện, các cơ quan truyền thông, báo chí của huyện	3	4 ngày	
4.7	Lớp bồi dưỡng về cung cấp thông tin theo Luật Tiếp cận thông tin	Cán bộ, công chức, viên chức làm đầu mối cung cấp thông tin tại các Ủy ban nhân dân huyện, xã - thị trấn	2	5 ngày	
4.8	Lớp bồi dưỡng về nội dung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất	Cán bộ, công chức, viên chức phụ trách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại Ủy ban nhân dân huyện, các Ban Bồi thường Giải phóng mặt bằng, các Ban QLDA đầu tư và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan	9	5 ngày	

Số TT	TÊN LỚP HỌC	CHỈ TIÊU ĐÀO TẠO NĂM 2019			GHI CHÚ
		ĐỐI TƯỢNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG	TỔNG SỐ HỌC VIÊN	THỜI GIAN HỌC DỰ KIẾN	
5	Các lớp lý luận chính trị		70		
5.1	Cao cấp lý luận chính trị	Cán bộ lãnh đạo, quản lý hoặc cán bộ, công chức, viên chức dự bị, quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý của huyện	22		
5.2	Trung cấp lý luận chính trị	Cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn huyện	48		
II	CÁC LỚP TỔ CHỨC TẠI HUYỆN		562		
1	Lớp tập huấn Luật Tín ngưỡng - Tôn giáo	Cán bộ lãnh đạo, quản lý và chuyên viên phụ trách lĩnh vực Tôn giáo tại cơ quan, đơn vị	120		
2	Lớp tập huấn Luật Thi đua - Khen thưởng và Nghị định, văn bản hướng dẫn	Cán bộ lãnh đạo, quản lý và chuyên viên phụ trách lĩnh vực thi đua - khen thưởng tại cơ quan, đơn vị	150		
3	Lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác giám sát, thẩm tra cho thành viên các Ban Hội đồng nhân dân huyện, xã - thị trấn	Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện và cấp xã nhiệm kỳ 2016 - 2021	212		

Số TT	TÊN LỚP HỌC	CHỈ TIÊU ĐÀO TẠO NĂM 2019			GHI CHÚ
		ĐỐI TƯỢNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG	TỔNG SỐ HỌC VIÊN	THỜI GIAN HỌC DỰ KIẾN	
4	Lớp bồi dưỡng cho cán bộ Trưởng ấp, Trưởng khu phố	Cán bộ Trưởng ấp, Trưởng Khu phố trên địa bàn huyện	80		
TỔNG CỘNG			903		



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG HỢP CHƯA ĐẠT CHUẨN VỀ TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 1461 /KH-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
1	Nguyễn Văn Nho	09/10/1964		Chuyên viên	01.003	Phó Chủ tịch Thường trực	Hội đồng nhân dân huyện	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
2	Trần Văn Lợi	10/10/1977		Chuyên viên	01.003	Phó Trưởng ban kinh tế - xã hội	Hội đồng nhân dân huyện	A Anh văn	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
3	Phan Thị Nhạn	11/03/1980	x	Chuyên viên	01.003	Phó Văn phòng	Văn phòng HĐND và UBND huyện	A Anh văn	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
4	Hà Anh Tuấn	29/01/1964	x	Chuyên viên	01.003	Chuyên viên	Văn phòng HĐND và UBND huyện	A Anh văn	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
5	Nguyễn Thị Cát Thảo	21/02/1979	x	Chuyên viên	01.003	Chuyên viên	Văn phòng HĐND và UBND huyện	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
6	Đỗ Văn Tâm	01/04/1967		Kế toán viên	06.031	Kế toán trưởng	Văn phòng HĐND và UBND huyện	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
7	Nguyễn Thị Tuyết	17/08/1967	x	Cán sự	01.004	Cán sự	Văn phòng HĐND và UBND huyện	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
8	Nguyễn Thị Thu Hương	06/08/1970	x	Cán sự	01.004	Cán sự	Văn phòng HĐND và UBND huyện	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
9	Võ Thị Thu	09/12/1967	x	Chuyên viên	01.003	Trưởng phòng	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
10	Phạm Quang Chiến	20/12/1962		Chuyên viên Cao đẳng	01a.003	Phó Trưởng phòng	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	A Anh văn	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
11	Nguyễn Thị Hòa	04/03/1968	x	Chuyên viên	01.003	Chuyên viên	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	A Anh văn	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
12	Hồ Thị Tuyết Trang	29/12/1980	x	Chuyên viên	01.003	Chuyên viên	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	A Anh văn	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
13	Lê Thị Thanh Hoa	17/04/1982	x	Chuyên viên	01.003	Chuyên viên	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	A Anh văn	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
14	Phùng Gia Hùng	01/05/1963		Cán sự	01.004	Cán sự	Phòng Tư pháp	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
15	Lê Hồng Hiếu	17/09/1979		Chuyên viên	01.003	Chuyên viên	Phòng Quản lý đô thị	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
16	Hồ Trương Minh Trang	19/10/1984	x	Chuyên viên	01.003	Chuyên viên	Phòng Quản lý đô thị	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
17	Võ Tấn Đức	10/06/1977		Chuyên viên	01.003	Chuyên viên	Phòng Quản lý đô thị	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
18	Nguyễn Thanh Tùng	20/05/1964		Cán sự	01.004	Cán sự	Phòng Quản lý đô thị	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
19	Hà Thái Trường	09/05/1982		Cán sự	01.004	Cán sự	Phòng Quản lý đô thị	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
20	Huỳnh Trung Đông	08/08/1974		Cán sự	01.004	Cán sự	Đội Quản lý trật tự đô thị thuộc Phòng Quản lý đô thị	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
21	Nguyễn Văn Tình	12/01/1981		Cán sự	01.004	Cán sự	Đội Quản lý trật tự đô thị thuộc Phòng Quản lý đô thị	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
22	Nguyễn Thanh Tùng	24/03/1974		Cán sự	01.004	Cán sự	Đội Quản lý trật tự đô thị thuộc Phòng Quản lý đô thị	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
23	Hồ Thanh Xuân	12/05/1983	x	Cán sự	01.004	Cán sự	Đội Quản lý trật tự đô thị thuộc Phòng Quản lý đô thị	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
24	Lê Văn Trọng	09/09/1961		Chuyên viên	01.003	Phó Trưởng phòng	Phòng Tài nguyên và Môi trường	A Anh văn	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
25	Phan Ngọc Thảo	27/08/1986	x	Cán sự	01.004	Cán sự	Phòng Tài nguyên và Môi trường	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
26	Huỳnh Văn Truyền	25/02/1968		Chuyên viên	01.003	Chuyên viên	Phòng Nội vụ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
27	Trương Văn Lộc	26/08/1976		Chuyên viên	01.003	Chuyên viên	Phòng Văn hóa và Thông tin	A Hoa ngữ	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
28	Phạm Thị Kim Phụng	20/06/1964	x	Kế toán viên trung cấp	06.032	Kế toán viên	Phòng Tài chính - Kế hoạch	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
29	Phan Thị Thúy Hồng	02/12/1989	x	Cán sự	01.004	Cán sự	Phòng Y tế	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
30	Nguyễn Tấn Thụy	28/01/1963		Cán sự	01.004	Cán sự	Phòng Kinh tế	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
31	Đỗ Thắng Tiên	01/02/1966		Chuyên viên	01.003	Chuyên viên	Phòng Kinh tế	A Anh văn	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
32	Nguyễn Văn Tiếp	17/02/1969		Chuyên viên	01.003	Chuyên viên	Phòng Kinh tế	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
33	Hồ Trung Tín	25/05/1964		Chuyên viên	01.003	Chuyên viên	Phòng Giáo dục và Đào tạo	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
34	Phạm Thị Kim Ngân	25/06/1965	x	Chuyên viên	01.003	Chuyên viên	Phòng Giáo dục và Đào tạo	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
35	Trần Thị Diễm Thúy	13/11/1974	x	Chuyên viên	01.003	Chuyên viên	Phòng Giáo dục và Đào tạo	A Anh văn	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
36	Vương Mộng Hùng	08/12/1970		Chuyên viên	01.003	Chuyên viên	Phòng Giáo dục và Đào tạo	A Anh văn	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
37	Nguyễn Văn Lâm	28/03/1970		Chuyên viên	01.003	Chuyên viên	Phòng Giáo dục và Đào tạo	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
38	Trần Văn Láng	08/10/1967		Chuyên viên	01.003	Chuyên viên	Phòng Giáo dục và Đào tạo	A Anh văn	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
39	Nguyễn Mạnh Tân	17/08/1958		Kiểm lâm viên trung cấp	10.228	Trưởng trạm	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
40	Phùng Xuân Toàn	15/10/1962		Cán sự	01.004	Trưởng phân khu	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
41	Nguyễn Đăng Tịnh	30/11/1964		Kiểm lâm viên sơ cấp	10.229	Phó Trưởng Phân khu	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
42	Bùi Hữu Nhân	15/08/1964		Kiểm lâm viên sơ cấp	10.229	Trưởng Phân khu	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
43	Nguyễn Thanh Hòa	25/05/1979		Kiểm lâm viên sơ cấp	10.229	Phó Trưởng Phân khu	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
44	Huỳnh Thị Noel	02/03/1990	x	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	Giáo viên	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	A Anh văn	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
45	Nguyễn Văn Thành	13/05/1961		Chuyên viên	01.003	Chuyên viên	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
46	Trần Văn Yên	06/09/1977		Chuyên viên	01.003	Chuyên viên	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
47	Trần Xuân Lâm	08/02/1983		Chuyên viên cao đẳng	01a.003	Chuyên viên	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
48	Đặng Hữu Phong	30/11/1965		Giáo viên trung học phổ thông hạng III	V.07.05.15	Giáo viên	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
49	Hoàng Thị Hòa	01/11/1980	x	Giáo viên trung học phổ thông hạng III	V.07.05.15	Giáo viên	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
50	Ngô Thị Thùy Dung	20/08/1990	x	Giáo viên trung học phổ thông hạng III	V.07.05.15	Giáo viên	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
51	Nguyễn Minh Tâm	22/04/1969		Giáo viên trung học phổ thông hạng III	V.07.05.15	Giáo viên	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
52	Nguyễn Thị Trắng	05/12/1965	x	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	Giáo viên	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
53	Nguyễn Văn Lợi	05/10/1990		Giáo viên trung học phổ thông hạng III	V.07.05.15	Giáo viên	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
54	Hồ Thị Kim Phụng	27/01/1987	x	Kế toán viên trung cấp	06.032	Nhân viên kế toán	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
55	Huỳnh Thị Ngọc Quyên	13/12/1979	x	Giáo viên trung học cơ sở hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	A Anh văn	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
56	Lê Thanh Hoàng	02/09/1961		Nhân viên văn thư	01.008	Văn thư	Trường Bồi dưỡng giáo dục	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
57	Phạm Văn Hoàng	08/10/1969		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Bồi dưỡng giáo dục	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
58	Đặng Thị Kim Trinh	07/02/1985	x	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.04	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non An Thới Đông		Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
59	Nguyễn Thị Kim Mai	06/01/1973	x	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Giáo viên	Trường Mầm non An Thới Đông	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
60	Lê Thị Thanh Hường	20/10/1982	x	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.04	Giáo viên	Trường Mầm non An Thới Đông		Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
61	Phan Thị Thanh Thảo	29/06/1983	x	Văn thư trung cấp	02.008	Văn thư	Trường Mầm non An Thới Đông	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
62	Trần Thị Thanh Tâm	14/12/1980	x	Dược tá	16.136	Y tế	Trường Mầm non An Thới Đông	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
63	Trần Thị Thanh Trang	10/05/1985	x	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Giáo viên	Trường Mầm non An Thới Đông	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
64	Võ Thị Hoàng Oanh	27/11/1981	x	Kế toán viên trung cấp	06.032	Kế toán	Trường Mầm non An Thới Đông	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
65	Nguyễn Thị Thuận	13/01/1979	x	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.04	Giáo viên	Trường Mầm non An Thới Đông	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1	-	
66	Huỳnh Thị Ngọc Giàu	23/06/1981	x	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.04	Giáo viên	Trường Mầm non An Thới Đông	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
67	Nguyễn Thị Quế Hồng	08/03/1986	x	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.04	Giáo viên	Trường Mầm non An Thới Đông	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
68	Trần Thị Minh Hiếu	21/08/1994	x	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.05	Giáo viên	Trường Mầm non An Thới Đông	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
69	Lê Thị Kim Hương	20/09/1982	x	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.04	Giáo viên	Trường Mầm non An Thới Đông		Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
70	Trần Thị Chúc An	07/03/1985	x	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.04	Giáo viên	Trường Mầm non An Thới Đông	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
71	Nguyễn Thị Kim Hoàng	27/11/1969	x	Nhân viên văn thư	01.008	Văn thư	Trường Mầm non Bình Khánh	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
72	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	23/02/1970	x	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.05	Giáo viên	Trường Mầm non Bình Khánh	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
73	Võ Thị Kim Lang	24/12/1969	x	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.05	Giáo viên	Trường Mầm non Bình Khánh	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
74	Lê Thị Nhiều	28/01/1968	x	Thủ quỹ cơ quan, đơn vị	06.035	Thủ quỹ	Trường Mầm non Cần Thạnh	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
75	Nguyễn Thị Hồng Dung	23/06/1983	x	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Y tế	Trường Mầm non Cần Thạnh	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
76	Hồ Thị Hồng Thắm	30/05/1975	x	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.04	Giáo viên	Trường Mầm non Long Hòa	A Anh văn	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
77	Trần Hương Thủy	21/11/1979	x	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Giáo viên	Trường Mầm non Lý Nhơn	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
78	Lê Thị Thu Hương	25/03/1983	x	Kế toán viên	06.031	Kế toán	Trường Tiểu học An Nghĩa	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
79	Lê Trung Thành	22/09/1982		Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Y tế	Trường Tiểu học An Nghĩa	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
80	Lê Xuân Tú	30/08/1984		Giáo viên tiểu học hạng IV	V.07.03.09	Giáo viên	Trường Tiểu học An Nghĩa	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
81	Phạm Thị Bích Xuyên	28/09/1984	x	Cán sự	01.004	Văn thư	Trường Tiểu học An Nghĩa	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
82	Phạm Thị Thúy Hằng	20/03/1981	x	Thư viện viên hạng IV	V.10.02.07	Thư viện	Trường Tiểu học An Nghĩa	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
83	Trần Thị Hồng Thắm	24/02/1993	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học An Nghĩa	Pháp-A	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
84	Nguyễn Văn Hải	30/06/1960		Giáo viên tiểu học hạng IV	V.07.03.09	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Khánh	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
85	Phan Thị Ngọc Nga	23/04/1965	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Khánh	A Anh văn	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
86	Trần Lệ Thu	12/09/1965	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Khánh	A Anh văn	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
87	Trương Thị Nhẫn	13/03/1966	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Khánh	A Anh văn	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
88	Châu Văn Nhỏ	01/02/1963		Giáo viên tiểu học hạng IV	V.07.03.09	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Mỹ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
89	Nguyễn Thị Gấn	05/04/1964	x	Thư viện viên hạng IV	V.10.02.07	Thư viện	Trường Tiểu học Bình Mỹ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
90	Trần Thị Chính	06/05/1970	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Mỹ	A Anh văn	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
91	Trương Thanh Trí	12/08/1987		Giáo viên tiểu học hạng IV	V.07.03.09	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Mỹ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
92	Lê Văn Ba	30/07/1986		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh 2	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
93	Nguyễn Thanh Phong	06/11/1971		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Phước	A	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
94	Châu Minh Trung	01/01/1964		Giáo viên tiểu học hạng IV	V.07.03.09	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Thạnh	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
95	Huỳnh Võ Phan Minh Sang	28/10/1988		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	TPT Đội	Trường Tiểu học Bình Thạnh	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
96	Lê Văn Giác	26/07/1968		Cán sự	01.004	Thư viện	Trường Tiểu học Bình Thạnh	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
97	Nguyễn Thế Nhanh	23/06/1988		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Thạnh	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
98	Nguyễn Văn Thoi	07/08/1969		Kế toán viên trung cấp	06.032	Kế toán	Trường Tiểu học Bình Thạnh	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
99	Trần Văn Phúc	26/05/1972		Chuyên viên cao đẳng	01a.003	Văn thư	Trường Tiểu học Bình Thạnh	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
100	Võ Thị Mỹ Ngân	07/07/1989	x	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Y tế	Trường Tiểu học Bình Thạnh	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
101	Bùi Thị Thúy Nga	25/06/1967	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh	A Anh văn	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
102	Cao Thị Hồng	31/03/1975	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh	A Anh văn	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
103	Đinh Ngọc Việt	06/05/1982		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh 2	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
104	Đỗ Hữu Đức	18/07/1970		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh 2	A Anh văn	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
105	Đoàn Thị Quyên	05/02/1968	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh 2	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
106	Đoàn Thị Thu	01/07/1972	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh 2	A Anh văn	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
107	Lê Văn Điều	22/07/1963		Giáo viên tiểu học hạng IV	V.07.03.09	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh 2	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
108	Ngô Thị Thía	26/01/1974	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh 2	A Anh văn	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
109	Nguyễn Thị Bạch	05/04/1964	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh	A Anh văn	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
110	Nguyễn Thị Diễm Thúy	30/06/1973	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh 2	A Anh văn	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
111	Nguyễn Thị Hạnh	26/07/1968	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
112	Nguyễn Thị Kim Huệ	01/07/1973	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh	A Anh văn	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
113	Nguyễn Thị Kim Ngân	31/07/1981	x	Kế toán viên	06.031	Kế toán	Trường Tiểu học Cần Thạnh	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
114	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	06/12/1970	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh 2	A Anh văn	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
115	Nguyễn Thị Thanh Hà	19/05/1970	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh	A Anh văn	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
116	Nguyễn Thị Tho	10/11/1971	x	Giáo viên tiểu học hạng IV	V.07.03.09	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
117	Nguyễn Thị Thúy	27/02/1976	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh 2	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
118	Nguyễn Văn Hoàng	18/12/1966		Giáo viên tiểu học hạng IV	V.07.03.09	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh 2	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
119	Nguyễn Văn Nhung	26/03/1961		Giáo viên tiểu học hạng IV	V.07.03.09	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
120	Phạm Thị Thu Nga	26/03/1978	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh	A Anh văn	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
121	Trần Minh Phương	21/01/1975		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
122	Trương Mộng Thu	06/06/1964	x	Giáo viên tiểu học hạng IV	V.07.03.09	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh 2	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
123	Trương Ngọc Hùng	01/04/1965		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
124	Trương Thị Hương	15/02/1973	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh	A Anh văn	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
125	Vũ Thị Hưng	18/04/1967	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
126	Nguyễn Minh Nhựt	12/11/1981		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Dơi Lầu	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
127	Nguyễn Quốc Trinh	17/08/1981		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	TPT Đội	Trường Tiểu học Dơi Lầu	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
128	Nguyễn Thị Yến Thu	12/06/1990	x	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Y tế	Trường Tiểu học Dơi Lầu	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
129	Bùi Thị Mỹ Hà	01/07/1981	x	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Y tế	Trường Tiểu học Đồng Hòa	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
130	Hồ Thị Xi	08/03/1966	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Long Thạnh	A Anh văn	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
131	Nguyễn Hữu Lương	21/12/1966		Thư viện viên hạng IV	V.10.02.07	Thư viện	Trường Tiểu học Long Thạnh	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
132	Nguyễn Văn Chí	26/03/1970		Kế toán viên trung cấp	06.032	Kế toán	Trường Tiểu học Long Thạnh	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
133	Thạch Thị Kim Anh	17/06/1993	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Long Thạnh	A Pháp	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
134	Đặng Thanh Hóa	13/04/1987		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Tam Thôn Hiệp	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
135	Hồ Văn Tăng	15/01/1966		Giáo viên tiểu học hạng IV	V.07.03.09	Giáo viên	Trường Tiểu học Tam Thôn Hiệp	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
136	Hoàng Hữu Chí	18/11/1969		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Tam Thôn Hiệp	A Anh văn	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
137	Huỳnh Thị Hà	01/07/1975	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Tam Thôn Hiệp	A Anh văn	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
138	Nguyễn Văn Thanh	19/08/1958		Giáo viên tiểu học hạng IV	V.07.03.09	Giáo viên	Trường Tiểu học Tam Thôn Hiệp	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
139	Vũ Thị Kim Khuê	18/07/1969	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Tam Thôn Hiệp	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
140	Đinh Thị Vân Anh	28/08/1988	x	Giáo viên tiểu học hạng IV	V.07.03.09	Giáo viên	Trường Tiểu học Thạnh An	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
141	Lâm Sơn Hồ	15/10/1962		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Thạnh An	A Anh văn	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
142	Lê Công Hóa	07/08/1973		Giáo viên tiểu học hạng IV	V.07.03.09	Giáo viên	Trường Tiểu học Long Thạnh	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
143	Lê Quốc Thịnh	15/12/1972	x	Giáo viên tiểu học hạng IV	V.07.03.09	Giáo viên	Trường Tiểu học Thạnh An	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
144	Lê Văn Phụng	01/07/1973		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Thạnh An	A Anh văn	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
145	Nguyễn Lâm Thế Bảo	14/01/1992		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Thạnh An	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
146	Nguyễn Thị Thanh Thủy	22/09/1991	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Thạnh An	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
147	Trần Thị Ngọc Giàu	06/05/1989	x	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Y tế	Trường Tiểu học Thạnh An	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
148	Nguyễn Lưu Truyền	02/04/1972	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Vàm Sát	A Anh văn	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
149	Nguyễn Thị Tuyết Nga	10/09/1984	x	Kế toán viên trung cấp	06.032	Kế toán	Trường Tiểu học Vàm Sát	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
150	Ngô Văn Thành	16/03/1973		Giáo viên trung học cơ sở hạng II	15a.201	Giáo viên	Trường THCS An Thới Đông	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
151	Nguyễn Tấn Linh	05/05/1989		Giáo viên trung học cơ sở hạng III	15a.202	Giáo viên	Trường THCS An Thới Đông	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
152	Phạm Văn Tâm	10/05/1974		Giáo viên trung học cơ sở hạng III	15a.202	Giáo viên	Trường THCS An Thới Đông	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
153	Nguyễn Thị Kim Oanh	08/05/1979	x	Giáo viên trung học cơ sở hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS An Thới Đông	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2	-	
154	Bùi Hồng Sơn	25/09/1986		Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	Giáo viên	Trường THCS Cần Thạnh	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
155	Bùi Thị Hoan	04/09/1972	x	Thủ quỹ cơ quan, đơn vị	06.035	Thủ quỹ	Trường THCS Cần Thạnh	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
156	Cao Kim Trung	10/10/1978		Giáo viên trung học cơ sở hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Cần Thạnh	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
157	Nguyễn Ngọc Thy	15/05/1991	x	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	15a.202	Giáo viên	Trường THCS Cần Thạnh	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
158	Nguyễn Phúc Lợi	01/02/1967		Giáo viên trung học cơ sở hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Cần Thạnh	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
159	Nguyễn Thị Bạch Lan	15/02/1971	x	Giáo viên trung học cơ sở hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Cần Thạnh	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
160	Nguyễn Thị Chính	23/07/1965	x	Giáo viên trung học cơ sở hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Cần Thạnh	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
161	Nguyễn Thị Thanh	14/10/1969	x	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	15a.202	Giáo viên thực hành thí nghiệm	Trường THCS Cần Thạnh	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
162	Nguyễn Trọng Tâm	20/07/1981		Giáo viên trung học cơ sở hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Cần Thạnh	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
163	Uông Huy Kiên	24/08/1975		Giáo viên trung học cơ sở hạng III	15a.202	Giáo viên	Trường THCS Cần Thạnh	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
164	Đặng Thanh Hải	05/04/1970		Giáo viên trung học cơ sở hạng II	15a.201	Giáo viên	Trường THCS Doi Lầu	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
165	Nguyễn Thế Kỹ	10/11/1989		Giáo viên trung học cơ sở hạng III	15a.202	Giáo viên	Trường THCS Doi Lầu	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
166	Nguyễn Văn Oanh	07/03/1983		Giáo viên trung học cơ sở hạng III	15a.202	Giáo viên	Trường THCS Doi Lầu	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
167	Võ Minh Luân	24/08/1984		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo	Trường THCS Doi Lầu	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
168	Đinh Xuân Lâm	05/09/1988		Giáo viên trung học cơ sở hạng III	15a.202	Giáo viên	Trường THCS Long Hòa	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
169	Nguyễn Thanh Nhen	02/09/1975		Giáo viên trung học cơ sở hạng III	15a.202	Giáo viên	Trường THCS Long Hòa	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
170	Phạm Kim Nhu	28/06/1980	x	Giáo viên trung học cơ sở hạng II	15a.201	Giáo viên	Trường THCS Long Hòa	A Anh văn	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
171	Thái Anh Minh	26/02/1984		Y sĩ hạng IV	16b.121	Y tế	Trường THCS Long Hòa	A Anh văn	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
172	Trần Ánh Tuyết	15/06/1969	x	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	15a.202	Giáo viên	Trường THCS Long Hòa	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
173	Trần Thị Kim Liên	15/05/1985	x	Giáo viên Trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	Giáo viên	Trường THCS Long Hòa	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
174	Bùi Thị Kim Lan	22/01/1986	x	Kế toán viên trung cấp	06.032	Kế toán	Trường THCS Lý Nhơn	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
175	Châu Thái Phúc	17/08/1976		Giáo viên trung học cơ sở hạng II	15a.201	Giáo viên	Trường THCS Lý Nhơn	A Anh văn	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
176	Dương Thị Hoài Hương	10/11/1983	x	Giáo viên trung học cơ sở hạng II	15a.201	Giáo viên	Trường THCS Lý Nhơn	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
177	Huỳnh Thới Sơn	02/10/1969		Giáo viên trung học cơ sở hạng II	15a.201	Giáo viên	Trường THCS Lý Nhơn	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
178	Mai Thị Thanh Hương	14/12/1971	x	Giáo viên trung học cơ sở hạng II	15a.201	Giáo viên	Trường THCS Lý Nhơn	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
179	Nguyễn Văn Vẹn	15/09/1982		Giáo viên trung học cơ sở hạng III	15a.202	Giáo viên	Trường THCS Lý Nhơn	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
180	Trần Đức Lâm	15/08/1978		Giáo viên trung học cơ sở hạng II	15a.201	Giáo viên	Trường THCS Lý Nhơn	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
181	Trần Thị Bạch Thúy	25/09/1993	x	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	15a.202	Giáo viên	Trường THCS Lý Nhơn	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
182	Trần Thị Thu Vân	26/08/1989	x	Y sĩ hạng IV	16b.121	Y tế	Trường THCS Lý Nhơn	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
183	Đoàn Văn Thắm	02/03/1963		Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Trưởng phòng	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
184	Phạm Thị Mỹ Chi	20/12/1985	x	Cán sự	01.004	Phó Trưởng phòng	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
185	Lê Tấn Hiệp	12/04/1966		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Trưởng phòng	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
186	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	02/11/1970	x	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Trưởng phòng	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
187	Đỗ Thị Kim Phụng	31/12/1966		Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Trưởng khoa	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
188	Đặng Văn Dũng	25/01/1973		Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Trưởng khoa	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
189	Nguyễn Văn Biền	01/01/1962		Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Phó Trưởng khoa	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
190	Trần Văn Tin	04/08/1965		Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Phó Trưởng khoa	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
191	Phạm Văn Tuấn	10/07/1962		Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Trưởng khoa	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
192	Nguyễn Thành Nguyên	22/08/1973		Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Trưởng khoa	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
193	Trần Thị Thùy Dương	01/02/1990		Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	Trưởng khoa	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
194	Nguyễn Ngọc Thanh	10/01/1962	x	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trưởng phòng	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
195	Nguyễn Trường Giang	23/07/1994		Kỹ thuật viên cao đẳng y	16.286	Kỹ thuật viên cao đẳng y	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
196	Đoàn Lãm	01/12/1989		Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Kỹ thuật y hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
197	Trịnh Thị Thu Nhuận	17/10/1976	x	Dược hạng IV	V.08.08.23	Dược hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
198	Võ Thị Tuyết Anh	18/05/1985	x	Kế toán viên trung cấp	06.032	Kế toán viên trung cấp	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
199	Đoàn Thị Gái Em	11/11/1984	x	Kế toán viên trung cấp	06.032	Kế toán viên trung cấp	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
200	Nguyễn Thị Thu Hồng	29/05/1974	x	Kế toán viên trung cấp	06.032	Kế toán viên trung cấp	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
201	Nguyễn Thanh Tuyền	23/06/1987	x	Kế toán viên trung cấp	06.032	Kế toán viên trung cấp	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
202	Trần Ngọc Hưng	15/12/1969		Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Quyền Trưởng phòng	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
203	Lê Thị Lệ Huyền	30/01/1980	x	Nhân viên kỹ thuật cơ quan	01.007	Nhân viên kỹ thuật cơ quan	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
204	Lý Thị Thu	03/07/1967	x	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
205	Mai Thị Ngọc Thủy	03/11/1980	x	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
206	Nguyễn Long Hồ	10/08/1992	x	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Y sĩ hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
207	Nguyễn Hữu Chánh	30/08/1989		Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Y sĩ hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
208	Phạm Thị Uyên	25/09/1976	x	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
209	Nguyễn Lê Thiên Hương	14/09/1984	x	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng trưởng	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
210	Phan Thị Hết	25/03/1988	x	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
211	Phạm Thị Mỹ Tiên	01/01/1987	x	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
212	Nguyễn Thị Thanh Ngân	04/05/1989	x	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
213	Trần Tuấn Minh	18/12/1990		Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
214	Nguyễn Thị Kim Hồng	16/06/1988	x	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
215	Nguyễn Thị Ngọc Bích	26/12/1989	x	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
216	Võ Cẩm Nhung	06/12/1983	x	Dược hạng IV	V.08.08.23	Dược hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
217	Lê Văn Sang	06/01/1990		Dược hạng IV	V.08.08.23	Dược hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
218	Lê Thị Chính	12/06/1974	x	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Hộ sinh hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
219	Trần Thị Ngọc Thanh	29/12/1976	x	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Hộ sinh hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
220	Đoàn Thị Minh Phượng	25/04/1988	x	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Hộ sinh hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
221	Võ Thị Ám	10/03/1982	x	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
222	Lê Thị Ngọc Thúy	05/12/1985	x	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng trưởng	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
223	Trần Quốc Hùng	03/05/1989		Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
224	Nguyễn Thị Hiền	01/10/1981	x	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
225	Ngô Kế Phương Lâm	08/11/1986		Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
226	Hồ Thanh Phương	30/03/1993		Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
227	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	10/09/1993	x	Điều dưỡng trung cấp	16b.121	Điều dưỡng trung cấp	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
228	Dương Tấn Khoa	20/08/1982		Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Bác sĩ hạng III	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
229	Trịnh Thế Anh	15/08/1961		Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Y sĩ hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
230	Võ Ngọc Thảo	16/07/1993	x	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Y sĩ hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
231	Lê Thị Diễm Trang	07/12/1987	x	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
232	Mai Văn Dẫn	10/10/1967		Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
233	Vương Thị Mỹ Hằng	15/10/1987	x	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
234	Phạm Thị Bích Vân	03/12/1991	x	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
235	Nguyễn Thị Liễu	21/11/1963	x	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
236	Nguyễn Thị Lệ Nga	02/06/1987	x	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
237	Nguyễn Thị Lệ Đào	24/04/1968	x	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng trưởng	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
238	Phạm Quang Thành	19/03/1960		Điều dưỡng sơ cấp	16b.122	Điều dưỡng sơ cấp	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
239	Lâm Văn Bạch	10/05/1960		Điều dưỡng sơ cấp	16b.122	Điều dưỡng sơ cấp	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
240	Nguyễn Phan Công Toại	16/02/1991		Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Bác sĩ hạng III	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
241	Phạm Thị Kiều Oanh	20/03/1988		Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
242	Dương Văn An	12/03/1969		Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
243	Trần Tấn Thị Lộc	13/07/1982	x	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
244	Võ Thị Tuyết Hoa	23/11/1987	x	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
245	Trần Thị Thu Liêm	01/03/1989	x	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng trưởng	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
246	Huỳnh Hồng Nhung	03/11/1989	x	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
247	Trần Tấn Lợi	06/12/1992		Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Kỹ thuật y hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
248	Vương Thị Lợi	07/05/1964	x	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
249	Nguyễn Thị Xuân Lan	30/01/1987	x	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
250	Ngô Kế Giang	10/11/1988		Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng trưởng	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
251	Nguyễn Thị Trúc	21/11/1965	x	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
252	Nguyễn Thị Ngọc Trang	01/08/1985	x	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
253	Phạm Quốc Cường	27/02/1966		Điều dưỡng sơ cấp	16b.122	Điều dưỡng sơ cấp	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
254	Nguyễn Thị Kiều	23/10/1985	x	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Kỹ thuật viên trưởng khoa	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
255	Võ Minh Tuấn	18/9/1990		Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
256	Trần Duy Phương	27/6/1988		Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Kỹ thuật y hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
257	Nguyễn Phượng Linh	16/10/1968	x	Điều dưỡng sơ cấp	16b.122	Điều dưỡng sơ cấp	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
258	Huỳnh Đức Thành	13/01/1968		Điều dưỡng sơ cấp	16b.122	Điều dưỡng sơ cấp	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
259	Hồ Thanh Phong	18/01/1989		Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Kỹ thuật y hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
260	Nguyễn Thanh Dũng	14/02/1972		Kỹ thuật viên sơ cấp y	16.288	Kỹ thuật viên sơ cấp	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
261	Võ Thị Thanh Thúy	23/10/1985	x	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng trưởng	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
262	Lê Long Định	10/06/1984		Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Y sĩ hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
263	Trần Thị Bạch Tuyết	18/11/1983	x	Kỹ thuật viên sơ cấp y	16.288	Kỹ thuật viên y	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
264	Nguyễn Thị Diễm Hồng	22/10/1985	x	Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	Hộ sinh trưởng	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
265	Phan Thị Nga	05/10/1974	x	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Hộ sinh hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
266	Phạm Thị Huệ	08/03/1974	x	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Hộ sinh hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
267	Trần Thị Hồng Minh	25/10/1972	x	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Hộ sinh hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
268	Phạm Thị Bích Huyền	25/04/1987	x	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Hộ sinh hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
269	Huỳnh Thị Yến Nhi	29/05/1991	x	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Hộ sinh hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
270	Ngô Thị Kim Thương	30/05/1990	x	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Hộ sinh hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
271	Nguyễn Thị Thu Cúc	15/06/1967	x	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Hộ sinh hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
272	Nguyễn Thị Tuyết Loan	06/01/1994	x	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Hộ sinh hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
273	Huỳnh Anh Thư	29/06/1989	x	Dược hạng IV	V.08.08.23	Dược hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
274	Nguyễn Phương Thảo	11/08/1991	x	Dược hạng IV	V.08.08.23	Dược hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
275	Nguyễn Thị Hồng Nga	04/10/1985	x	Dược hạng IV	V.08.08.23	Dược hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
276	Ngô Thị Hồng Trang	05/06/1975	x	Dược hạng IV	V.08.08.23	Dược hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
277	Lê Thị Liên	15/10/1976	x	Dược hạng IV	V.08.08.23	Dược hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
278	Trịnh Mỹ Thu	14/10/1965	x	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng trưởng	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
279	Nguyễn Thị Mát	16/10/1968	x	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng IV	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
280	Lê Thị Trinh	24/11/1968	x	Điều dưỡng sơ cấp	16b.122	Điều dưỡng sơ cấp	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
281	Dương Văn Hùng	19/11/1963		Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Trưởng phòng	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
282	Trần Văn Hai	15/10/1965		Cán sự	01.004	Trưởng phòng	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
283	Lê Hữu Phước	27/08/1960		Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Trưởng phòng	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
284	Trương Văn Phao	15/11/1974		Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Trưởng khoa	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
285	Thới Minh Mẫn	01/10/1967		Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Phó Trưởng khoa	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
286	Nguyễn Minh Việt	21/12/1984		Kỹ sư hạng III	V.05.02.07	Trưởng khoa	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
287	Võ Thị Minh Thùy	25/03/1969	x	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Trưởng khoa	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
288	Lâm Ngọc Hương	08/03/1965	x	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Phó khoa	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
289	Dương Thị Tươi	21/08/1966	x	Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	Trưởng khoa	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
290	Nguyễn Thị Yến Linh	09/06/1981	x	Dược hạng IV	V.08.08.23	Phó Trưởng khoa	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
291	Lương Minh Phú	22/01/1977		Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Phó Trưởng khoa	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
292	Đàng An	12/02/1967		Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Trưởng trạm	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
293	Đặng Thị Mỹ Dung	24/02/1966	x	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Phó Trưởng trạm	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
294	Huỳnh Văn Đức	30/06/1962		Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Trưởng trạm	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
295	Lê Thị Kim Xuyên	12/02/1970	x	Dược hạng IV	V.08.08.23	Phó Trưởng trạm	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
296	Luân Thanh Trường	10/11/1966		Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Trưởng trạm	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
297	Bùi Hồng Ngọt	16/12/1961	x	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Phó Trưởng trạm	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
298	Trương Thị Vui	10/11/1963	x	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Trưởng trạm	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
299	Phạm Thị Ngọc Thu	02/06/1972	x	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Phó Trưởng trạm	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
300	Nguyễn Đình Hiệp	23/04/1972		Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Trưởng trạm	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
301	Đặng Thị Út	08/06/1970	x	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Phó Trưởng trạm	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
302	Võ Thị Ngọc Hương	06/08/1975	x	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Phó Trưởng trạm	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
303	Nguyễn Văn Mười	27/10/1968		Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Trưởng Trạm	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
304	Võ Thị Ngọc Hương	01/11/1968	x	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Phó Trưởng trạm	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
305	Phạm Thành Lũy	09/12/1989	x	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng IV	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
306	Phạm Minh Phương	01/02/1990		Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng IV	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
307	Lê Kim Hằng	19/11/1980	x	Kế toán viên	06.031	Kế toán viên	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
308	Nguyễn Thị Thanh	23/10/1990	x	Kế toán viên cao đẳng	06a.031	Kế toán viên cao đẳng	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
309	Ngô Thị Minh Huệ	29/09/1971	x	Văn thư trung cấp	02.008	Văn thư trung cấp	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
310	Nguyễn Phương Duy	11/10/1991		Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Y sĩ hạng IV	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
311	Nguyễn Minh Vương	07/11/1988		Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng IV	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
312	Trần Đình Quế Chi	21/10/1993	x	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Y sĩ hạng IV	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
313	Nguyễn Thị Hồng Huyền	14/04/1983	x	Dược hạng IV	V.08.08.23	Dược hạng IV	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
314	Phạm Thị Kim Thắm	03/09/1985	x	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng IV	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
315	Phan Tấn Tài	22/02/1990		Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng IV	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
316	Nguyễn Thị Lan	05/01/1988	x	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng IV	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
317	Nguyễn Thị Ánh Hồng	18/02/1988	x	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng IV	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
318	Nguyễn Thanh Phương	19/02/1987		Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng IV	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
319	Đoàn Văn Chiến	30/11/1972		Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng IV	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
320	Trần Thị Lộc	05/10/1975	x	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Y sĩ hạng IV	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
321	Trần Thanh Phương	21/02/1986		Kỹ thuật viên	V.05.02.08	Kỹ thuật viên	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
322	Bùi Ngọc Tâm	26/11/1966		Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng IV	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
323	Trần Thị Bích Nga	12/04/1978	x	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Hộ sinh hạng IV	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
324	Nguyễn Thị Mai	10/10/1985	x	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Hộ sinh hạng IV	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
325	Lê Thị Quỳnh Hoa	28/10/1968	x	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Hộ sinh hạng IV	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
326	Vũ Thị Lam	12/10/1966	x	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng IV	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
327	Nguyễn Thị Kim Dung	11/06/1975	x	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Y sĩ hạng IV	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
328	Dương Thị Bảo Trâm	26/12/1990	x	Dược hạng IV	V.08.08.23	0	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
329	Võ Văn Kiềm	15/12/1967		Dược hạng IV	V.08.08.23	Dược hạng IV	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
330	Trần Hoàng Khang	31/05/1994		Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Kỹ thuật y hạng IV	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
331	Nguyễn Võ Lê Kim Hường	30/04/1985		Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Y sĩ hạng IV	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
332	Lý Thị Cúc	07/03/1976	x	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Hộ sinh hạng IV	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
333	Trần Thị Thu Hương	09/01/1968	x	Dược hạng IV	V.08.08.23	Dược hạng IV	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
334	Nguyễn Văn Tài	27/12/1989		Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng IV	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
335	Phạm Văn Tâm	05/10/1969		Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Y sĩ hạng IV	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
336	Nguyễn Văn Dũng	12/08/1964		Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Y sĩ hạng IV	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
337	Nguyễn Thị Hữu Hóa	23/01/1968	x	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng IV	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
338	Đoàn Thị Hoa Sen	09/05/1972	x	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Hộ sinh hạng IV	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
339	Nguyễn Thị Thiện	03/02/1967	x	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Hộ sinh hạng IV	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
340	Võ Thị Diễm Lệ	31/07/1981	x	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng IV	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
341	Nguyễn Thị Phi Uyên	13/07/1977	x	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng IV	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
342	Hồ Thị Ngọc Hân	06/02/1984	x	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Y sĩ hạng IV	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
343	Lê Thị Bí	02/06/1980	x	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng IV	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
344	Bùi Thanh Sơn	06/09/1990		Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng IV	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
345	Nguyễn Ngọc Hà	16/08/1973		Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Y sĩ hạng IV	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
346	Trần Thị Tuyết Nhung	27/10/1974	x	Hộ sinh sơ cấp	16.298	Hộ sinh sơ cấp	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
347	Hồ Thị Bảo Linh	11/11/1982	x	Dược hạng IV	V.08.08.23	Dược hạng IV	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
348	Phạm Thị Phương Thảo	10/11/1985	x	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Y sĩ hạng IV	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
349	Nguyễn Thị Ngọc Phượng	02/08/1978	x	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Y sĩ hạng IV	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
350	Lê Thị Hiếu Hạnh	17/11/1990	x	Dược hạng IV	V.08.08.23	Dược hạng IV	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
351	Nguyễn Văn Lợi	27/02/1965		Điều dưỡng sơ cấp	16b.122	Điều dưỡng sơ cấp	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
352	Nguyễn Văn Gặp	25/05/1968		Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng IV	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
353	Nguyễn Duy Khánh	17/08/1990		Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng IV	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
354	Lê Thị Kim Kha	24/01/1983	x	Dược hạng IV	V.08.08.23	Dược hạng IV	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
355	Trần Thị Hạnh	28/11/1970	x	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Hộ sinh hạng IV	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
356	Nguyễn Thị Hiền	04/11/1965	x	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Y sĩ hạng IV	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
357	Lê Minh Hải	20/01/1993		Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Y sĩ hạng IV	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
358	Võ Văn Dũng	17/11/1964		Điều dưỡng sơ cấp	16b.122	Điều dưỡng sơ cấp	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
359	Ngô Thị Cúc	16/07/1968	x	Điều dưỡng sơ cấp	16b.122	Điều dưỡng sơ cấp	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
360	Lê Phạm Rạng Đông	25/07/1987	x	Dược hạng IV	V.08.08.23	Dược hạng IV	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
361	Võ Văn Oản	15/11/1968		Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Y sĩ hạng IV	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
362	Võ Thị Thu Thảo	25/10/1991	x	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Y sĩ hạng IV	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
363	Trần Thị Kiều Trinh	18/09/1994	x	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Y sĩ hạng IV	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
364	Trần Thị Hồng Xuân	16/10/1981	x	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng IV	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
365	Nguyễn Thị Thu Ngân	25/11/1987	x	Dược hạng IV	V.08.08.23	Dược hạng IV	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
366	Nguyễn Văn Hồng	28/10/1968		Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng IV	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
367	Đặng Thị Hồng	08/02/1965	x	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Hộ sinh hạng IV	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
368	Đặng Thị Nhung	20/05/1967	x	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Hộ sinh hạng IV	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
369	Nguyễn Mạnh Hùng	01/08/1966		Huấn luyện viên (hạng III)	V.10.01.03	Phó Giám đốc	Trung tâm Thể dục Thể thao	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
370	Nguyễn Thanh Lai	07/03/1976		Huấn luyện viên (hạng III)	V.10.01.03	Phó Giám đốc	Trung tâm Thể dục Thể thao	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
371	Phan Thanh Vũ	30/10/1959		Hướng dẫn viên văn hóa hạng IV	V.10.07.24	Tổ phó	Trung tâm Văn hóa	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
372	Nguyễn Thị Hồng Thắm	10/10/1987	x	Thư viện viên hạng III	V.10.02.06	Thủ thư-Thư viện	Trung tâm Văn hóa	A Anh văn	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
373	Nguyễn Bích Lan	18/08/1967	x	Biện tập viên hạng III	V.11.01.03	Trưởng đài	Đài Truyền thanh	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
374	Lương Thị Hồng Nga	21/04/1981	x	Phóng viên hạng III	V.11.02.06	Phóng viên	Đài Truyền thanh	A Anh văn	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
375	Nguyễn Thị Thanh Tâm	17/01/1986	x	Cán sự	01.004	Phóng viên TC	Đài Truyền thanh	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
376	Nguyễn Thị Hoàng Hoa	24/09/1984	x	Kỹ thuật viên (hạng IV)	V.05.02.08	Kỹ thuật viên	Đài Truyền thanh	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
377	Trương Hoàng Dũng	28/10/1965		Kỹ thuật viên (hạng IV)	V.05.02.08	Kỹ thuật viên	Đài Truyền thanh	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
378	Huỳnh Ngọc Trí	11/04/1980		Kế toán viên cao đẳng	06a.031	Kế toán trưởng	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
379	Bùi Trọng Toàn	20/03/1984		Kế toán viên cao đẳng	06a.031	Tổ phó	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
380	Nguyễn Văn Kính	01/05/1985		Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	Tổ trưởng	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
381	Hồ Minh Hải	25/03/1978		Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	Kỹ sư	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
382	Nguyễn Thanh Hợp	06/10/1973		Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	Tổ trưởng	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
383	Nguyễn Vũ Khắc Chân	09/02/1974		Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	Tổ phó	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
384	Vũ Quốc Kỳ	22/05/1976		Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	Tổ trưởng	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
385	Trịnh Đình Chiến	10/06/1983		Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	Kỹ sư	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
386	Huỳnh Đức Dũng	07/04/1976		Cán sự	01.004	Cán sự	Ban Bồi thường Giải phóng Mặt bằng	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
387	Nguyễn Đức Duy	26/12/1985		Cán sự	01.004	Cán sự	Ban Bồi thường Giải phóng Mặt bằng	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
388	Trần Quốc Sang	12/09/1987		Cán sự	01.004	Cán sự	Ban Bồi thường Giải phóng Mặt bằng	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
389	Vương Thanh Nhân	20/03/1965		Chủ tịch Hội CCB	CT. Hội CCB	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	UBND thị trấn Cần Thạnh	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
390	Nguyễn Văn Linh	09/11/1980		Chuyên viên cao đẳng	01a.003	Chỉ huy trưởng BCH quân sự	UBND thị trấn Cần Thạnh	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
391	Võ Thị Thanh Hòa	14/04/1989	x	Cán sự	01.004	Bí thư Đoàn TNCS	UBND xã Thạnh An	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
392	Lê Văn Lụa	01/10/1979		Cán sự	01.004	Chỉ huy trưởng BCH Quân sự	UBND xã Thạnh An	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
393	Nguyễn Lê Phương Thảo	01/10/1981	x	Chuyên viên	01.003	Bí thư Đảng ủy	UBND xã Long Hòa	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
394	Trần Lương Gia Bảo	30/06/1992		Cán sự	01.004	Bí thư Đoàn TNCS	UBND xã Long Hòa	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
395	Nguyễn Kỳ Hùng	1950		Chủ tịch Hội CCB	CT. Hội CCB	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	UBND xã Long Hòa	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
396	Phan Thanh Bình	06/07/1975		Chuyên viên cao đẳng	01a.003	Chỉ huy trưởng BCH quân sự	UBND xã Long Hòa	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
397	Đặng Văn Đăng	20/10/1959		Cán sự	01.004	Văn phòng - Thống kê	UBND xã Long Hòa	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
398	Phạm Bình Minh	17/11/1985		Cán sự	01.004	ĐC - NN - XD - MT	UBND xã Long Hòa	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
399	Nguyễn Vĩnh Lợi	19/08/1978		Cán sự	01.004	ĐC - NN - XD - MT	UBND xã Long Hòa	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
400	Bùi Thị Cẩm Nhung	13/08/1981	x	Chuyên viên	06.032	Tài chính - Kế toán	UBND xã Long Hòa	A Anh văn	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
401	Đặng Thị Kim Nga	19/02/1967	x	Chuyên viên	06.032	Tư pháp - Hộ tịch	UBND xã Long Hòa	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
402	Trần Văn Cảnh	16/05/1967		Chuyên viên	01.003	Chủ tịch UBND	UBND xã Lý Nhơn	A Anh văn	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
403	Lê Phước Hồng	09/08/1963		Chuyên viên	01.003	Phó Bí thư Đảng ủy	UBND xã Lý Nhơn	A Anh văn	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
404	Lê Kim Liên	01/01/1968	x	Chuyên viên	01.003	Chủ tịch UB.MTTQ	UBND xã Lý Nhơn	A Anh văn	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
405	Lê Minh Thiện	01/01/1990		Chuyên viên	01.003	Bí thư Đoàn TNCS	UBND xã Lý Nhơn	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
406	Phạm Văn Thuận	01/01/1968		Cán sự	01.004	Chủ tịch Hội Nông dân	UBND xã Lý Nhơn	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
407	Lưu Hoàng Giang	02/12/1983		Chuyên viên	01.003	Chỉ huy trưởng BCH Quân sự	UBND xã Lý Nhơn	A Anh văn	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
408	Lê Phú Thanh	02/04/1964		Chuyên viên	01.003	Bí thư Đảng ủy - Chủ tịch HĐND	UBND xã Tam Thôn Hiệp	A Anh văn	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
409	Võ Thị Thanh Thủy	01/01/1974	x	Chuyên viên	01.003	Phó Bí thư Đảng ủy	UBND xã Tam Thôn Hiệp	A Anh văn	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
410	Nguyễn Thị Hồng	28/09/1982	x	Chuyên viên	01.003	Phó Chủ tịch HĐND	UBND xã Tam Thôn Hiệp	A Anh văn	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
411	Trần Văn Sơn	02/12/1970		Chuyên viên	01.003	Chủ tịch UB.MTTQ	UBND xã Tam Thôn Hiệp	A Anh văn	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
412	Nguyễn Minh Tuấn	01/07/1983		Chuyên viên cao đẳng	01a.003	Chỉ huy trưởng BCH Quân sự	UBND xã Tam Thôn Hiệp	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
413	Nguyễn Minh Tuấn	01/07/1983		Chuyên viên cao đẳng	01a.003	Chỉ huy trưởng BCH Quân sự	UBND xã Tam Thôn Hiệp	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
414	Phạm Văn Tăng	25/05/1966		Chuyên viên	01.003	Phó Bí thư đảng ủy - Chủ tịch HĐND	UBND xã Bình Khánh	A Anh văn	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
415	Nguyễn Hoàng Thái	13/07/1969		Chuyên viên cao đẳng	01a.003	Chỉ huy trưởng BCH Quân sự	UBND xã Bình Khánh	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
416	Lê Thành Sơn	20/09/1964		Chuyên viên	01.003	Phó Bí thư đảng ủy - Chủ tịch HĐND	UBND xã An Thới Đông	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 2		
417	Lê Thành Hưng	20/06/1967		Cán sự	01.004	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	UBND xã An Thới Đông	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		
418	Trần Tấn Sơn	01/07/1963		Cán sự	01.004	Văn phòng - Thống kê	UBND xã An Thới Đông	-	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1		

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG HỢP CHƯA ĐẠT CHUẨN VỀ KIẾN THỨC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC THEO NGẠCH/CDNN

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 461/KH-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
1	Trương Tiến Triển	07/10/1972		Kỹ sư	13.095	Phó Chủ tịch	Ủy ban nhân dân huyện	-	Chứng chỉ bồi dưỡng Kỹ sư		
2	Võ Hoàng Kiệt	30/05/1965		Chuyên viên	01.003	Chánh Văn phòng	Văn phòng HDND và UBND huyện	Trung cấp quản lý nhà nước	QLNN ngạch CV		
3	Hà Anh Tuấn	29/01/1964	x	Chuyên viên	01.003	Chuyên viên	Văn phòng HDND và UBND huyện	BD 27 Chuyên đề	QLNN ngạch CV		
4	Nguyễn Thị Thu Hương	06/08/1970	x	Cán sự	01.004	Cán sự	Văn phòng HDND và UBND huyện	-	QLNN ngạch Cán sự		
5	Huỳnh Văn Hải	15/10/1963		Chuyên viên	01.003	Phó Trưởng phòng	Phòng Nội vụ	Trung cấp quản lý nhà nước	QLNN ngạch CV		
6	Thái Tân Sĩ	24/10/1972		Cán sự	01.004	Phó Trưởng phòng	Phòng Quản lý đô thị	Trung cấp quản lý nhà nước	QLNN ngạch CV		
7	Nguyễn Văn Tốt	03/03/1971		Chuyên viên	01.003	Trưởng phòng	Phòng Văn hóa và Thông tin		QLNN ngạch CV		
8	Phạm Quốc Kiệt	07/12/1981		Chuyên viên	01.003	Phó Trưởng phòng	Phòng Văn hóa và Thông tin	Trung cấp quản lý nhà nước	QLNN ngạch CV		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
9	Nguyễn Ngọc An	26/04/1976	x	Chuyên viên cao đẳng	01a.003	Chuyên viên cao đẳng	Phòng Văn hóa và Thông tin	-	QLNN ngạch CV		
10	Hồ Văn Trí	02/12/1960		Chuyên viên cao đẳng	01a.003	Chuyên viên cao đẳng	Phòng Văn hóa và Thông tin	Trung cấp quản lý nhà nước	QLNN ngạch CV		
11	Lê Thị Diễm Hương	24/04/1987	x	Kế toán viên cao đẳng	06a.031	Kế toán viên cao đẳng	Phòng Tài chính - Kế hoạch	-	Chứng chỉ Kế toán viên		
12	Phạm Thị Kim Phụng	20/06/1964	x	Kế toán viên trung cấp	06.032	Kế toán viên	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Trung cấp quản lý nhà nước	Chứng chỉ kế toán viên trung cấp		
13	Lê Tấn Thuận	24/04/1968		Chuyên viên	01.003	Chuyên viên	Phòng Tài chính - Kế hoạch	BD 27 Chuyên đề	QLNN ngạch CV		
14	Nguyễn Ngọc Phú	08/12/1979		Chuyên viên	01.003	Chuyên viên	Phòng Tài chính - Kế hoạch	BD 27 Chuyên đề	QLNN ngạch CV		
15	Nguyễn Thị Diễm Chi	04/12/1992	x	Chuyên viên	01.003	Chuyên viên	Phòng Tài chính - Kế hoạch	-	QLNN ngạch CV		
16	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	19/06/1966	x	Chuyên viên	01.003	Chuyên viên	Phòng Giáo dục và Đào tạo	-	QLNN ngạch CV		
17	Nguyễn Văn Lâm	28/03/1970		Chuyên viên	01.003	Chuyên viên	Phòng Giáo dục và Đào tạo	-	QLNN ngạch CV		
18	Hồ Xuân Hương	26/10/1979	x	Chuyên viên	01.003	Chuyên viên	Phòng Tài nguyên và Môi trường	-	QLNN ngạch CV		
19	Lê Ngọc Đặng	19/02/1982		Chuyên viên	01.003	Chuyên viên	Phòng Tài nguyên và Môi trường	-	QLNN ngạch CV		
20	Lương Hoàng Lan	25/12/1986		Chuyên viên	01.003	Chuyên viên	Phòng Tài nguyên và Môi trường	-	QLNN ngạch CV		
21	Nguyễn Văn Nhung	10/03/1980		Chuyên viên	01.003	Chuyên viên	Phòng Tài nguyên và Môi trường	-	QLNN ngạch CV		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
22	Nguyễn Thị Kim Ngân	21/09/1987	x	Chuyên viên	01.003	Chuyên viên	Phòng Tài nguyên và Môi trường	-	QLNN ngạch CV		
23	Nguyễn Thị Tuyết Hương	16/10/1987	x	Chuyên viên	01.003	Chuyên viên	Phòng Tài nguyên và Môi trường	-	QLNN ngạch CV		
24	Lê Thị Kim Hạnh	15/06/1984	x	Kế toán viên	06.031	Kế toán viên	Phòng Tài nguyên và Môi trường	-	Chứng chỉ Kế toán viên		
25	Nguyễn Thị Mai	17/03/1985	x	Cán sự	01.004	Cán sự	Phòng Tài nguyên và Môi trường	-	QLNN ngạch Cán sự		
26	Phan Ngọc Thảo	27/08/1986	x	Cán sự	01.004	Cán sự	Phòng Tài nguyên và Môi trường	-	QLNN ngạch Cán sự		
27	Lê Thanh Phước	10/05/1985		Cán sự	01.004	Cán sự	Phòng Tài nguyên và Môi trường	-	QLNN ngạch Cán sự		
28	Võ Thị Thu	09/12/1967	x	Chuyên viên	01.003	Trưởng phòng	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	Trung cấp quản lý nhà nước	QLNN ngạch CV		
29	Phạm Quang Chiến	20/12/1962		Chuyên viên cao đẳng	01a.003	Phó Trưởng phòng	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	Trung cấp quản lý nhà nước	QLNN ngạch CV		
30	Nguyễn Văn Hoàng Nam	15/11/1975		Cán sự	01.004	Cán sự	Phòng Tài nguyên và Môi trường	-	QLNN ngạch Cán sự		
31	Huỳnh Nhơn Danh	18/04/1964		Chuyên viên cao đẳng	01a.003	Chuyên viên cao đẳng	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	-	QLNN ngạch CV		
32	Đoàn Thị Mỹ Xuyên	04/06/1984	x	Kế toán viên	06.031	Kế toán viên	Phòng Quản lý đô thị	-	Chứng chỉ Kế toán viên		
33	Nguyễn Thanh Tùng	20/05/1964		Cán sự	01.004	Cán sự	Phòng Quản lý đô thị	-	QLNN ngạch Cán sự		
34	Nguyễn Duy Hào	15/03/1970		Cán sự	01.004	Cán sự	Đội Quản lý trật tự đô thị thuộc Phòng Quản lý đô thị	-	QLNN ngạch Cán sự		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
35	Nguyễn Văn Tinh	12/01/1981		Cán sự	01.004	Cán sự	Đội Quản lý trật tự đô thị thuộc Phòng Quản lý đô thị	-	QLNN ngạch Cán sự		
36	Trần Thị Ánh Vân	12/10/1987	x	Kế toán viên	06.031	Kế toán viên	Thanh tra	-	Chứng chỉ Kế toán viên		
37	Phùng Gia Hùng	01/05/1963		Cán sự	01.004	Cán sự	Phòng Tư pháp	-	QLNN ngạch Cán sự		
38	Huỳnh Thị Thanh Loan	25/07/1984	x	Cán sự	01.004	Cán sự	Phòng Kinh tế	-	QLNN ngạch Cán sự		
39	Lê Thị Kim Oanh	12/04/1968	x	Chuyên viên	01.003	Chuyên viên	Phòng Kinh tế	-	QLNN ngạch CV		
40	Nguyễn Thị Kim Xoan	20/08/1983	x	Cán sự	01.004	Cán sự	Phòng Y tế	-	QLNN ngạch Cán sự		
41	Trần Đức Thụy	15/10/1968		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Phó Hiệu trưởng	Trường Bồi dưỡng giáo dục	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
42	Lê Xuân Diệu	24/12/1985	x	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.04	Giáo viên	Trường Bồi dưỡng giáo dục	-	Giáo viên mầm non hạng II		
43	Trịnh Thị Minh Hoàng	20/08/1976	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường Bồi dưỡng giáo dục	-	Giáo viên THCS hạng II		
44	Châu Văn Út	17/05/1970		Chuyên viên	01.003	Chuyên viên	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	BD 27 Chuyên đề	QLNN ngạch CV		
45	Nguyễn Văn Thành	13/05/1961		Chuyên viên	01.003	Chuyên viên	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	Trung cấp quản lý nhà nước	QLNN ngạch CV		
46	Trần Văn Yên	06/09/1977		Chuyên viên	01.003	Chuyên viên	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	-	QLNN ngạch CV		
47	Trần Xuân Lâm	08/02/1983		Chuyên viên cao đẳng	01a.003	Chuyên viên	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	-	QLNN ngạch CV		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
48	Hồ Thị Kim Phụng	27/01/1987	x	Kế toán viên trung cấp	06.032	Nhân viên kế toán	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	-	Chứng chỉ kế toán viên trung cấp		
49	Huỳnh Thị Ngọc Quyên	13/12/1979	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	-	Giáo viên THCS hạng II		
50	Nguyễn Thị Yến Lan	28/11/1982	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	-	Giáo viên THCS hạng II		
51	Nguyễn Thị Hoài Thu	07/05/1977	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Hiệu trưởng	Trường Chuyên biệt Cần Thạnh	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
52	Nguyễn Thị Thanh Loan	06/02/1972	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Chuyên biệt Cần Thạnh	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
53	Trần Thị Kim Phượng	23/02/1980	x	Kế toán viên trung cấp	06.032	Kế toán	Trường Chuyên biệt Cần Thạnh	-	Chứng chỉ kế toán viên trung cấp		
54	Vũ Thanh Bạch	17/11/1968	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Chuyên biệt Cần Thạnh	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
55	Vũ Thị Mỹ Thơ	15/08/1972	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Chuyên biệt Cần Thạnh	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
56	Nguyễn Thị Ngọc Hân	15/03/1976	x	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.04	Hiệu trưởng	Trường Mầm non Lý Nhơn	-	Giáo viên mầm non hạng II		
57	Phạm Thị Thu Sương	27/09/1986	x	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.05	Giáo viên	Trường Mầm non Bình An	-	Giáo viên mầm non hạng III		
58	Nguyễn Thị Bạch Tuyết	23/02/1974	x	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.04	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non An Thới Đông	-	Giáo viên mầm non hạng II		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
59	Trần Thị Minh Hiếu	21/08/1994	x	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.05	Giáo viên	Trường Mầm non An Thới Đông	-	Giáo viên mầm non hạng III		
60	Huỳnh Thị Ngọc Giàu	23/06/1981	x	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.04	Giáo viên	Trường Mầm non An Thới Đông	-	Giáo viên mầm non hạng II		
61	Nguyễn Thị Quế Hồng	08/03/1986	x	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.04	Giáo viên	Trường Mầm non An Thới Đông	-	Giáo viên mầm non hạng II		
62	Phạm Thị Thanh Tuyền	11/09/1972	x	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.05	Giáo viên	Trường Mầm non An Thới Đông	-	Giáo viên mầm non hạng III		
63	Lê Thị Thanh Hường	20/10/1982	x	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.04	Giáo viên	Trường Mầm non An Thới Đông	-	Giáo viên mầm non hạng II		
64	Phạm Thị Thanh Xuân	12/02/1966	x	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.05	Giáo viên	Trường Mầm non An Thới Đông	-	Giáo viên mầm non hạng III		
65	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	14/09/1982	x	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.04	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Bình Khánh	-	Giáo viên mầm non hạng II		
66	Phùng Thị Nghiệp	09/03/1981	x	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.04	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Bình Khánh	-	Giáo viên mầm non hạng II		
67	Trần Thị Kim Chi	03/03/1979	x	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.04	Hiệu trưởng	Trường Mầm non Bình Khánh	-	Giáo viên mầm non hạng II		
68	Đặng Ngọc Lan	21/01/1981	x	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.05	Giáo viên	Trường Mầm non Bình Khánh	-	Giáo viên mầm non hạng III		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
69	Đặng Thị Kim Loan	09/12/1978	x	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.05	Giáo viên	Trường Mầm non Bình Khánh	-	Giáo viên mầm non hạng III		
70	Đoàn Thị Thu Lan	03/06/1970	x	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.05	Giáo viên	Trường Mầm non Bình Khánh	-	Giáo viên mầm non hạng III		
71	Lê Thị Thanh Thảo	03/01/1990	x	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.05	Giáo viên	Trường Mầm non Bình Khánh	-	Giáo viên mầm non hạng III		
72	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	23/04/1984	x	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.04	Giáo viên	Trường Mầm non Bình Khánh	-	Giáo viên mầm non hạng II		
73	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	08/06/1981	x	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.05	Giáo viên	Trường Mầm non Bình Khánh	-	Giáo viên mầm non hạng III		
74	Nguyễn Thị Mỹ Linh	25/10/1985	x	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.05	Giáo viên	Trường Mầm non Bình Khánh	-	Giáo viên mầm non hạng III		
75	Nguyễn Thị Nga	10/09/1967	x	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.05	Giáo viên	Trường Mầm non Bình Khánh	-	Giáo viên mầm non hạng III		
76	Nguyễn Thị Ngân Hà	04/12/1985	x	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.04	Giáo viên	Trường Mầm non Bình Khánh	-	Giáo viên mầm non hạng II		
77	Nguyễn Thị Ngọc Thanh	04/04/1975	x	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.04	Giáo viên	Trường Mầm non Bình Khánh	-	Giáo viên mầm non hạng II		
78	Nguyễn Thị Phượng	15/03/1988	x	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.05	Giáo viên	Trường Mầm non Bình Khánh	-	Giáo viên mầm non hạng III		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
79	Nguyễn Thị Thanh Thảo	18/04/1987	x	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.05	Giáo viên	Trường Mầm non Bình Khánh	-	Giáo viên mầm non hạng III		
80	Nguyễn Thị Thanh Thủy	22/12/1973	x	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.04	Giáo viên	Trường Mầm non Bình Khánh	-	Giáo viên mầm non hạng II		
81	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	23/02/1970	x	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.05	Giáo viên	Trường Mầm non Bình Khánh	-	Giáo viên mầm non hạng III		
82	Nguyễn Thị Thúy An	28/10/1986	x	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.04	Giáo viên	Trường Mầm non Bình Khánh	-	Giáo viên mầm non hạng II		
83	Trần Võ Ngọc	01/03/1981	x	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.05	Giáo viên	Trường Mầm non Bình Khánh	-	Giáo viên mầm non hạng III		
84	Võ Thị Kim Lang	24/12/1969	x	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.05	Giáo viên	Trường Mầm non Bình Khánh	-	Giáo viên mầm non hạng III		
85	Võ Thị Kim Ngân	23/02/1986	x	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.04	Giáo viên	Trường Mầm non Bình Khánh	-	Giáo viên mầm non hạng II		
86	Võ Trần Trúc Mai	20/10/1982	x	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.05	Giáo viên	Trường Mầm non Bình Khánh	-	Giáo viên mầm non hạng III		
87	Đoàn Thị Thủy	15/10/1975	x	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.04	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Cần Thạnh	-	Giáo viên mầm non hạng II		
88	Huỳnh Hồng Hạnh	03/12/1987	x	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.04	Giáo viên	Trường Mầm non Cần Thạnh	-	Giáo viên mầm non hạng II		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
89	Võ Thị Đẹp	11/05/1984	x	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.04	Giáo viên	Trường Mầm non Cần Thạnh	-	Giáo viên mầm non hạng II		
90	Đoàn Thị Thanh Xuân	15/03/1988	x	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.05	Giáo viên	Trường Mầm non Cần Thạnh 2	-	Giáo viên mầm non hạng III		
91	Lê Thị Kim Thoa	02/01/1988	x	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.05	Giáo viên	Trường Mầm non Cần Thạnh 2	-	Giáo viên mầm non hạng III		
92	Nguyễn Thị Khánh Nhung	01/05/1971	x	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.05	Giáo viên	Trường Mầm non Cần Thạnh 2	-	Giáo viên mầm non hạng III		
93	Nguyễn Thị Thanh Nhân	12/06/1974	x	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.05	Giáo viên	Trường Mầm non Cần Thạnh 2	-	Giáo viên mầm non hạng III		
94	Phạm Thị Dung	30/06/1965	x	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.05	Giáo viên	Trường Mầm non Cần Thạnh 2	-	Giáo viên mầm non hạng III		
95	Phạm Thị Hồng	15/10/1976	x	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.05	Giáo viên	Trường Mầm non Cần Thạnh 2	-	Giáo viên mầm non hạng III		
96	Lê Thị Mỹ Hằng	02/01/1986	x	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.05	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Dơi Lầu	-	Giáo viên mầm non hạng III		
97	Hồ Thị Kim Duyên	28/02/1990	x	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.05	Giáo viên	Trường Mầm non Dơi Lầu	-	Giáo viên mầm non hạng III		
98	Ngô Thị Hồng Trang	16/05/1988	x	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.05	Giáo viên	Trường Mầm non Dơi Lầu	-	Giáo viên mầm non hạng III		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
99	Nguyễn Ngọc Vân	18/03/1988	x	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.04	Giáo viên	Trường Mầm non Dơi Lầu	-	Giáo viên mầm non hạng II		
100	Nguyễn Thị Mộng Duy	29/10/1987	x	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.05	Giáo viên	Trường Mầm non Dơi Lầu	-	Giáo viên mầm non hạng III		
101	Phạm Thị Út		x	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.05	Giáo viên	Trường Mầm non Dơi Lầu	-	Giáo viên mầm non hạng III		
102	Trần Thị Mỹ Tiên	18/12/1974	x	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.04	Hiệu trưởng	Trường Mầm non Đồng Tranh	-	Giáo viên mầm non hạng II		
103	Đặng Thị Thu	05/06/1989	x	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.04	Giáo viên	Trường Mầm non Đồng Tranh	-	Giáo viên mầm non hạng II		
104	Huỳnh Thúy Ngân	02/07/1989	x	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.04	Giáo viên	Trường Mầm non Đồng Tranh	-	Giáo viên mầm non hạng II		
105	Hà Thị Kim Loan	21/01/1982	x	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.04	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Long Hòa	-	Giáo viên mầm non hạng II		
106	Lê Thị Yến Tuyết	10/11/1983	x	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.05	Hiệu trưởng	Trường Mầm non Long Hòa	-	Giáo viên mầm non hạng III		
107	Bùi Thị Mỹ	24/11/1980	x	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.05	Giáo viên	Trường Mầm non Long Hòa	-	Giáo viên mầm non hạng III		
108	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	07/01/1982	x	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.05	Giáo viên	Trường Mầm non Long Hòa	-	Giáo viên mầm non hạng III		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
109	Nguyễn Vũ Thúy Uyên	23/07/1982	x	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.05	Giáo viên	Trường Mầm non Long Hòa	-	Giáo viên mầm non hạng III		
110	Trần Thị Nhụy Kiều	10/05/1981	x	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.05	Giáo viên	Trường Mầm non Long Hòa	-	Giáo viên mầm non hạng III		
111	Võ Ngọc Thảo	26/09/1987	x	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.05	Giáo viên	Trường Mầm non Long Hòa	-	Giáo viên mầm non hạng III		
112	Lê Thị Kim Oanh	09/03/1987	x	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.04	Giáo viên	Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp	-	Giáo viên mầm non hạng II		
113	Nguyễn Thị Châu Long	15/09/1983	x	Văn thư trung cấp	02.008	Văn thư	Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp	-	Chứng chỉ Văn thư trung cấp		
114	Nguyễn Thị Ngọc Tâm	15/11/1988	x	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.05	Giáo viên	Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp	-	Giáo viên mầm non hạng III		
115	Nguyễn Thị Tố Trinh	17/01/1986	x	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.05	Giáo viên	Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp	-	Giáo viên mầm non hạng III		
116	Phạm Ngọc Lan Vi	11/09/1990	x	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.05	Giáo viên	Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp	-	Giáo viên mầm non hạng III		
117	Thái Thị Kim Thúy	25/01/1977	x	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.05	Giáo viên	Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp	-	Giáo viên mầm non hạng III		
118	Trương Thị Ngọc Dung	14/05/1968	x	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.05	Giáo viên	Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp	-	Giáo viên mầm non hạng III		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
119	Phan Tùng Kim Quyên	28/04/1983	x	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.04	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Thanh An	-	Giáo viên mầm non hạng II		
120	Lê Minh Vũ	12/03/1988		Cán sự	01.004	Văn thư	Trường Mầm non Thanh An	-	QLNN ngạch Cán sự		
121	Nguyễn Thị Châu Phi	03/03/1990	x	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.04	Giáo viên	Trường Mầm non Thanh An	-	Giáo viên mầm non hạng II		
122	Phạm Thị Thu Huyền	25/04/1987	x	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.04	Giáo viên	Trường Mầm non Thanh An	-	Giáo viên mầm non hạng II		
123	Võ Thị Kim Hiếu	05/12/1988	x	Giáo viên mầm non hạng II	V.07.02.04	Giáo viên	Trường Mầm non Thanh An	-	Giáo viên mầm non hạng II		
124	Nguyễn Thị Kim Hồng	21/12/1975	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học An Nghĩa	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
125	Trần Thị Mai	01/12/1964	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Hiệu trưởng	Trường Tiểu học An Nghĩa	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
126	Bùi Thế Hào	07/04/1970		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học An Nghĩa	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
127	Đặng Hoàng Nhi	28/10/1976		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học An Nghĩa	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
128	Huỳnh Thị Dum	19/03/1992	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học An Nghĩa	-	Giáo viên tiểu học hạng III		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
129	Lê Thị Ngọc Giàu	15/11/1986	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học An Nghĩa	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
130	Lê Thị Ngọc Hà	16/06/1970	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học An Nghĩa	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
131	Lê Thị Thu Hương	25/03/1983	x	Kế toán viên	06.031	Kế toán	Trường Tiểu học An Nghĩa	-	Chứng chỉ Kế toán viên		
132	Nguyễn Minh Hiệp	19/06/1973		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học An Nghĩa	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
133	Nguyễn Thị Hiền	10/12/1971	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học An Nghĩa	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
134	Nguyễn Thị Phương Trang	02/07/1989	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học An Nghĩa	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
135	Nguyễn Thị Thanh Trang	25/10/1979	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học An Nghĩa	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
136	Nguyễn Văn Cư	20/04/1968		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học An Nghĩa	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
137	Nguyễn Văn Huệ	09/06/1970		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học An Nghĩa	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
138	Phạm Thị Bích Xuyên	28/09/1984	x	Cán sự	01.004	Văn thư	Trường Tiểu học An Nghĩa	-	QLNN ngạch Cán sự		
139	Trần Minh Cường	31/07/1987		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	TPT Đội	Trường Tiểu học An Nghĩa	-	Giáo viên tiểu học hạng II		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
140	Trần Thị Hồng Thắm	24/02/1993	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học An Nghĩa	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
141	Văn Công Thảo	28/03/1969		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học An Nghĩa	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
142	Nguyễn Thị Thanh Thủy	29/05/1970	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học An Thới Đông	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
143	Trần Văn Quyên	30/03/1973		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Hiệu trưởng	Trường Tiểu học An Thới Đông	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
144	Bùi Ngọc Xuân	28/11/1974		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học An Thới Đông	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
145	Chan Văn Sơn	17/02/1974		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học An Thới Đông	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
146	Chu Thị Tiến	01/01/1985	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học An Thới Đông	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
147	Lê Phát Thiện	20/03/1974		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học An Thới Đông	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
148	Lê Phú Cường	23/02/1974		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học An Thới Đông	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
149	Lê Thị Nhân	20/10/1990	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học An Thới Đông	-	Giáo viên tiểu học hạng III		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
150	Lương Văn Ân	20/11/1970		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học An Thới Đông	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
151	Mạc Đắc Huy	04/02/1964		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học An Thới Đông	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
152	Ngô Quang Thành	28/11/1971		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học An Thới Đông	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
153	Nguyễn Thị Bích Trâm	30/9/1990	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	TPT Đội	Trường Tiểu học An Thới Đông	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
154	Nguyễn Thị Kim Dung	28/04/1977	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học An Thới Đông	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
155	Nguyễn Thị Kim Thơm	12/11/1990	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học An Thới Đông	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
156	Nguyễn Thị Lệ Thu	10/10/1963	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học An Thới Đông	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
157	Nguyễn Thị Thu Hà	29/12/1974	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học An Thới Đông	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
158	Nguyễn Thy Thảo	11/12/1970	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học An Thới Đông	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
159	Nguyễn Văn Đức	09/10/1964		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học An Thới Đông	-	Giáo viên tiểu học hạng II		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
160	Nguyễn Văn Giác	23/01/1974		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học An Thới Đông	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
161	Nguyễn Văn Hoàng Tú Anh	23/07/1969		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học An Thới Đông	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
162	Phạm Minh Đuộm	27/05/1970		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học An Thới Đông	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
163	Phạm Thanh Dũng	02/10/1970		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học An Thới Đông	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
164	Phạm Thị Mai	08/07/1966	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học An Thới Đông	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
165	Phạm Thị Thanh Nga	25/05/1970	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học An Thới Đông	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
166	Phạm Văn Mẫn	10/07/1973		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học An Thới Đông	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
167	Phan Thị Kim Ngọc	21/08/1990	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học An Thới Đông	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
168	Trần Thanh Thảo	30/10/1970		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học An Thới Đông	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
169	Trần Thị Bạch Tuyết	10/01/1989	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học An Thới Đông	-	Giáo viên tiểu học hạng III		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
170	Trần Thị Hoàng Diệu	16/12/1986	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học An Thới Đông	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
171	Trần Thị Kim Thu	18/09/1970	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học An Thới Đông	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
172	Trương Thị Tuyết Hoa	02/07/1973	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học An Thới Đông	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
173	Đặng Thái Bình	17/07/1976		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Bình Khánh	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
174	Nguyễn Văn Hiệp	20/11/1962		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Bình Khánh	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
175	Bùi Minh Trí	05/08/1984		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Khánh	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
176	Đặng Thị Thùy Giang	19/05/1979	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Khánh	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
177	Đoàn Thanh Cang	20/11/1983		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Khánh	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
178	Hồ Thanh Thúy	22/12/1979	x	Kế toán viên trung cấp	06.032	Kế toán	Trường Tiểu học Bình Khánh	-	Chứng chỉ kế toán viên trung cấp		
179	Hồ Văn Phăng	15/04/1973		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Khánh	-	Giáo viên tiểu học hạng II		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
180	Huỳnh Thị Thía	08/11/1970	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Khánh	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
181	Lâm Thị Tầm	05/10/1969	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Khánh	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
182	Lê Thị Hồng Thu	29/04/1967	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Khánh	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
183	Lê Thị Kim Mai	07/03/1976	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Khánh	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
184	Lê Thị Ngọc Dung	12/01/1972	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Khánh	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
185	Lê Thị Thu Dung	01/10/1974	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Khánh	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
186	Nguyễn Anh Thi	30/12/1972		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	TPT Đội	Trường Tiểu học Bình Khánh	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
187	Nguyễn Quang Rạng	20/05/1972		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Khánh	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
188	Nguyễn Thành Phương	01/04/1966		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Khánh	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
189	Nguyễn Thanh Tuyền	07/05/1971	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Khánh	-	Giáo viên tiểu học hạng II		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
190	Nguyễn Thị Anh	10/07/1965	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Khánh	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
191	Nguyễn Thị Đang	01/07/1969	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Khánh	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
192	Nguyễn Thị Diễm	20/11/1975	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Khánh	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
193	Nguyễn Thị Huỳnh Mai	09/06/1973	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Khánh	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
194	Nguyễn Thị Loan	12/10/1967	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Khánh	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
195	Nguyễn Thị Loan Thảo	03/12/1976	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Khánh	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
196	Nguyễn Thị Ngọc Đào	25/09/1988	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Khánh	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
197	Nguyễn Thị Thanh Hiếu	27/09/1977	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Khánh	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
198	Nguyễn Thị Thùy Châu	17/06/1969	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Khánh	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
199	Phạm Thị Ngọc Hiền	15/11/1969	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Khánh	-	Giáo viên tiểu học hạng III		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
200	Phạm Thị Thu Hồng	15/12/1969	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Khánh	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
201	Phạm Thị Thu Thủy	07/10/1972	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Khánh	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
202	Phạm Văn Thái	21/06/1969		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Khánh	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
203	Phan Thị Ngọc Nga	23/04/1965	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Khánh	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
204	Trần Châu Phong	20/05/1985		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Khánh	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
205	Trần Lệ Thu	12/09/1965	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Khánh	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
206	Trần Thị Hoài Dung	27/02/1974	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Khánh	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
207	Trần Thị Liên	19/08/1974	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Khánh	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
208	Trần Thị Thanh	07/09/1971	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Khánh	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
209	Trương Thị Nhẫn	13/03/1966	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Khánh	-	Giáo viên tiểu học hạng III		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
210	Võ Thị Thanh Nga	01/07/1969	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Khánh	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
211	Châu Thị Thắm	11/01/1970	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Bình Mỹ	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
212	Dương Thị Nhỏ	16/06/1966	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Bình Mỹ	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
213	Châu Tấn Đạt	15/09/1971		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Mỹ	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
214	Đặng Ngọc Lê	23/12/1992	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Mỹ	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
215	Đặng Thị Tuyết Em	28/10/1973	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Mỹ	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
216	Huỳnh Văn Nghiệp	19/02/1978		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Mỹ	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
217	Nguyễn Thành Nghĩa	11/06/1977		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Mỹ	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
218	Nguyễn Thị Đẹp	26/07/1971	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Mỹ	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
219	Nguyễn Thị Kim Thành	04/06/1991	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	TPT-Đội	Trường Tiểu học Bình Mỹ	-	Giáo viên tiểu học hạng II		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
220	Nguyễn Thị Lệ Thu	01/12/1970	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Mỹ	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
221	Nguyễn Văn Mậu	06/03/1960		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Mỹ	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
222	Trần Thị Chính	06/05/1970	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Mỹ	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
223	Trần Thị Hồng	16/03/1970	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Mỹ	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
224	Trần Thị Ngân	29/11/1971	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Mỹ	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
225	Bùi Thị Út	17/11/1968	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Phước	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
226	Đặng Thanh Huân	03/03/1972		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Phước	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
227	Đặng Văn Hoàng	12/01/1970		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Phước	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
228	Huỳnh Văn Chính	17/04/1973		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Phước	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
229	Huỳnh Văn Mười	01/07/1973		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Phước	-	Giáo viên tiểu học hạng III		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
230	Huỳnh Văn Rõ	15/09/1972		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Phước	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
231	Lương Thị Quỳnh Tiên	09/03/1982	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Phước	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
232	Ngô Nguyễn Thị Thu Oanh	29/01/1986	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Phước	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
233	Nguyễn Ngọc Phúc	24/12/1970		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Phước	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
234	Nguyễn Thanh Phong	06/11/1971		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Phước	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
235	Nguyễn Thị Hồng Loan	17/11/1977	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Phước	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
236	Nguyễn Thị Ngọc Linh	15/11/1972	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Phước	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
237	Nguyễn Thị Thanh Xuân	16/11/1973	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Phước	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
238	Nguyễn Văn Gạo	04/04/1967		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Phước	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
239	Phạm Văn Khánh	10/10/1970		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Phước	-	Giáo viên tiểu học hạng III		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
240	Phạm Văn Thụ	12/03/1966		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Phước	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
241	Phan Nguyên Hân	08/12/1971		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Phước	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
242	Phan Thị Kim Loan	22/02/1986	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Phước	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
243	Võ Thị Thu Phương	12/09/1970	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Phước	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
244	Võ Thị Thu Trang	20/06/1982	x	Kế toán viên trung cấp	06.032	Kế toán	Trường Tiểu học Bình Phước	-	Chứng chỉ kế toán viên trung cấp		
245	Dương Văn Mười Hai	01/05/1972		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Bình Thạnh	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
246	Trần Văn Thảo	16/09/1969		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Bình Thạnh	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
247	Huỳnh Thị Phương Quang	23/04/1972	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Thạnh	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
248	Huỳnh Võ Phan Minh Sang	28/10/1988		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	TPT Đội	Trường Tiểu học Bình Thạnh	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
249	Lê Thị Kim Hồng	23/09/1971	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Thạnh	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
250	Lê Văn Giác	26/07/1968		Cán sự	01.004	Thư viện	Trường Tiểu học Bình Thạnh	-	QLNN ngạch Cán sự		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
251	Nguyễn Tấn Phong	29/11/1971		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Thạnh	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
252	Nguyễn Thế Nhanh	23/06/1988		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Thạnh	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
253	Nguyễn Thị Nét	19/02/1983	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Thạnh	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
254	Nguyễn Văn Thoi	07/08/1969		Kế toán viên trung cấp	06.032	Kế toán	Trường Tiểu học Bình Thạnh	-	Chứng chỉ kế toán viên trung cấp		
255	Trần Thị Hoàng Lan	25/07/1972	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Thạnh	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
256	Trần Văn Phúc	26/05/1972		Chuyên viên cao đẳng	01a.003	Văn thư	Trường Tiểu học Bình Thạnh	-	QLNN ngạch CV		
257	Nguyễn Bình Luận	18/03/1970		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Cần Thạnh	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
258	Nguyễn Thanh Hoàng	17/03/1973		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Cần Thạnh	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
259	Trần Thị Lệ Thu	17/10/1969	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Cần Thạnh	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
260	Bùi Thị Thúy Nga	25/06/1967	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh	-	Giáo viên tiểu học hạng III		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
261	Cần Thị Hồng Nhung	08/09/1983	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
262	Cao Thị Hồng	31/03/1975	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
263	Cao Thị Hường	17/07/1981	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
264	Nguyễn Kim Hồng	10/04/1979	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
265	Huỳnh Thị Nguyệt	14/02/1969	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
266	Nguyễn Thị Hạnh	26/07/1968	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
267	Nguyễn Thị Hiền	26/10/1970	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
268	Nguyễn Thị Kim Huệ	01/07/1973	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
269	Nguyễn Thị Kim Ngân	31/07/1981	x	Kế toán viên	06.031	Kế toán	Trường Tiểu học Cần Thạnh	-	Chứng chỉ Kế toán viên		
270	Nguyễn Thị Mỹ Dung	08/10/1970	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh	-	Giáo viên tiểu học hạng II		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
271	Nguyễn Thị Thanh Hà	19/05/1970	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
272	Nguyễn Thị Thom	08/01/1990	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
273	Phạm Thị Hằng	12/10/1982	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
274	Phạm Thị Thu Nga	26/03/1978	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
275	Trần Minh Phương	21/01/1975		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
276	Trần Minh Vương	05/06/1977		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
277	Trần Thị Mộng Lê	27/07/1987	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
278	Trương Ngọc Hùng	01/04/1965		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
279	Trương Thị Hương	15/02/1973	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
280	Vũ Thị Hưng	18/04/1967	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh	-	Giáo viên tiểu học hạng III		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
281	Nguyễn Thị Bạch	05/04/1964	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
282	Nguyễn Thanh Tuấn	31/05/1974		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Cần Thạnh 2	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
283	Đinh Ngọc Việt	06/05/1982		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh 2	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
284	Đỗ Hữu Đức	18/07/1970		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh 2	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
285	Đoàn Thị Quyên	05/02/1968	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh 2	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
286	Đoàn Thị Thu	01/07/1972	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh 2	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
287	Lê Văn Ba	30/07/1986		Chuyên viên	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh 2	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
288	Lê Thị Hương	10/08/1974	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh 2	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
289	Lê Văn Mạnh	20/09/1973		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh 2	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
290	Ngô Thị Thía	26/01/1974	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh 2	-	Giáo viên tiểu học hạng II		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
291	Nguyễn Thị Anh Đức	17/09/1975	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh 2	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
292	Nguyễn Thị Diễm Thúy	30/06/1973	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh 2	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
293	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	06/12/1970	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh 2	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
294	Nguyễn Thị Thúy	27/02/1976	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh 2	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
295	Nguyễn Thị Toan	29/07/1968	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh 2	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
296	Nguyễn Thị Xuân Lan	12/04/1972	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh 2	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
297	Nguyễn Thúy An	20/03/1989	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh 2	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
298	Phạm Ngọc Tâm	13/07/1984	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh 2	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
299	Võ Thành Đức	09/10/1974		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh 2	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
300	Võ Thị Ngọc Hà	10/12/1980	x	Văn thư trung cấp	02.008	Văn thư	Trường Tiểu học Cần Thạnh 2	-	Chứng chỉ Văn thư trung cấp		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
301	Võ Thị Thành Nhân	11/03/1991	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh 2	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
302	Vương Mộng Long	22/04/1973		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh 2	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
303	Hồ Minh Tùng	27/03/1973		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Dơi Lầu	Sơ cấp quản lý nhà nước	Giáo viên tiểu học hạng II		
304	Hồ Thị Trúc Linh	22/06/1970	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Dơi Lầu	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
305	Nguyễn Minh Nhựt	12/11/1981		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Dơi Lầu	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
306	Nguyễn Phước Trung	24/02/1970		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Dơi Lầu	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
307	Nguyễn Quốc Trinh	17/08/1981		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	TPT Đội	Trường Tiểu học Dơi Lầu	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
308	Phạm Ngọc Hoàng	26/10/1988		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Dơi Lầu	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
309	Phạm Thị Kim Thoa	10/10/1987	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Dơi Lầu	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
310	Trần Thị Kim Lang	15/03/1966	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Dơi Lầu	-	Giáo viên tiểu học hạng III		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
311	Trần Thị Thúy	02/03/1969	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Dôi Lầu	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
312	Trần Văn Cầu	21/05/1967		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Dôi Lầu	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
313	Trần Văn Tư	12/03/1971		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Dôi Lầu	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
314	Võ Thị Tượng	11/07/1969	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Dôi Lầu	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
315	Nguyễn Đăng Vẹn	01/07/1960		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Dôi Lầu	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
316	Nguyễn Tấn Huyền	23/11/1970		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Dôi Lầu	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
317	Nguyễn Minh Huệ	03/09/1972		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Đồng Hòa	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
318	Bùi Thị Mỹ Liên	26/01/1969	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Đồng Hòa	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
319	Hồ Quang Đạo	14/11/1974		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Đồng Hòa	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
320	Lê Thị Bích Duyên	16/03/1993	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Đồng Hòa	-	Giáo viên tiểu học hạng III		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
321	Nguyễn Ngọc Khải	20/08/1966		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Đồng Hòa	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
322	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	15/07/1989	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Đồng Hòa	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
323	Nguyễn Thị Thanh Hoa	18/07/1979	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Đồng Hòa	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
324	Nguyễn Văn Hiếu	24/07/1966		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Đồng Hòa	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
325	Phạm Thị Yến Ngọc	14/05/1969	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Đồng Hòa	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
326	Phan Thị Lệ Thương	29/09/1980	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Đồng Hòa	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
327	Trà Thị Kiều	04/08/1991	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Đồng Hòa	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
328	Trần Thị Kim Hương	19/06/1981	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Đồng Hòa	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
329	Trương Thị Minh Hiền	12/12/1981	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Đồng Hòa	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
330	Võ Thị Hận	28/09/1980	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Đồng Hòa	-	Giáo viên tiểu học hạng III		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
331	Võ Thị Kim Anh	02/11/1989	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Đồng Hòa	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
332	Nguyễn Văn Đức	29/09/1961		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Hòa Hiệp	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
333	Võ Trần Thanh Thảo	03/01/1977	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Hòa Hiệp	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
334	Lê Thanh Phúc	02/07/1986		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Hòa Hiệp	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
335	Nguyễn Thị Út	25/09/1990	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Hòa Hiệp	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
336	Dương Thị Kim Liên	04/09/1973	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Hòa Hiệp	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
337	Dương Xuân Thông	03/07/1974		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	TPT Đội	Trường Tiểu học Hòa Hiệp	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
338	Hà Thị Kim Nhất	21/11/1980	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Hòa Hiệp	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
339	Hồ Thị Bích Kiều	12/06/1972	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Hòa Hiệp	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
340	Huỳnh Thị Thúy Phượng	18/09/1972	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Hòa Hiệp	-	Giáo viên tiểu học hạng III		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
341	Nguyễn Mộng Thu	01/03/1988	x	Kế toán viên trung cấp	06.032	Kế toán	Trường Tiểu học Hòa Hiệp	-	Chứng chỉ kế toán viên trung cấp		
342	Nguyễn Thanh Bình	18/02/1988		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Hòa Hiệp	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
343	Nguyễn Thị Hồng Hương	04/08/1964	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Hòa Hiệp	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
344	Nguyễn Văn Lâm	01/07/1978		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Hòa Hiệp	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
345	Phan Thị Dành	17/03/1983	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Hòa Hiệp	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
346	Trần Anh Tuấn	08/09/1962		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Hòa Hiệp	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
347	Trương Hồ Dân Ca	23/03/1987	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Hòa Hiệp	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
348	Võ Thị Thúy Nga	19/05/1969	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Hòa Hiệp	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
349	Nguyễn Thị Hồng Thu	01/06/1973	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Long Thạnh	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
350	Đặng Thị Kim Thu	20/08/1970	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Long Thạnh	-	Giáo viên tiểu học hạng III		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
351	Đặng Thị Phụng	06/04/1969	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Long Thạnh	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
352	Đỗ Hữu Phước	06/10/1966		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Long Thạnh	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
353	Hồ Thị Xi	08/03/1966	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Long Thạnh	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
354	Lâm Thị Bích Liễu	14/08/1973	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Long Thạnh	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
355	Lê Thị Kim Châu	23/09/1973	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Long Thạnh	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
356	Lương Thị Mai Loan	26/03/1977	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Long Thạnh	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
357	Ngô Thị Tâm	16/01/1982	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Long Thạnh	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
358	Ngô Thị Xen	06/02/1981	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Long Thạnh	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
359	Nguyễn Duy Hưng	09/02/1977		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	TPT Đội	Trường Tiểu học Long Thạnh	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
360	Nguyễn Thị Kim Tâm	09/01/1972	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Long Thạnh	-	Giáo viên tiểu học hạng II		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
361	Nguyễn Thị Thanh Thủy	22/02/1976	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Long Thạnh	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
362	Nguyễn Văn Chí	26/03/1970		Kế toán viên trung cấp	06.032	Kế toán	Trường Tiểu học Long Thạnh	-	Chứng chỉ kế toán viên trung cấp		
363	Nguyễn Văn Út	30/01/1971		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Long Thạnh	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
364	Phạm Hoàng Giang	07/02/1976		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Long Thạnh	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
365	Thạch Thị Kim Anh	17/06/1993	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Long Thạnh	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
366	Đinh Văn Thao	20/12/1972		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Lý Nhơn	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
367	Nguyễn Văn Thừa	12/12/1975		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Lý Nhơn	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
368	Dương Thị Thùy Trang	12/10/1967	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Lý Nhơn	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
369	Huỳnh Thị Hằng	14/04/1977	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Lý Nhơn	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
370	Lê Hòa	11/04/1971		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Lý Nhơn	-	Giáo viên tiểu học hạng II		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
371	Lê Thị Trúc Mai	10/09/1985	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	TPT Đội	Trường Tiểu học Lý Nhơn	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
372	Lê Văn Sự	19/10/1972		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Lý Nhơn	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
373	Nguyễn Thị Kim Về	07/08/1970	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Lý Nhơn	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
374	Nguyễn Thị Thu Loan	09/09/1987	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Lý Nhơn	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
375	Nguyễn Thị Tiếp	02/05/1970	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Lý Nhơn	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
376	Nguyễn Văn Sang	30/07/1969		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Lý Nhơn	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
377	Nguyễn Văn Tâm	01/05/1972		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Lý Nhơn	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
378	Phạm Hữu Thành	26/06/1985		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Lý Nhơn	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
379	Phạm Thị Ngọc Thu	10/05/1970	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Lý Nhơn	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
380	Phạm Thị Thanh Trang	30/11/1972	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Lý Nhơn	-	Giáo viên tiểu học hạng III		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
381	Phan Thị Thanh Trang	09/09/1977	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Lý Nhơn	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
382	Bùi Quốc Thanh	31/12/1972		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Tam Thôn Hiệp	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
383	Đặng Thanh Hóa	13/04/1987		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Tam Thôn Hiệp	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
384	Đinh Thị Hồng Phước	01/12/1971	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Tam Thôn Hiệp	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
385	Đinh Thị Thu Hương	01/10/1969	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Tam Thôn Hiệp	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
386	Đinh Thị Trà My	27/09/1991	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Tam Thôn Hiệp	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
387	Hoàng Hữu Chí	18/11/1969		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Tam Thôn Hiệp	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
388	Hồng Thanh Trung	23/11/1977		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Khánh	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
389	Lê Thị Điền	05/10/1973	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Tam Thôn Hiệp	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
390	Nguyễn Văn Toàn	25/04/1970		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Tam Thôn Hiệp	-	Giáo viên tiểu học hạng II		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
391	Huỳnh Thị Hà	01/07/1975	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Tam Thôn Hiệp	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
392	Lê Mai Mộng Mơ	04/04/1975	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Tam Thôn Hiệp	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
393	Lê Thị Thanh Nga	02/04/1989	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Tam Thôn Hiệp	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
394	Nguyễn Hoàng Lâm	25/11/1968		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Tam Thôn Hiệp	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
395	Nguyễn Hữu Lợi	26/08/1968		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Tam Thôn Hiệp	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
396	Nguyễn Thị Bé Diệp	06/10/1985	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Tam Thôn Hiệp	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
397	Nguyễn Thị Hiền	03/07/1985	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Tam Thôn Hiệp	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
398	Nguyễn Thị Thùy Trang	18/11/1974	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Tam Thôn Hiệp	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
399	Nguyễn Thị Tố Quyên	01/03/1966	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Tam Thôn Hiệp	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
400	Nguyễn Văn Hiệp	13/02/1974		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Tam Thôn Hiệp	-	Giáo viên tiểu học hạng II		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
401	Trần Thanh Bình	26/07/1974		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Tam Thôn Hiệp	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
402	Trần Thị Hồng Mỹ	12/10/1985	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Tam Thôn Hiệp	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
403	Trần Thị Kim Phương	15/04/1980	x	Kế toán viên trung cấp	06.032	Kế toán	Trường Tiểu học Tam Thôn Hiệp	-	Chứng chỉ kế toán viên trung cấp		
404	Trần Văn Tròn	25/09/1974		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Tam Thôn Hiệp	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
405	Vũ Thị Kim Khuê	18/07/1969	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Tam Thôn Hiệp	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
406	Đinh Thị Liễu	14/04/1987	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Thạnh An	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
407	Đinh Thị Huyền Mơ	14/08/1990	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Thạnh An	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
408	Lâm Sơn Hồ	15/10/1962		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Thạnh An	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
409	Lê Thị Hồng Linh	19/05/1993	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Thạnh An	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
410	Lê Văn Phụng	01/07/1973		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Thạnh An	-	Giáo viên tiểu học hạng II		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
411	Nguyễn Lâm Thế Bảo	14/01/1992		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Thạnh An	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
412	Nguyễn Thanh Trí	01/01/1988		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Thạnh An	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
413	Nguyễn Thị Bạch Liên	28/08/1987	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Thạnh An	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
414	Nguyễn Thị Thanh Thủy	22/09/1991	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Thạnh An	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
415	Lê Ngọc Thanh	10/10/1975		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Vàm Sát	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
416	Nguyễn Văn Hoàng	13/09/1976		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Vàm Sát	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
417	Đặng Thị Ngọc Kiều	01/10/1984	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Vàm Sát	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
418	Lê Thanh Thúy	03/07/1983	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Vàm Sát	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
419	Nguyễn Lưu Truyền	02/04/1972	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Vàm Sát	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
420	Nguyễn Thị Lên	07/09/1977	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Vàm Sát	-	Giáo viên tiểu học hạng II		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
421	Nguyễn Thị Ngọc Uyên	21/02/1993	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Vàm Sát	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
422	Nguyễn Thị Thanh Lan	31/05/1972	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Vàm Sát	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
423	Nguyễn Thị Thêu	25/11/1985	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Vàm Sát	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
424	Nguyễn Thị Tuyết Nga	10/09/1984	x	Kế toán viên trung cấp	06.032	Kế toán	Trường Tiểu học Vàm Sát	-	Chứng chỉ kế toán viên trung cấp		
425	Phạm Thị Sanh	24/10/1971	x	Cán sự	01.004	Thư viện	Trường Tiểu học Vàm Sát	-	QLNN ngạch Cán sự		
426	Trần Ngọc Tuấn	04/08/1991		Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Vàm Sát	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
427	Trịnh Thị Hằng	20/09/1989	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	TPT Đội	Trường Tiểu học Vàm Sát	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
428	Võ Thị Ngọc Hiền	07/08/1970	x	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường Tiểu học Vàm Sát	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
429	Võ Thị Thanh Tuyền	18/01/1978	x	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.08	Giáo viên	Trường Tiểu học Vàm Sát	-	Giáo viên tiểu học hạng III		
430	Huỳnh Thị Tú Sương	14/04/1984	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS An Thới Đông	-	Giáo viên THCS hạng II		
431	Lê Thị Hồng	21/07/1982	x	Chuyên viên	01.003	Thí nghiệm	Trường THCS An Thới Đông	-	QLNN ngạch CV		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
432	Lê Thị Ngọc Yến	29/05/1966	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS An Thới Đông	-	Giáo viên THCS hạng II		
433	Ngô Văn Thành	16/03/1973		Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS An Thới Đông	-	Giáo viên THCS hạng II		
434	Nguyễn Ngọc Nhân	11/12/1975		Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS An Thới Đông	-	Giáo viên THCS hạng II		
435	Nguyễn Thành Trung	24/12/1977		Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS An Thới Đông	-	Giáo viên THCS hạng II		
436	Nguyễn Thị Đình	23/09/1972	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS An Thới Đông	-	Giáo viên THCS hạng II		
437	Nguyễn Thị Kim Oanh	08/05/1979	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS An Thới Đông	-	Giáo viên THCS hạng II		
438	Nguyễn Thị Kim Phụng	30/03/1982	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS An Thới Đông	-	Giáo viên THCS hạng II		
439	Nguyễn Thị Kim Thuê	28/01/1979	x	Giáo viên THCS hạng II	15a.201	Giáo viên	Trường THCS An Thới Đông	-	Giáo viên THCS hạng II		
440	Nguyễn Thị Kim Trang	11/12/1983	x	Giáo viên THCS hạng II	15a.201	Giáo viên	Trường THCS An Thới Đông	-	Giáo viên THCS hạng II		
441	Nguyễn Thị Tốt	10/03/1976	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS An Thới Đông	-	Giáo viên THCS hạng II		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
442	Nguyễn Thị Trang	10/07/1977	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS An Thới Đông	-	Giáo viên THCS hạng II		
443	Phạm Văn Thuận	13/04/1973		Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS An Thới Đông	-	Giáo viên THCS hạng II		
444	Phan Thị Kim Hường	01/07/1982	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS An Thới Đông	-	Giáo viên THCS hạng II		
445	Trần Thanh Lợi	20/04/1982		Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS An Thới Đông	-	Giáo viên THCS hạng II		
446	Trần Thanh Phong	18/03/1977		Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS An Thới Đông	-	Giáo viên THCS hạng II		
447	Trần Thanh Vũ	29/11/1973		Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS An Thới Đông	-	Giáo viên THCS hạng II		
448	Trần Thị Bích Nga	25/08/1966	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS An Thới Đông	-	Giáo viên THCS hạng II		
449	Trần Thị Lầy	03/10/1969	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS An Thới Đông	-	Giáo viên THCS hạng II		
450	Trần Thị Ngọc Nga	27/12/1983	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS An Thới Đông	-	Giáo viên THCS hạng II		
451	Bùi Thị Hồng Hoa	11/05/1969	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Bình Khánh	-	Giáo viên THCS hạng II		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
452	Bùi Thị Nga	12/11/1970	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Bình Khánh	-	Giáo viên THCS hạng II		
453	Châu Bích Loan	27/01/1976	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Bình Khánh	-	Giáo viên THCS hạng II		
454	Châu Bích Vân	12/08/1970	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Bình Khánh	-	Giáo viên THCS hạng II		
455	Hồ Thanh Hùng	16/03/1978		Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Bình Khánh	-	Giáo viên THCS hạng II		
456	Hồ Thành Kiệt	12/08/1970		Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Bình Khánh	-	Giáo viên THCS hạng II		
457	Hồ Thị Ngọc Tuyền	01/12/1980	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Bình Khánh	-	Giáo viên THCS hạng II		
458	Huỳnh Quốc Bảo	12/03/1975		Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Bình Khánh	-	Giáo viên THCS hạng II		
459	Lê Nhật Trung	15/10/1982		Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Bình Khánh	-	Giáo viên THCS hạng II		
460	Lê Quốc Việt	16/10/1977		Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Bình Khánh	-	Giáo viên THCS hạng II		
461	Lê Thị Bích Tuyền	06/06/1977	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Bình Khánh	-	Giáo viên THCS hạng II		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
462	Lê Thị Mười	18/11/1969	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Bình Khánh	-	Giáo viên THCS hạng II		
463	Lê Thị Mỹ Dung	20/04/1975	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Bình Khánh	-	Giáo viên THCS hạng II		
464	Lê Thị Phương Loan	01/11/1978	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Bình Khánh	-	Giáo viên THCS hạng II		
465	Lương Thị Hoài Thu	05/08/1980	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Bình Khánh	-	Giáo viên THCS hạng II		
466	Nguyễn Anh Tiếp	09/09/1975		Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Bình Khánh	-	Giáo viên THCS hạng II		
467	Nguyễn Thanh Quốc	06/02/1986		Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Bình Khánh	-	Giáo viên THCS hạng II		
468	Nguyễn Thị Bích Vân	05/06/1983	x	Kế toán viên cao đẳng	06a.031	Kế toán	Trường THCS Bình Khánh	-	Chứng chỉ Kế toán viên		
469	Nguyễn Thị Hoàng Ngân	14/04/1975	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Bình Khánh	-	Giáo viên THCS hạng II		
470	Nguyễn Thị Huệ	23/08/1977	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Bình Khánh	-	Giáo viên THCS hạng II		
471	Nguyễn Thị Khen	31/08/1977	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Bình Khánh	-	Giáo viên THCS hạng II		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
472	Nguyễn Thị Kiều Trang	20/06/1975	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Bình Khánh	-	Giáo viên THCS hạng II		
473	Nguyễn Thị Ngọc Hương	14/01/1978	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Bình Khánh	-	Giáo viên THCS hạng II		
474	Nguyễn Thị Nhân	26/03/1979	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Bình Khánh	-	Giáo viên THCS hạng II		
475	Nguyễn Thị Thanh Loan	03/04/1980	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Bình Khánh	-	Giáo viên THCS hạng II		
476	Nguyễn Thị Thanh Xuân	06/11/1977	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Bình Khánh	-	Giáo viên THCS hạng II		
477	Nguyễn Thị Thúy Vân	12/05/1984	x	Văn thư trung cấp	02.008	Văn thư	Trường THCS Bình Khánh	-	Chứng chỉ Văn thư trung cấp		
478	Nguyễn Thị Tiền	13/07/1978	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Bình Khánh	-	Giáo viên THCS hạng II		
479	Phạm Quang Tường	11/04/1974		Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Bình Khánh	-	Giáo viên THCS hạng II		
480	Phạm Thị Huy Ái	20/04/1984	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Bình Khánh	-	Giáo viên THCS hạng II		
481	Phạm Thị Thảo	30/12/1978	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Bình Khánh	-	Giáo viên THCS hạng II		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
482	Phạm Thị Thùy Dương	02/08/1978	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Bình Khánh	-	Giáo viên THCS hạng II		
483	Trần Ngọc Hà	30/06/1977		Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Bình Khánh	-	Giáo viên THCS hạng II		
484	Trần Thị Hà	12/03/1974	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Bình Khánh	-	Giáo viên THCS hạng II		
485	Trần Thị Thu Nga	22/02/1968	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Bình Khánh	-	Giáo viên THCS hạng II		
486	Trần Thị Trúc Mai	04/07/1977	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Bình Khánh	-	Giáo viên THCS hạng II		
487	Trần Thị Tuyết Phượng	23/06/1973	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Bình Khánh	-	Giáo viên THCS hạng II		
488	Võ Thị Ngọc Lan	23/12/1977	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Bình Khánh	-	Giáo viên THCS hạng II		
489	Võ Thị Thanh Vân	03/03/1979	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Bình Khánh	-	Giáo viên THCS hạng II		
490	Võ Thị Thanh Vân	15/08/1984	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Bình Khánh	-	Giáo viên THCS hạng II		
491	Trần Thị Thanh Nga	06/09/1985	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Bình Khánh	-	Giáo viên THCS hạng II		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
492	Bùi Thị Mỹ Hoàng	10/11/1977	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Cần Thạnh	-	Giáo viên THCS hạng II		
493	Cao Kim Trung	10/10/1978		Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Cần Thạnh	-	Giáo viên THCS hạng II		
494	Châu Thị Thanh Xuân	11/01/1986	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Cần Thạnh	-	Giáo viên THCS hạng II		
495	Dương Thị Thanh Thảo	11/07/1984	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Cần Thạnh	-	Giáo viên THCS hạng II		
496	Hồ Thị Mai Trang	28/10/1969	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Cần Thạnh	-	Giáo viên THCS hạng II		
497	Hồ Thị Thúy Hằng	20/10/1983	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Cần Thạnh	-	Giáo viên THCS hạng II		
498	Kiều Đình Đức	25/06/1979		Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	TPT Đội	Trường THCS Cần Thạnh	-	Giáo viên THCS hạng II		
499	Lâm Thị Bích Lệ	07/09/1968	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Cần Thạnh	-	Giáo viên THCS hạng II		
500	Nguyễn Hoàng Danh Ngôn	21/08/1984		Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Cần Thạnh	-	Giáo viên THCS hạng II		
501	Nguyễn Hoàng Minh	10/07/1975		Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Cần Thạnh	-	Giáo viên THCS hạng II		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
502	Nguyễn Khoa Chi	06/11/1975	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Cần Thạnh	-	Giáo viên THCS hạng II		
503	Nguyễn Phúc Lợi	01/02/1967		Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Cần Thạnh	-	Giáo viên THCS hạng II		
504	Nguyễn Thanh Thảo	21/01/1975	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Cần Thạnh	-	Giáo viên THCS hạng II		
505	Nguyễn Thị Bạch Lan	15/02/1971	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Cần Thạnh	-	Giáo viên THCS hạng II		
506	Nguyễn Thị Chính	23/07/1965	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Cần Thạnh	-	Giáo viên THCS hạng II		
507	Nguyễn Thị Kim Hoàng	02/04/1975	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Cần Thạnh	-	Giáo viên THCS hạng II		
508	Nguyễn Thị Kim Phượng	01/06/1975	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Cần Thạnh	-	Giáo viên THCS hạng II		
509	Nguyễn Thị Kim Trinh	25/06/1979	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Cần Thạnh	-	Giáo viên THCS hạng II		
510	Nguyễn Thị Lan	06/11/1978	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Cần Thạnh	-	Giáo viên THCS hạng II		
511	Nguyễn Thị Phượng	10/06/1977	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Cần Thạnh	-	Giáo viên THCS hạng II		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
512	Huỳnh Thị Kim Loan	17/12/1968	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Hiệu trưởng	Trường THCS Cần Thạnh	-	Giáo viên THCS hạng II		
513	Võ Thị Hồng Hải	04/10/1972	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Phó Hiệu trưởng	Trường THCS Cần Thạnh	-	Giáo viên THCS hạng II		
514	Nguyễn Thị Tiểu Hà	24/10/1978	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Cần Thạnh	-	Giáo viên THCS hạng II		
515	Nguyễn Trọng Tâm	20/07/1981		Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Cần Thạnh	-	Giáo viên THCS hạng II		
516	Nguyễn Vũ Khắc Khôi	12/11/1975		Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Cần Thạnh	-	Giáo viên THCS hạng II		
517	Phạm Thị Duyên	10/10/1985	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Cần Thạnh	-	Giáo viên THCS hạng II		
518	Phạm Thị Thanh	22/01/1981	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Cần Thạnh	-	Giáo viên THCS hạng II		
519	Trần Tấn Hùng	17/12/1979		Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Cần Thạnh	-	Giáo viên THCS hạng II		
520	Trương Thị Kim Chi	15/06/1982	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Cần Thạnh	-	Giáo viên THCS hạng II		
521	Hồ Thị Thanh Phước	02/07/1982	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Cần Thạnh	-	Giáo viên THCS hạng II		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
522	Nguyễn Thị Thanh Thảo	10/09/1982	x	Giáo viên THCS hạng II	15a.201	Giáo viên	Trường THCS Cần Thạnh	-	Giáo viên THCS hạng II		
523	Bùi Thị Kim Thoa	07/03/1982	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Dơi Lầu	-	Giáo viên THCS hạng II		
524	Lê Thị Ngọc Hương	26/08/1990	x	Cán sự	01.004	Thí nghiệm	Trường THCS Dơi Lầu	-	QLNN ngạch Cán sự		
525	Phạm Thị Châu Thanh	21/10/1980	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Dơi Lầu	-	Giáo viên THCS hạng II		
526	Phạm Thị Kim Lài	23/04/1983	x	Kế toán viên trung cấp	06.032	Kế toán	Trường THCS Dơi Lầu	-	Chứng chỉ kế toán viên trung cấp		
527	Phạm Thị Thanh Diễm	24/08/1981	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Dơi Lầu	-	Giáo viên THCS hạng II		
528	Võ Văn Mười	10/02/1970		Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Phó Hiệu trưởng	Trường THCS Dơi Lầu	-	Giáo viên THCS hạng II		
529	Võ Minh Luân	24/08/1984		Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.07	Giáo viên	Trường THCS Dơi Lầu	-	Giáo viên tiểu học hạng II		
530	Bùi Thanh Phong	20/07/1975		Giáo viên trung học cơ sở hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Long Hòa	-	Giáo viên THCS hạng II		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
531	Đoàn Thị Thu Hồng	16/10/1978	x	Giáo viên trung học cơ sở hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Long Hòa	-	Giáo viên THCS hạng II		
532	Hồ Thị Kim Học	25/06/1978	x	Giáo viên trung học cơ sở hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Long Hòa	-	Giáo viên THCS hạng II		
533	Huỳnh Chúc Mai	03/02/1979	x	Giáo viên trung học cơ sở hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Long Hòa	-	Giáo viên THCS hạng II		
534	Nguyễn Thị Thanh Nguyệt	24/12/1974	x	Giáo viên trung học cơ sở hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Long Hòa	-	Giáo viên THCS hạng II		
535	Phạm Kim Nhu	28/06/1980	x	Giáo viên trung học cơ sở hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Long Hòa	-	Giáo viên THCS hạng II		
536	Quách Hữu Ngọc	06/11/1977		Giáo viên trung học cơ sở hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Long Hòa	-	Giáo viên THCS hạng II		
537	Bùi Thị Kim Lan	22/01/1986	x	Kế toán viên trung cấp	06.032	Kế toán	Trường THCS Lý Nhơn	-	Chứng chỉ kế toán viên trung cấp		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
538	Châu Thái Phúc	17/08/1976		Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Lý Nhơn	-	Giáo viên THCS hạng II		
539	Đinh Minh Chí	30/08/1975		Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Lý Nhơn	-	Giáo viên THCS hạng II		
540	Dương Hoài Bảo	04/06/1981		Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	TPT Đội	Trường THCS Lý Nhơn	-	Giáo viên THCS hạng II		
541	Nguyễn Thiên Lăng	07/11/1978		Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Hiệu trưởng	Trường THCS Lý Nhơn	-	Giáo viên THCS hạng II		
542	Phạm Văn Công	12/07/1969		Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Phó Hiệu trưởng	Trường THCS Lý Nhơn	-	Giáo viên THCS hạng II		
543	Dương Thị Hoài Hương	10/11/1983	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Lý Nhơn	-	Giáo viên THCS hạng II		
544	Huỳnh Thới Sơn	02/10/1969		Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Lý Nhơn	-	Giáo viên THCS hạng II		
545	Lê Cao Bá Chiến	28/05/1988		Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Lý Nhơn	-	Giáo viên THCS hạng II		
546	Lê Ngọc Điểm	02/05/1981	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Lý Nhơn	-	Giáo viên THCS hạng II		
547	Lê Thị Kim Duyên	07/03/1979	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Lý Nhơn	-	Giáo viên THCS hạng II		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
548	Mai Thị Thanh Hương	14/12/1971	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Lý Nhơn	-	Giáo viên THCS hạng II		
549	Nguyễn Thị An	09/11/1970	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Lý Nhơn	-	Giáo viên THCS hạng II		
550	Nguyễn Thị Hồng Tươi	08/05/1984	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Lý Nhơn	-	Giáo viên THCS hạng II		
551	Nguyễn Thị Kim Yến	11/04/1980	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Lý Nhơn	-	Giáo viên THCS hạng II		
552	Nguyễn Thị Ngọc Hân	31/10/1984	x	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Lý Nhơn	-	Giáo viên THCS hạng II		
553	Nguyễn Văn Bảo	20/10/1983		Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Lý Nhơn	-	Giáo viên THCS hạng II		
554	Trần Đức Lâm	15/08/1978		Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Lý Nhơn	-	Giáo viên THCS hạng II		
555	Trần Minh Đăng	20/08/1971		Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	Giáo viên	Trường THCS Lý Nhơn	-	Giáo viên THCS hạng II		
556	Nguyễn Văn Mỹ	15/04/1968		Cán sự	01.004	Văn thư	Trường THCS Tam Thôn Hiệp	-	QLNN ngạch Cán sự		
557	Vũ Thị Hòa	11/01/1990	x	Cán sự	01.004	Thí nghiệm	Trường THCS Tam Thôn Hiệp	-	QLNN ngạch Cán sự		
558	Huỳnh Thị Ngọc Yến	26/05/1987	x	Chuyên viên	01.003	Chuyên viên	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	QLNN ngạch CV		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
559	Nguyễn Thị Ngọc Yến	10/09/1980	x	Kế toán viên	06.031	Kế toán viên	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ Kế toán viên		
560	Võ Thị Tuyết Anh	18/05/1985	x	Kế toán viên trung cấp	06.032	Kế toán viên trung cấp	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ kế toán viên trung cấp		
561	Đoàn Thị Gái Em	11/11/1984	x	Kế toán viên trung cấp	06.032	Kế toán viên trung cấp	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ kế toán viên trung cấp		
562	Nguyễn Thị Thu Hồng	29/05/1974	x	Kế toán viên trung cấp	06.032	Kế toán viên trung cấp	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ kế toán viên trung cấp		
563	Nguyễn Thanh Tuyền	23/06/1987	x	Kế toán viên trung cấp	06.032	Kế toán viên trung cấp	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ kế toán viên trung cấp		
564	Nguyễn Thị Hồng Thu	08/09/1989	x	Kế toán viên cao đẳng	06a.031	Kế toán viên cao đẳng	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ Kế toán viên		
565	Phạm Thị Mỹ Chi	20/12/1985	x	Cán sự	01.004	Phó Trưởng phòng	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	QLNN ngạch Cán sự		
566	Nguyễn Thị Ngọc Tuyền	01/11/1981	x	Kế toán viên trung cấp	06.032	Trưởng phòng	Bệnh viện - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ kế toán viên trung cấp		
567	Trần Nguyễn Như Mai	28/10/1984	x	Kế toán viên cao đẳng	06a.031	Trưởng phòng	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ Kế toán viên		
568	Nguyễn Minh Việt	21/12/1984		Kỹ sư hạng III	V.05.02.07	Trưởng khoa	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ Kỹ sư (hạng III)		
569	Lê Kim Hằng	19/11/1980	x	Kế toán viên	06.031	Kế toán viên	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ Kế toán viên		
570	Nguyễn Thị Thanh	23/10/1990	x	Kế toán viên cao đẳng	06a.031	Kế toán viên cao đẳng	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ Kế toán viên		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
571	Huỳnh Thị Hồng Duyên	26/04/1985	x	Kế toán viên trung cấp	06.032	Kế toán viên trung cấp	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ kế toán viên trung cấp		
572	Võ Thị Thu Lan	19/07/1990	x	Chuyên viên	01.003	Chuyên viên	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	QLNN ngạch CV		
573	Ngô Thị Minh Huệ	29/09/1971	x	Văn thư trung cấp	02.008	Văn thư trung cấp	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	Chứng chỉ Văn thư trung cấp		
574	Nguyễn Hoàng Huy	10/12/1990		Cán sự	01.004	Cán sự	Trung tâm Y tế - Huyện Cần Giờ	-	QLNN ngạch Cán sự		
575	Nguyễn Thanh Thảo	31/03/1982	x	HDV văn hóa hạng III	V.10.07.23	Phó Giám đốc	Trung tâm Văn hóa	-	HDV Văn hóa hạng III		
576	Trần Quốc Dũng	19/09/1982	0	HDV văn hóa hạng III	V.10.07.23	Tổ phó	Trung tâm Văn hóa	-	Chứng chỉ HDV văn hóa hạng III		
577	Phạm Thị Kim Trang	07/11/1977	1	HDV văn hóa hạng III	V.10.07.23	Chuyên trách	Trung tâm Văn hóa	-	Chứng chỉ HDV văn hóa hạng III		
578	Nguyễn Văn Đại Lâm	17/02/1962	0	HDV văn hóa hạng III	V.10.07.23	Chủ nhiệm	Trung tâm Văn hóa	Trung cấp quản lý nhà nước	Chứng chỉ HDV văn hóa hạng III		
579	Nguyễn Bảo Ngọc Trung	18/02/1987	0	HDV văn hóa hạng III	V.10.07.23	Chuyên trách	Trung tâm Văn hóa	-	Chứng chỉ HDV văn hóa hạng III		
580	Nguyễn Thanh Dũng	18/11/1985		HLV hạng III	V.10.01.03	Chuyên trách	Trung tâm Văn hóa	-	Chứng chỉ HLV hạng III		
581	Bùi Ngọc Tùng	05/02/1984	0	HDV văn hóa hạng III	V.10.07.23	Chuyên trách	Trung tâm Văn hóa	-	Chứng chỉ HDV văn hóa hạng III		
582	Trần Thanh Tuấn	22/09/1977	0	HDV văn hóa hạng III	V.10.07.23	Chuyên trách	Trung tâm Văn hóa	-	Chứng chỉ HDV văn hóa hạng III		
583	Võ Hoàng Hiệp	18/03/1987	0	HDV văn hóa hạng III	V.10.07.23	Chủ nhiệm	Trung tâm Văn hóa	-	Chứng chỉ HDV văn hóa hạng III		
584	Trương Thị Mỹ Dung	19/11/1991	1	HDV văn hóa hạng III	V.10.07.23	Chuyên trách	Trung tâm Văn hóa	-	Chứng chỉ HDV văn hóa hạng III		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
585	Phan Thị Út Chót	05/03/1980	1	Chuyên viên	01.003	Chuyên trách	Trung tâm Văn hóa	-	QLNN ngạch CV		
586	Phạm Hồng Tuấn	17/05/1981		Chuyên viên	01.003	Phó Giám đốc	Trung tâm Văn hóa	-	QLNN ngạch CV		
587	Đoàn Hòa Bình	30/04/1975		HLV hạng III	V.10.01.03	Giám đốc	Trung tâm Thể dục Thể thao	-	HLV hạng III		
588	Nguyễn Mạnh Hùng	01/08/1966		HLV hạng III	V.10.01.03	Phó Giám đốc	Trung tâm Thể dục Thể thao	Trung cấp quản lý nhà nước	HLV hạng III		
589	Nguyễn Thanh Lai	07/03/1976		HLV hạng III	V.10.01.03	Phó Giám đốc	Trung tâm Thể dục Thể thao	-	HLV hạng III		
590	Võ Thanh Hùng	26/10/1975		HLV hạng III	V.10.01.03	Trưởng bộ môn Bì sắt	Trung tâm Thể dục Thể thao	-	Chứng chỉ HLV hạng III		
591	Nguyễn Hoàng Anh Vũ	11/05/1980		HLV hạng III	V.10.01.03	Trưởng bộ môn Bóng đá	Trung tâm Thể dục Thể thao	-	Chứng chỉ HLV hạng III		
592	Nguyễn Hoàng Sang	26/03/1982		HLV hạng III	V.10.01.03	Trưởng bộ môn Bóng chuyền	Trung tâm Thể dục Thể thao	-	Chứng chỉ HLV hạng III		
593	Đoàn Văn Giàu	20/04/1990		HLV hạng III	V.10.01.03	Phụ trách bộ môn Điền kinh	Trung tâm Thể dục Thể thao	-	Chứng chỉ HLV hạng III		
594	Trần Văn Hạnh	02/11/1985		HLV hạng III	V.10.01.03	Phụ trách bộ môn Điền kinh, Việt dã, Kéo co	Trung tâm Thể dục Thể thao	-	Chứng chỉ HLV hạng III		
595	Lương Thị Hồng Nga	21/04/1981	1	Phóng viên hạng III	V.11.02.06	Phóng viên	Đài Truyền thanh	-	Chứng chỉ Phóng viên hạng III		
596	Nguyễn Thị Kim Linh	04/05/1983	1	Cán sự	01.004	Phóng viên	Đài Truyền thanh	-	QLNN ngạch Cán sự		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
597	Nguyễn Thị Thanh Tâm	17/01/1986	1	Cán sự	01.004	Phóng viên TC	Đài Truyền thanh	-	QLNN ngạch Cán sự		
598	Nguyễn Thị Ngọc Linh	07/11/1988	1	Kế toán viên cao đẳng	06a.031	Kế toán	Đài Truyền thanh	-	Chứng chỉ Kế toán viên		
599	Ngô Thị Thùy Linh	08/10/1988	1	Văn thư trung cấp	02.008	Văn thư	Đài Truyền thanh	Bồi dưỡng QLNN ngạch cán sự	Chứng chỉ Văn thư trung cấp		
600	Nguyễn Thị Minh Châu	04/11/1980	1	Phóng viên hạng III	V.11.02.06	Phóng viên	Đài truyền thanh	Bồi dưỡng QLNN ngạch chuyên viên	Chứng chỉ Phóng viên hạng III		
601	Nguyễn Bích Lan	18/08/1967	x	Biên tập viên hạng III	V.11.01.03	Trưởng đài	Đài Truyền thanh	Trung cấp quản lý nhà nước	Chứng chỉ Biên tập viên hạng III		
602	Trần Thanh Hùng	31/07/1984	0	Cán sự	01.004	Cán sự	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	-	QLNN ngạch Cán sự		
603	Nguyễn Văn Thủy	05/04/1989	0	Chuyên viên	01.003	Chuyên viên	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	-	QLNN ngạch CV		
604	Huỳnh Kim Tựu	15/09/1991	0	Kiểm lâm viên	10.226	Nhân viên	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	-	Chứng chỉ Kiểm lâm viên		
605	Nguyễn Phương Trinh	18/02/1988	1	Kế toán viên trung cấp	06.032	Kế toán	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	-	Chứng chỉ kế toán viên trung cấp		
606	Lê Thị Kim Liên	03/04/1989	1	Kế toán viên trung cấp	06.032	Kế toán	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	-	Chứng chỉ kế toán viên trung cấp		
607	Nguyễn Công Bách	25/05/1990	0	Kế toán viên	06.031	Kế toán	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	-	Chứng chỉ Kế toán viên		
608	Bùi Nguyễn Gấm	14/04/1993	1	Kế toán viên cao đẳng	06a.031	Kế toán	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	-	Chứng chỉ Kế toán viên		
609	Đậu Thị Tuyết Mai	06/09/1988	1	Chuyên viên	01.003	Nhân viên	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	-	QLNN ngạch CV		
610	Lê Quốc Trí	19/05/1989	0	Chuyên viên	01.003	Chuyên viên	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	-	QLNN ngạch CV		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
611	Cao Thị An Trinh	19/06/1989	1	Kiểm lâm viên	10.226	Kiểm lâm viên	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	-	Chứng chỉ Kiểm lâm viên		
612	Đặng Ngọc Hiệp	28/11/1993	1	KLV trung cấp	V.03.01.02	Bảo vệ viên Bảo vệ thực vật	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	-	Chứng chỉ KLV trung cấp		
613	Trần Thị Kim Hoa	20/11/1990	1	Kiểm lâm viên	10.226	Kiểm lâm viên	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	-	Chứng chỉ Kiểm lâm viên		
614	Nguyễn Phạm Thuận	10/07/1969		Kiểm lâm viên	10.226	Trưởng phòng	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	-	Chứng chỉ Kiểm lâm viên		
615	Nguyễn Thu Hiền	24/04/1983	x	Kiểm lâm viên	10.226	Phó Trưởng phòng	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	-	Chứng chỉ Kiểm lâm viên		
616	Vũ Ngọc Tiến	13/04/1978		Chuyên viên	01.003	Trưởng phòng	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	-	QLNN ngạch CV		
617	Lê Quang Thái	21/10/1986		Kế toán viên trung cấp	06.032	Phó Trưởng phòng Kế toán trưởng	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	-	Chứng chỉ kế toán viên trung cấp		
618	Phan Văn Trung	10/06/1979		Kiểm lâm viên	10.226	Trưởng phòng	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	-	Chứng chỉ Kiểm lâm viên		
619	Bùi Nguyễn Thế Kiệt	27/09/1984		Kiểm lâm viên	10.226	Phó Trưởng phòng	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	-	Chứng chỉ Kiểm lâm viên		
620	Lê Đình Long	01/01/1977		Chuyên viên	01.003	Phó Trưởng phòng	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	-	QLNN ngạch CV		
621	Trần Trọng Hưng	15/11/1980		Chuyên viên	01.003	Phó Trưởng phòng	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	-	QLNN ngạch CV		
622	Phạm Văn Quy	06/07/1970		Kỹ sư	13.095	Đội trưởng	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	-	Chứng chỉ bồi dưỡng kỹ sư		
623	Đào Văn Cẩn	05/07/1985		Kiểm lâm viên	10.226	Phó Đội trưởng	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	-	Chứng chỉ Kiểm lâm viên		
624	Võ Thanh Hiền	21/02/1980		KLV trung cấp	10.228	Phó Đội trưởng kiêm Lái xe	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	-	Chứng chỉ KLV trung cấp		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
625	Nguyễn Mạnh Tân	17/08/1958		KLV trung cấp	10.228	Trưởng trạm	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	-	Chứng chỉ KLV trung cấp		
626	Trần Quốc Tuấn	07/12/1975		KLV trung cấp	10.228	Trưởng phân khu	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	-	Chứng chỉ KLV trung cấp		
627	Trần Văn Hồ	23/02/1974		KLV trung cấp	10.228	Phó Trưởng phân khu	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	-	Chứng chỉ KLV trung cấp		
628	Lê Văn San	01/07/1974		KLV trung cấp	10.228	Trưởng phân khu	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	-	Chứng chỉ KLV trung cấp		
629	Lê Văn Châu Út	18/05/1981		KLV trung cấp	10.228	Phó Trưởng phân khu	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	-	Chứng chỉ KLV trung cấp		
630	Bùi Thanh Đạo	12/05/1970		KLV trung cấp	10.228	Phó Trưởng phân khu	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	-	Chứng chỉ KLV trung cấp		
631	Phan Văn Tuấn	01/01/1972		Chuyên viên	01.003	Phó Trưởng phân khu	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	-	QLNN ngạch CV		
632	Trần Thanh Hùng	02/01/1975		Chuyên viên	01.003	Trưởng phân khu	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	-	QLNN ngạch CV		
633	Lê Minh Hải	05/02/1977		KLV trung cấp	10.228	Phó Trưởng Phân khu	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	-	Chứng chỉ KLV trung cấp		
634	Nguyễn Văn Sỹ	17/07/1970		KLV trung cấp	10.228	Phó Trưởng Phân khu	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	-	Chứng chỉ KLV trung cấp		
635	Vũ Đình Lưu	24/02/1963		KLV trung cấp	10.228	Phân khu trưởng	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	-	Chứng chỉ KLV trung cấp		
636	Nguyễn Đình Sơn	18/07/1968		KLV trung cấp	10.228	Phó Trưởng Phân khu	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	-	Chứng chỉ KLV trung cấp		
637	Nguyễn Đăng Tịnh	30/11/1964		KLV trung cấp	10.229	Phó Trưởng Phân khu	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	-	Chứng chỉ KLV trung cấp		
638	Bùi Hữu Nhân	15/08/1964		KLV trung cấp	10.229	Trưởng Phân khu	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	-	Chứng chỉ KLV trung cấp		
639	Nguyễn Thanh Hòa	25/05/1979		KLV trung cấp	10.229	Phó Trưởng Phân khu	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	-	Chứng chỉ KLV trung cấp		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
640	Đỗ Như Phước	04/06/1959	0	Chuyên viên	04.025	Chuyên viên	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	Trung cấp quản lý nhà nước	QLNN ngạch CV		
641	Phạm Thị Minh Trí	07/07/1982	1	Kỹ sư	13.095	Kỹ sư	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	-	Chứng chỉ bồi dưỡng kỹ sư		
642	Huỳnh Đức Hoàn	30/06/1977		Kiểm lâm viên	10.226	Phó Trưởng ban	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	-	Chứng chỉ Kiểm lâm viên		
643	Cao Huy Bình	23/02/1978		Kiểm lâm viên	10.226	Phó Trưởng ban	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	-	Chứng chỉ Kiểm lâm viên		
644	Phạm Hoàng Vũ	27/09/1974	0	KLV trung cấp	10.228	Nhân viên	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	-	Chứng chỉ KLV trung cấp		
645	Nguyễn Chí Nguyễn	10/10/1988	0	Chuyên viên	01.003	Nhân viên	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	-	QLNN ngạch CV		
646	Lê Đình Quy	02/01/1982	0	Chuẩn đoán viên	V.03.04.11	Nhân viên	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	-	Chứng chỉ chuẩn đoán viên bệnh động vật hạng III		
647	Nguyễn Hoàng Phi	01/04/1976	0	KLV trung cấp	10.228	Nhân viên	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	-	Chứng chỉ KLV trung cấp		
648	Ngô Tương Tự	15/10/1983	0	KLV trung cấp	10.228	Nhân viên	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	-	Chứng chỉ KLV trung cấp		
649	Trần Văn Hiếu	05/09/1970	0	KLV trung cấp	10.228	Bảo vệ rừng	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	-	Chứng chỉ KLV trung cấp		
650	Nguyễn Văn Tuấn	10/02/1990	0	KLV trung cấp	10.228	Bảo vệ rừng	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	-	Chứng chỉ KLV trung cấp		
651	Lê Văn Hậu	15/01/1971	0	KLV trung cấp	10.228	Bảo vệ rừng	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	-	Chứng chỉ KLV trung cấp		
652	Trần Trung Dũng	29/05/1961	0	Cán sự	01.004	Bảo vệ rừng	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	-	QLNN ngạch Cán sự		
653	Võ Minh Tân	20/11/1987	0	KLV trung cấp	10.228	Bảo vệ Rừng	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	-	Chứng chỉ KLV trung cấp		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
654	Vũ Đình Lưu	24/02/1963	0	KLV trung cấp	10.228	Phân khu trưởng	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	-	Chứng chỉ KLV trung cấp		
655	Phạm Văn Minh	07/03/1980	0	KLV trung cấp	10.228	Bảo vệ rừng	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	-	Chứng chỉ KLV trung cấp		
656	Huỳnh Ngọc Trí	11/04/1980	0	Kế toán viên cao đẳng	06a.031	Kế toán trưởng	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình	-	Chứng chỉ Kế toán viên		
657	Đinh Thị Ngọc Ánh	26/07/1983	1	Chuyên viên	01.003	Tổ phó	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình	-	QLNN ngạch CV		
658	Mai Ngọc Thạch	17/09/1978		Kỹ sư hạng III	V.05.02.07	Giám đốc	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình	Bồi dưỡng QLNN ngạch chuyên viên	Chứng chỉ Kỹ sư (hạng III)		
659	Lưu Văn Vụ	04/05/1977		Kỹ sư hạng III	V.05.02.07	Phó Giám đốc	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình	-	Chứng chỉ Kỹ sư (hạng III)		
660	Phạm Hồng Giang	01/10/1971		Kỹ sư hạng III	V.05.02.07	Phó Giám đốc	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình	-	Chứng chỉ Kỹ sư (hạng III)		
661	Phan Việt Hùng	01/12/1980		Kỹ sư hạng III	V.05.02.07	Phó Giám đốc	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình	-	Chứng chỉ Kỹ sư (hạng III)		
662	Bùi Trọng Toàn	20/03/1984	0	Kế toán viên cao đẳng	06a.031	Tổ phó	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình	-	Chứng chỉ Kế toán viên		
663	Nguyễn Văn Kính	01/05/1985	0	Kỹ sư hạng III	V.05.02.07	Tổ trưởng	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình	-	Chứng chỉ Kỹ sư (hạng III)		
664	Nguyễn Văn Thọ	26/10/1980	0	Chuyên viên	01.003	Tổ phó	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình	-	QLNN ngạch CV		
665	Nguyễn Tấn Diện	16/09/1979	0	Kỹ sư hạng III	V.05.02.07	Tổ trưởng	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình	-	Chứng chỉ Kỹ sư (hạng III)		
666	Hồ Minh Hải	25/03/1978	0	Kỹ sư hạng III	V.05.02.07	Kỹ sư	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình	-	Chứng chỉ Kỹ sư (hạng III)		
667	Nguyễn Thanh Hợp	06/10/1973	0	Kỹ sư hạng III	V.05.02.07	Tổ trưởng	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình	-	Chứng chỉ Kỹ sư (hạng III)		
668	Nguyễn Vũ Khắc Chân	09/02/1974	0	Kỹ sư hạng III	V.05.02.07	Tổ phó	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình	-	Chứng chỉ Kỹ sư (hạng III)		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
669	Vũ Quốc Kỳ	22/05/1976	0	Kỹ sư hạng III	V.05.02.07	Tổ trưởng	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình	-	Chứng chỉ Kỹ sư (hạng III)		
670	Huỳnh Tuấn Thanh	21/09/1982	0	Chuyên viên	01.003	Tổ phó	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình	-	QLNN ngạch CV		
671	Trịnh Đình Chiến	10/06/1983	0	Kỹ sư hạng III	V.05.02.07	Kỹ sư	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình	-	Chứng chỉ Kỹ sư (hạng III)		
672	Huỳnh Anh Tuấn	26/01/1983	0	Kế toán viên trung cấp	06.032	Tổ trưởng kiêm Kế toán trưởng	Ban Bồi thường Giải phóng Mặt bằng	-	Chứng chỉ kế toán viên trung cấp		
673	Trần Thị Kim Diệu	12/07/1989	1	Chuyên viên cao đẳng	01a.003	Chuyên viên cao đẳng	Ban Bồi thường Giải phóng Mặt bằng	-	QLNN ngạch CV		
674	Đặng Thị Kim Nga	19/02/1967	1	Kế toán viên trung cấp	06.032	Tư pháp - Hộ tịch	Xã Long Hòa	Trung cấp quản lý nhà nước	QLNN ngạch CV		
675	Phan Thanh Bình	06/07/1975		Chuyên viên cao đẳng	01a.003	Chỉ huy trưởng BCH quân sự	Xã Long Hòa	-	QLNN ngạch CV		
676	Lưu Hoàng Giang	02/12/1983	0	Chuyên viên	01.003	Chỉ huy trưởng BCH Quân sự	Xã Lý Nhơn	-	QLNN ngạch CV		
677	Dương Thị Diễm	01/01/1981	x	Kế toán viên trung cấp	06.032	Tài chính - Kế toán	UBND xã Lý Nhơn	Bồi dưỡng QLNN ngạch CV	Kế toán trung cấp		
678	Nguyễn Thị Thu	05/08/1983	1	Kế toán viên trung cấp	06.032	Tài chính - Kế toán	Xã Tam Thôn Hiệp	Cử nhân hành chính	Chứng chỉ kế toán viên trung cấp		
679	Nguyễn Thị Thu Thảo	03/01/1985	1	Chuyên viên	01.003	Văn hóa - Xã hội	Xã Tam Thôn Hiệp	Trung cấp quản lý nhà nước	QLNN ngạch CV		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
680	Nguyễn Công Thắm	21/05/1966		Cán sự	01.004	Tư pháp - Hộ tịch	Xã Tam Thôn Hiệp	-	QLNN ngạch Cán sự		
681	Lê Thị Bích Châm	16/10/1985	1	Kế toán viên trung cấp	06.032	Tài chính - Kế toán	Xã Bình Khánh	Bồi dưỡng QLNN ngạch chuyên viên	Chứng chỉ kế toán viên trung cấp		
682	Đặng Ngọc Phú	20/08/1984	0	Chuyên viên	01.003	Văn hóa - Xã hội	Thị trấn Cần Thạnh	-	QLNN ngạch CV		
683	Nguyễn Văn Linh	29/11/1980		Chuyên viên cao đẳng	01a.003	Chỉ huy trưởng BCH quân sự	Thị trấn Cần Thạnh	-	QLNN ngạch CV		
684	Nguyễn Tấn Hòa	06/03/1985		Cán sự	01.004	ĐC - NN - XD - MT	Thị trấn Cần Thạnh	-	QLNN ngạch Cán sự		
685	Nguyễn Minh Tuấn	01/07/1983		Chuyên viên cao đẳng	01a.003	Chỉ huy trưởng BCH Quân sự	Xã Tam Thôn Hiệp	-	QLNN ngạch CV		
686	Châu Thị Tuyết Mai	25/08/1991	x	Chuyên viên cao đẳng	01a.003	Bí thư Đoàn TNCS	Xã Bình Khánh	-	QLNN ngạch CV		
687	Nguyễn Hoàng Thái	13/07/1969		Chuyên viên cao đẳng	01a.003	Chỉ huy trưởng BCH Quân sự	Xã Bình Khánh	-	QLNN ngạch CV		
688	Cao Văn Hậu	19/12/1981		Cán sự	01.004	Văn phòng - Thống kê	Xã Thạnh An	-	QLNN ngạch Cán sự		
689	Hồ Văn Hoà	30/08/1980		Cán sự	01.004	ĐC - NN - XD - MT	Xã Thạnh An	-	QLNN ngạch Cán sự		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ (X)	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ hiện tại	Nội dung phải đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn	Lý do chưa đạt chuẩn	Ghi chú
				Tên	Mã số						
690	Phạm Văn Diệu	01/01/1972		Chuyên viên cao đẳng	01a.003	Chỉ huy trưởng BCH Quân sự	Xã An Thới Đông	-	QLNN ngạch CV		